

việtnam DANH TÁC

NGUYỄN
TUÂN



VANG
BÓNG
MỘT
THỜI

VANG BÓNG MỘT THỜI

Nguyễn Xuân

vang bóng
một thời

Nguyễn Tuân

*Bìa: **Nhã Nam***
Minh họa: Võ Thành Trung
Nguồn: Thư viện Tiểu Lùn

vang bóng
một thời

NGUYỄN TUÂN

VĂN HỌC
xuất bản - 2000

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản	10
1. Bữa rượu máu	13
2. Những chiếc ấm đất	39
3. Thả thơ	62
4. Đánh thơ	80
5. Ngôi mả cũ	106
6. Hương cuội	136
7. Chữ người tử tù	161
8. Một đám bất đắc chí	183

9. Chén trà sương	207
10. Đèn đêm thu	223
11. Trên đỉnh non Tân	255
12. Khoa thi cuối cùng	299
13. Xác ngọc lam	344
14. Vườn xuân lan tạ Chủ	394

Kính tặng Cô và Bố

NG. T.

Lời nhà xuất bản

Vang bóng một thời là tập truyện ngắn do Nhà Tân Dân xuất bản lần đầu năm 1940.

Những truyện ngắn trong tập sách này thực ra đều đã đăng trên tờ *Tao đàn tạp chí* và *Tiểu thuyết thứ bảy* năm 1939 dưới đề mục *Vang và bóng một thời*. Khi in thành sách, tác giả có sửa lại lời văn, thêm bớt một vài chi tiết ở chỗ này chỗ khác, không có ảnh hưởng gì đáng kể tới tư tưởng của tác phẩm.

Riêng truyện *Bữa rượu máu* và *Chữ người tử tù* thì kiểm duyệt Pháp có bỏ đi vài chi tiết quan trọng. Đặc biệt là *Bữa rượu máu* do lược bỏ hai chi tiết quan trọng (hai tên quan đầu tỉnh Tây và ta chuốc cho nhau hai tuần rượu và một cơn gió lốc làm bay cái mũ của thằng Công sứ Pháp xuống bãi cỏ pháp trường) đã làm thay đổi lớn tư tưởng của tác phẩm.

1

Bữa rượu máu

Phía Tây thành Bắc, trên một nền đất rộng đổ sát vào chân thành cho lẫn gạch ngoài thành được thêm vững chãi, lũ cây chuối mật tha hồ mặc sức mà mọc. Nó um tùm, tàu lá rộng và không bị gió đánh rách, che kín bóng mặt trời. Trên áng cỏ bốn mùa ẩm ướt, loài nấm dại sinh nở bừa bộn. Khoảng đất ấy ở phía sau kho lúa xây trong thành quanh

năm không có vết chân người. Mỗi buổi chiều mặt trời lặn, mấy con chim không tổ mỗi cánh định tìm vào vườn chuối âm u này để ngủ. Nhưng thân chuối cao vút và tàu lá chuối trống trải không đủ là nơi làm tổ, loài chim kêu mấy tiếng thưa thớt rồi lại bay qua ngọn thành. Vào tiết mưa Ngâu, vườn chuối dầm dề một khúc nhạc sông nghe buồn thiu buồn thiu.

Vườn chuối phía Tây góc thành sớm nay quang đãng khác mọi ngày. Trên mặt cỏ ngổn ngang những tàu lá, cuống còn tuôn rỉ ra những dòng nhựa thẫm màu. Không khí làm se nhựa chuối lại, kết nên thành những khối keo quyện chặt lấy bụi cỏ gà.

Cùng một buổi chiều ấy, mấy người vợ lính cơ đứng trong luống bãi dâu trồng ở dưới chân thành sát ngay với bờ rào, được nghe tiếng người hát trên

ngọn thành, ở trên đầu họ, đúng ngay chỗ vườn chuối im lìm của mọi ngày.

Tiếng người trên mặt ngọn thành cũ hát rằng:

Trời nổi cơn lốc

Cảnh càng u sầu

Tiếng loa vừa dậy

Hồi chiêng mớm mau

Ta hoa thanh quất

Cỏ xanh đối màu

Sống không thù nhau

Chết không oán nhau

Thừa chịu lệnh cả

Dám nghĩ thế nào

Hãy ngồi cho vững

Cho ngọt nhát đao

Hỡi hôn!

Hỡi quỷ không đầu!

Người ở trên mặt thành hát đến đâu thì tiếng những thân cây chuối đổ xuống mặt đất tường thành lại kêu roạt roạt đến đấy. Bọn người đàn bà hái dâu ngừng tay bứt lá, nghiêng đầu lắng nghe kỹ. Cái bài hát năm mươi tư chữ nghe như bài sai của thầy phù thủy, đã hát đi hát lại đến mấy lần. Cứ xong mỗi câu thì lại có tiếng roạt. Chỉ có cây chuối bị chặt mạnh, mình lìa hẳn gốc, đổ vật xuống mặt đất thì mới kêu roạt roạt như vậy thôi. Nhưng mà ai chặt chuối? Không phải hẳn là cấm địa, nhưng góc thành sau kho lúa kia cũng là một miếng đất không ai dám vượt phép quan vào đấy mà hát mà phá vườn.

Những người vợ lính cơ, quen sống trong không khí loạn lìa, chiều nay và đêm nay bàn tán không ngớt miệng về cái tiếng hát trên vườn chuối mặt tường thành. Chồng họ cũng lấy làm lạ và tự nhủ ngày mai vào trại sẽ hỏi chuyện cho rõ.

Buổi sớm hôm sau, bọn vợ lính cơ, thêm được ít người tò mò nữa kéo đến vườn dâu ngoài thành, vẫn nghe rõ người ta chặt chuối trên mặt thành với những câu hát rõ mồn một:

Ta hoa thanh quất

Cỏ xanh đổi màu

Sống không thù nhau

Chết không oán nhau...

Bọn vợ lính mang chuyện đó về nhà, thì những người lính cơ đều ra vẻ cảm động sợ hãi và cắt nghĩa:

– Ông Bát Lê sắp làm việc đấy.

– Làm việc gì?

– Ông Lớn sắp đem mười mấy người ra chém. Tiếng người hát trên mặt thành là tiếng ông Bát Lê đang tập múa thanh quát ở vườn chuối đấy.

– Múa thanh quát? Ở vườn chuối? Sao lại hát thế? Ông Bát Lê chém người đã nổi tiếng, còn phải tập với tành gì nữa?

– U mày không hiểu. Lâu nay ông Bát Lê không phải khai đao vì Ông Lớn thấy già yếu muốn cho nghỉ tay. Mỗi lần có án trảm, ông Bát chỉ phải ra pháp trường cho có mặt thôi. Còn công việc

thì đã có người khác đỡ tay. Nhưng vẫn cứ được tiền thưởng. Đã đến gần một năm nay, ông Bát không cầm đến thanh quát. Không hiểu tại sao lần này Ông Lớn lại cho gọi ông Bát ra cho kỳ được và xem chừng như ngài sẵn sóc đến cái vụ xử trảm này nhiều lắm.

Lui vào tư thất và nhác thấy lão Lê đang co tay úp lên mang tai nhìn vào vàng son lộng lẫy nhà riêng mình, quan Tổng đốc sung chúc Đồng lý Quân vụ liên quở:

– Ít bữa nay, chú đi đâu? Ta cho thằng Cửu nó sang gọi mấy lần đều thấy đóng cửa.

– Bẩm lạy Ông Lớn, ít lâu nay con về nhà quê. Giá như ngày trước, có khi nào

con dám đi xa. Sớm tối lúc nào con cũng phải ở trong nội thành, phòng những lúc Ông Lớn bất thần gọi đến. Nhưng từ hồi gần đây, Ông Lớn thương phận già nua cho con được nghỉ tay đao, con có mạn phép về thăm nhà. Được tin Ông Lớn cho đòi, con vội vã vào hầu, xin Ông Lớn tha tội. Con chờ lệnh Ông Lớn truyền xuống.

– Thôi, cho đứng dậy.

Quan Đồng lý Quân vụ ngả mình trên ghế bành vàng son, hất hàm hỏi tên đầy tớ già bát phẩm đang thu bé mãi người bên chiếc cột:

– Liệu bây giờ chém còn mát tay nữa không?

– Dạ.

– Dạ sao? Chú có biết ta sắp cho xuống cái lệnh chi không?

– Dạ.

– Có mười hai tên tử tù sắp đem hành hình. Quan Công sứ muốn được xem tận mặt cái bọn chịu án trảm đó. Người chém sao cho gọn thì chém, hễ chém một đầu đến hai nhát thì không những ta truất tiền thưởng mà người còn bị quở nữa. Chém cho thực ngọt.

– Dạ.

– Tiền thưởng này chính Quan Công sứ lấy ở quỹ mật mà thưởng cho chú đó. Ta muốn giữ phần cho chú nên ta cho gọi vào mà lĩnh lấy việc này, gọi là kiếm thêm chút bổng mà dưỡng cái tuổi già. Chú phải biết khi nhận lấy mười hai tên tử tù là chú phải làm việc cho đầy đủ

phận sự. Chớ để phiền đến ta. Ta đã trót khoe khoang cái tài chém “treo ngành” của chú với quan Công sứ. Chú nghĩ thế nào?

– Dạ, bẩm Ông Lớn đã thương đến phận tôi tớ, chúng con xin hết sức ra công chớ ngựa. Nhưng bây giờ con già yếu lắm, không biết có còn làm được việc như hồi xưa nữa không. Vả chẳng gần một năm nay, không cầm đến mã tấu, e có điều hơi lạc mất đường đao.

– Ta đã nghĩ đến chuyện đó rồi. Chú còn đủ thời giờ để tập lại lối chém “treo ngành”. Nếu cái nghề chém đặc biệt của chú không thể truyền lại cho một người nào được thì một lần cuối cùng này nữa, chú cũng nên cho một vị quan Tây ở đây thấy rõ cái cách chém người sắc tay của một người đầy tớ hầu cận ta là như thế nào.

– Dạ, bẩm Ông Lớn...

– Chú đừng nhiều lời. Đây này, ta cho chú mượn thanh quát của ta mà làm việc. Sẵn có vườn chuối ở sau kho lúa, cho phép chú lên đó mà tập. Có ai ngăn, cứ đưa cái tín bài này ra cho họ nom rõ.

Quan Đồng lý Quân vụ rút khỏi ống bút trên bàn một lá thẻ đỏ, viết mấy chữ thảo vào mặt thẻ sơn trắng, trao cho Bát Lê.

Thế là từ hôm ấy Bát Lê lĩnh thanh quát của quan Tổng đốc leo lên tường thành, xông xáo trong vườn chuối, hết sức tự do, hết sức tàn nhẫn, chém ngang thân loài thực vật, trước khi chém vào cổ mười hai tử tù đang nằm đợi ngày cuối cùng.

Vườn chuối trên mặt thành mọc không có hàng lối nhất định. Ông Bát phẩm Lê phải chọn lựa mãi mới được mấy dãy chuối mọc theo hàng lối thẳng. Y xoay cẳng, lấy bước chân đo những quãng trống từ một gốc chuối này đến gốc chuối khác. Tiến lên, lùi xuống, đo ngang, đo dọc, tự cho là tạm tạm được, y bèn nhẹ nhàng phát hết những tàu lá chuối rườm rà. Đây là cái khu dọn dẹp sẵn để nhận lấy sự thí nghiệm sau cùng của một đường đao bị bỏ quên đã lâu ngày.

Trước khi hoa thanh quất trong mấy hàng chuối được chọn lựa kỹ càng kia, Bát Lê đã múa đao chém lia lịa vào thân mọi cây chuối khác, chém không tiếc tay, chém như một người hết sức tự vệ trong một cuộc huyết chiến để mở lấy một đường máu lúc phá vòng vây. Một

buổi sớm, Bát Lê nhảy nhót trong vườn chuối, đưa lưỡi gươm qua bên phải, múa lưỡi gươm qua phía trái, thanh gươm hai lưỡi đã gọn gàng, nhanh nhẹn phạt qua thân mấy trăm cây tươi còn nặng trĩu sương đêm. Mảnh khăn vuông vải trắng bịt tóc Bát Lê đã dầm ướt, và nhựa chuối chát thấm vào đấy, gặp ánh nắng sớm, đã xuống màu dần dần.

Trên đồng thân cây trơn ướt, Bát Lê vẫn làm việc, nhảy nhót như một kẻ điên cuồng. Cứ mỗi một cây chuối gãy gục xuống cỏ đánh roạt một cái thì Bát Lê lại cất tiếng hát:

Sống không thù nhau

Chết không oán nhau

Cây chuối đổ chắm câu cho từng câu hát, và văng từ trên mặt thành xuống mặt một bãi dâu chân thành.

Tập như thế cho thuần tay hết một buổi sớm và một buổi chiều. Bát Lê sớm ngày hôm sau lại trở lại vườn chuối đã rầu cả lá, đã khô cả vết thương. Y hồi hộp chống gươm xuống mặt đất ẩm ngồn ngồn sự tàn phá, như một võ sinh sắp trở tài ở võ đài với sự phân vân lo ngại của phút biểu diễn. Rồi Bát Lê trịnh trọng tiến vào cái khu vườn chuối đã dọn từ hôm trước để nhận lấy lưỡi gươm thí nghiệm cuối cùng của một cuộc tập chém. Y đứng vào giữa hai dãy chuối, tay phải cầm ngang thanh quát.

Y lùi lại ba bước, lấy hơi thở cho đều, vừa hát to câu: “Tiếng loa vừa dậy” vừa tiến mạnh lên, thuận tay chém vào cây chuối đầu tiên dãy bên phải. Đòn gươm mạnh từ cao soãi xuống theo một chiều chéo, tưởng gặp đến gỗ cứng cũng lướt qua. Thế mà thanh quát chỉ ngập vào

chiều sâu thân cây độ chín phần mười. Lưỡi thanh quát bị ngừng ở cái cũ ấy, rồi lại được lấy ra khỏi thân cây chảy máu. Vừa giật lưỡi thanh quát khỏi thân cây đang từ từ lả gục xuống, vừa hát một câu nữa: “Hồi chiêu mớm mau” Bát Lê lại tiến thêm ba bước đến ngang tầm cây chuối hàng đầu dãy bên trái. Bát Lê thuận đà thanh quát, lại chém xuống một nhát thứ hai. Một thân cây thứ hai gục xuống nữa như một thân hình người quý chịu tội. Thế rồi vừa hát, vừa chém bên trái, vừa chém bên phải, Bát Lê đã hát hết mười bốn câu, và đánh gục mười bốn cây chuối. Bát Lê quay mình lại, ngắm các công trình phá hoại của mình. Thì ở mười bốn cây chuối chịu tội kia, thân trên bị chém vẫn còn dính vào phần gốc bởi một lần bệ giáp nát.

Bát Lê mỉm cười, gỡ cái khăn trùm trên đầu, lau lưỡi gươm vào đấy, vuông vải lại dẫm thêm chất nhựa xám.

Thế là xong một cuộc tập chém lồi “treo ngành”. Và Bát Lê cũng vui vẻ trong lòng đợi ngày nhận tù. Đi từ bề cao nền cỏ xuống chân thành, qua những bậc cấp thúc vào lòng đất, Bát Lê chốc chốc lại dừng bước và ưỡn mình về phía sau, ngắm cánh tay khẳng kheo mình đang lăm lăm cầm lưỡi gươm.

Nội cỏ trước dinh quan Đồng lý Quân vụ một buổi chiều thu quyết đã đổi màu. Mọi khi, ở đấy chỉ có bê bò được thả lỏng khom cổ ngốn áng cỏ tươi, bên cạnh một tốp lính hiền lành, tay cầm lưỡi liềm cắt cỏ về cho ngựa quan ăn. Bây giờ ở đấy, người ta dựng lên một nhà rạp có tàn, có quạt, có cờ ngũ hành. Trước nhà rạp người ta đã chôn sẵn mười hai cọc

tre bị vỏ gỗ đóng mạnh xuống toét cả đầu. Đánh đai lấy khu nhà rạp rộng độ một mẫu, mấy trăm lính mặc áo dậu có nẹp đã tề chỉnh tuốt gươm trần đứng thị uy.

Trời chiều có một vẻ dữ dội. Mặt đất lại sáng hơn nền trời. Nền trời vẫn những đám mây tím đỏ vẽ đủ mọi hình quái rợ. Những bức tranh mây chó mầu thẫm hạ thấp xuống thêm và đè sát xuống pháp trường oi gắt.

Mọi người chờ đợi một cái gì.

Từ phía nhà ngục, mười hai con người chậm chạp tiến tới giữa hai tốp lính áp giải. Bãi cỏ im lìm. Tiếng gong bôn tù dây va vào nhau theo một nhịp bước rụt rè, nghe rõ mồn một như tiếng sênh người chấp hiệu định liệu bước đi cho cổ đòn đám.

Không biết từ đâu ra, ông Bát Lê đứng sẵn chỗ cọc tre. Trong giây lát đã buộc xong bọn người đợi chết vào cọc. Tử tù bị trói giật cánh khuỷu, quỳ gối trên mặt đất, khom khom lưng, xếp theo hai hàng chênh chếch nhau, chầu mặt vào rạp. Những người giữ phần việc ở bãi đoạn đầu đang bóp hông, nắn xương cổ và tuốt cho mềm sống lưng tử tù. Họ cần om thể nào cho tội nhân lúc quỳ phải để được gót chân ngửa đúng vào cái mấu xương cụt nơi hậu môn. Như thế, tử tù sẽ phải rướn mình lên mà nhận lấy lưỡi đao thả mạnh xuống cái cổ căng thẳng. Tử tù lạnh người dần dần. Sinh khí chừng như đã thoát hết khỏi người họ. Trông xa, họ có cái dáng cứng thẳng nhiên của những tượng đá tạc hình người phỗng Chiêm Thành quỳ trước sân thờ các đình chùa nhà Lý.

Tiếng nhạc bát âm thổi bài Lưu thủy trường gần mãi lại. Rồi trong một giây phút mọi người lắng rõ tiếng sênh tiền. Ai nấy nín thở. Trông ra cờ quạt kín cả nền trời và lính tráng kín cả mặt cỏ. Bụi cát bay mù như lúc có cuộc hành quân. Quan Công sứ mặc đồ binh phục trắng có ngù kim tuyến đi sóng hàng cùng quan Tổng đốc. Hai quan đầu tỉnh, một người đi ghệt, một người đi ủng, đều gò bước đi cho nó ăn nhập với cái long trọng của pháp trường. Những tên lính tỉnh gầy ốm che sát vào người hai Ông Lớn mọi thứ tàn vàng tán tía lộng xanh.

Trăm họ dân đen bị bức đi xem chém không dám phạm thượng cúi gằm mặt xuống đất, nhìn cánh cỏ may chọc thủng vải ống quần.

Trong nhà rạp các quan an vị. Thấy thông ngôn người Nam Kỳ đứng khoanh

tay đằng sau quan đầu tỉnh Lưu trú Pháp. Quan Tổng đốc nói trước:

– Những người sắp bị hành hình kia là dư đảng giặc Bãi Sậy. Bản chức rất mong rằng đây là những kẻ phiến loạn cuối cùng. Và nhờ hồng phúc của Quan Lớn, cuộc trị an ở xứ này sớm định.

Quan Công sứ nhận chén rượu của quan Tổng đốc và rót một chén để tạ lại sự trung thành của quan Tổng đốc đối với công cuộc bảo hộ:

– Thiêm chúc rất lấy làm hân hạnh tin cho Quan Lớn biết rằng Nhà nước Bảo hộ không bao giờ quên ghi công Quan Lớn vào công đầu trong cuộc bình định.

Hai quan đầu tỉnh uống đến tuần rượu thứ nhì. Bát Lê cầm gươm tiến đến

trước nhà rạp, vòng tay thu lưỡi gươm lại, vái một vái, cúi mặt đứng im. Quan Tổng đốc nhóm mình khỏi mặt ghế bành:

– Xin phép Quan Lớn cho ty chức được trình với Quan Lớn một tên đầy tớ trung thành. Hắn là tay đao phủ tại pháp trường hôm nay.

– Có phải cái người mà Quan Lớn nói là có tài chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn dính vào cổ bằng lần da gáy đó không?

– Dạ. Mà hôm nay hắn hạ thủ trong một hơi những mười hai cái đầu. Bây giờ để xin ra lệnh khai đao.

Quan Công sứ gật đầu. Viên giám trảm và Bát Lê cùng lùi ra ngoài rất mau.

Một tiếng loa. Một tiếng trống. Ba tiếng chiêng. Dứt mỗi hồi chiêng mớm,

thì một tấm linh hồn lìa khỏi một thể xác. Tùng! Bi li! Bi li!

Bát Lê bắt đầu hoa không thanh quát mấy vòng. Rồi y hát những câu tầy oan với hồn con tội. Trong nhà rạp các quan chỉ nghe thấy cái âm lơ lớ rờn rợn. Viên Công sứ Pháp chăm chú nhìn Bát Lê múa lượn giữa hai hàng tử tù và múa hát đến đâu thì những đầu tội nhân bị quỳ kia chẻ gục đến đấy. Những tia máu phun lên kê phì phì, vọt cao lên nền trời chiều. Mà trên áng cỏ hoen ố, không một chiếc thủ cấp nào rụng xuống.

Bát Lê làm việc xong, không nghỉ, chạy tuốt vào đứng trước nhà rạp. Bấy giờ viên Công sứ mới nhìn kỹ cái thằng cầm gươm mặc áo dài trắng, một dải dây lưng điều thắt chên ngang bụng. Thấy trên quần áo trắng hăn không có một giọt máu phun nào vấy được vào.



Lưu trú quan Pháp liền gật gù hỏi quan Tổng đốc để nhớ lấy tên họ một người đao phủ có lối chém treo ngành rất ngọt. Lưu trú quan Pháp thưởng cho Bát Lê ba cọc bạc đồng bà đầm xòe.

Lúc quan Lưu trú đầu tỉnh gần cầm mũ cáo từ về tòa Sứ, quan Đồng lý quân vụ còn ân cần buộc thầy thông ngôn Nam Kỳ dịch cho bằng được:

– Bẩm quan lớn, chém treo ngành như thế này là phải lựa vào những lúc việc quân quốc thanh thản, số tử tù ít thôi. Gặp phải những lúc nhộn nhạo quá, án chém nhiều, tử tù đông quá, thì ty chức đã có cách khác. Là chẻ đôi cây tre đục dài ra, cặp vào cổ tù xếp hàng, nối đuôi, quỳ hướng về một chiều. Đại để nó cũng như là cái lối thanh tre cặp gấp chả chim mà nướng ấy. Rồi Bát Lê sẽ cầm gươm mà róc ngang như người ta róc mắt mía.

Lúc quan Công sứ ra về, khi lướt qua mười hai đầu lâu còn dính vào da cổ người chết quỳ, sân pháp trường sắp giải tán bỗng nổi lên một trận gió lốc xoáy rất

mạnh. Thường những lúc xuất quân bất lợi, tưởng cơn gió lốc cuốn gãy ngọn cờ sụy, cũng chỉ mạnh được thế thôi. Trận gió xoắn, giật, hút cát bụi lên, xoay vòng quanh đám tử thi, và đuổi theo các quan đang ra về.

Cái mũ trắng ở trên đầu quan Công sứ bị cơn lốc dữ dội lật rơi xuống bãi cỏ lăn lộn mấy vòng. Mọi người liếc trộm hai quan thủ hiến và thì thào.

...Bấy giờ vào khoảng giữa giờ thân.

[Đã đăng Tạp chí Tao đàn, số 4 năm 1939. Khi đưa vào tập Vang bóng một thời (1940), bị cắt xén những chi tiết quan trọng và đổi tên là Chém treo ngành.]

2

Những chiếc ấm đất

Sóng nắng gần tới đỉnh đầu. Sư cụ chùa Đồi Mai thủng thủng trở về trai phòng. Nhà sư già gỡ chiếc nón tu lơ, sắp ngồi vào thụ trai thì có tiếng con trẻ gọi ở ngoài cổng chùa. Một chú tiểu lễ phép bước lên tam cấp:

– Bạch cụ, có người con trai cụ Sáu xin vào.

– Vậy chú vẫn đóng cửa chùa đó à? Chú ra mở mau không có người ta phải đứng nắng lâu. Cổng nhà chùa bao giờ cũng nên để ngỏ. Từ giờ chú nên nhớ: sáng sớm tụng kinh nhật tụng và thỉnh chuông xong là phải mở rộng cửa chùa và tối đến, lúc nào học xong kệ thì mới đóng. Kẻo nữa khách thập phương họ kêu đấy.

Tiểu ra được một lát thì một người con trai trạc mười bảy tuổi xúng xính trong chiếc áo dài thâm, chân sáo lấm, tay bưng cái khay tiến vào tặng xá, vái sư cụ:

– Bạch cụ, thầy con cho con mang xuống biếu cụ bình trà đầu xuân. Và xin phép cụ cho ra giếng chùa nhà gánh một gánh nước.

Nhà sư già đã quen với những việc

biếu và xin mượn này ở dưới cụ Sáu, khẽ cất tiếng cười. Trên khuôn mặt khô xác, nụ cười không có gì là ấm áp thiết tha. Nó chỉ đủ là hiền lành thôi.

– Thế cháu đựng nước bằng cái gì?

– Dạ có người nhà quấy nồi và gánh đi theo còn chờ ở ngoài.

– A di đà phật? Nắng này mà đi từ làng trên xuống tận đây lấy nước, cụ Sáu nhà có công quá. Cháu ngồi nghỉ chân đã. Để già bảo chú tiểu đưa tên bộc ra giếng. Cháu đi từ sớm, chắc bây giờ đã ngót dạ rồi; sẵn oản chuối vừa hạ xuống, già ép cháu thụ một ít lộc Phật.

– Bạch cụ, cháu ăn mặn ở nhà vẫn còn lũng dạ.

Sư cụ chùa Đồi Mai không nài thêm và vẫn chỉ cười rất thuần hậu.

– Cháu có biết cụ Sáu nhà đến xin nước ở chùa đây đã mấy năm nay rồi không? Gần mười năm. Uống trà tàu như thầy cháu thì cũng có một. Cú nước giếng chùa đây mới chịu pha trà. Lúc già tự hỏi về cái tiền thân của thầy cháu xem là như thế nào. Nghĩ đến cái nhân duyên của thầy cháu với nhà chùa đây, thực cũng là bền và kỳ lắm cháu ạ.

Thoáng thấy tên lão bộc đã quảy xong gánh nước đang ngơ ngác tìm mình và làm ướt cả khoảng giữa sân chùa lát toàn đá tảng xanh, người con cụ Sáu, với cái từ tốn của một thư sinh ngồi hầu chuyện bực phụ chấp đã xuất gia, liền vội vàng đứng dậy xin phép về.

– Bạch cụ, cháu vội phải về, vì ở nhà hôm nay có khách uống trà. Có lẽ thầy cháu ở nhà đang chờ nước về.

Nhà sư già cũng vội theo bọn xin nước ra tới thềm ngoài. Sư cụ rút trong tay áo vải rộng ra một chiếc quạt thước, xòe rộng hết cả nan quạt, nghiêng che đầu cho đỡ nắng và bảo chú tiểu:

– Chú chạy mau ra vườn, bẻ mấy cành lá đào.

Rồi cụ giữ con cụ Sáu lại:

– Ấy, ấy, thông thả một chút. Thả mấy cành đào có lá vào nồi nước, lúc gánh đi đường xa nó đỡ sóng ra ngoài và về đến nhà, nước vẫn mát.

Bọn xin nước vái chào nhà sư. Trên con đường đất cát khô, nồi nước tròng trành theo bước chân mau của người đầy tớ già đánh rỏ xuống mặt đường những hình ngôi sao ướt và thẫm màu. Những hình sao ướt nối nhau trên một quãng

đường dài ngoằn ngoèo như lối đi của loài bò sát. Vĩ buổi trưa hè này là một đêm bóng trắng dài, và vĩ cổng chùa Đồi Mai là một cửa non đào thì những giọt sao kia có đủ cái thi vị một cuộc đánh dấu con đường về của khách tục trở lại trần.

Ánh nắng già dặn buổi trưa nung đốt mặt cánh đồng dưới chân đồi, làm rung rinh lớp không khí bốc từ mặt đất. Giống như vệt khói nhờ, nắng vờn qua những màu xanh bóng loáng của một dãy xóm làng cây cối im lìm. Đứng trong cổng chùa từ bề cao nhìn xuống cái thấp dưới chân mình, nhà sư già nheo nheo cặp mắt, nhìn cái nắng sáng lòa. Bọn người xin nước chỉ còn là mấy cái chấm đen, mỗi chuyển động lại làm tung lại phía sau mình một chùm cát bụi mờ mờ. Gió nồm thổi mạnh, nhiều cơn, đã đem

cả mảnh bụi trần kia vào lọt cổng ngôi chùa cao ráo. Nhà sư nghĩ đến cụ Sáu, thở dài tỏ ý tiếc cho một kiếp chúng sinh còn vương mãi vòng nghiệp chướng.

Cụ Sáu vốn đi lại với chùa đây kể ra đã lâu. Từ trước cái hồi nhà sư già tới trụ trì. Mấy pho tượng Phật Tam thế bằng gỗ mít đặt ở trên bệ và mấy pho kinh in giấy đại thừa là của cụ Sáu cúng đấy. Cái chuông treo ở trên nhà phượng trưng cũng là của ông cụ Sáu cúng vào hồi trùng tu lại chùa. Và mỗi lần nhà chùa lập phả khuyến thì ông cụ Sáu đứng đầu sổ. Chùa Đồi Mai ở xa làng mạc, biệt lập trên một khu đồi nên cũng ít bị phiền nhiễu bởi đám tạp khách. Thỉnh thoảng trong bọn khách đến chơi, ông cụ Sáu được sư cụ biệt đãi nhất. Tháng một lần, nhà sư già lại giữ ông cụ Sáu lại ăn một bữa cơm chay và lần nào từ biệt, nhà sư

cũng chân thành tặng khách một rò lan Chu Mặc. Thường thường mỗi lần gặp gỡ, thể nào hai ông già cũng kéo nhau ra cái giếng nước mà chuyện vãn rất lâu. Nhà sư ít nhời, trầm tĩnh ngấm bóng cụ Sáu trong lòng đáy giếng sâu. Cái bóng nhà sư già ít khi được đậu hình cho lâu trên phiến gương nước giếng mát lạnh: chốc chốc một vài giọt nước ngọt lại rời mạch đá tổ ong, thánh thót rớt xuống, tiếng kêu bì bõm. Ông cụ Sáu tỳ tay vào thành giếng nhìn mịn rêu xanh, chỉ ngón tay xuống lòng giếng sâu thăm gần hai con sào mà nói: “Chùa nhà ta có cái giếng này quý lắm. Nước rất ngọt. Có lẽ tôi nghiện trà tàu vì nước giếng chùa nhà đây. Tôi sợ dĩ không nghĩ đến việc đi đâu xa được, cũng là vì không đem theo được nước giếng này đi để pha trà. Bạch sư cụ, sư cụ nhớ hộ tôi câu thể này: “Là giếng chùa nhà mà cạn thì tôi sẽ lập tức

cho không người nào muốn xin bộ đồ trà rất quý của tôi. Chỉ có nước giếng đây là pha trà không bao giờ lạc mất hương vị. Mà bạch cụ, chúng tôi không hiểu tại sao ngọn đồi này cao mà thủy lại tụ. Địa thế chùa này, xem ra còn dụng võ được...”

Chùng như sợ cụ Sáu bàn rộng tới những chuyện không nên trao đổi với kẻ tu hành đã lánh khỏi việc của đời sống rồi, sư cụ vội nói lảng sang chuyện mấy cây mít nhà chùa năm nay sai quả lắm. Rồi kéo cụ Sáu vào trai phòng dùng một tuần nước. Theo một ước lệ rất đáng yêu đặt ra từ ngày mới làm quen với nhau, đã mười năm nay, bao giờ uống nước trà của nhà chùa, ông cụ Sáu cũng được cái vinh dự pha trà và chuyên trà thay nhà chùa.

Dạo này, chắc ông cụ Sáu bận việc nhiều nên đã mấy tuần trắng rồi mà

không thấy văn cảnh chùa uống nước thăm hoa, để cho sư cụ cứ nhìn mấy chậu Mặc lan rò trở hoa mà tặc lưỡi. Cùng bất đắc dĩ phải ngắt cắm vào lọ con vầy. Đạo này cụ Sáu chỉ cho người nhà xuống xin nước giếng thôi. Và trưa hôm nay lúc lặng ngẫm hai thầy trò người con ông cụ Sáu đem nước ra khỏi chùa, lúc trở vào, nhà sư già thở dài cùng sư bác chờ đấy:

– Ông cụ Sáu này, nếu không đam mê cái phong vị trà tàu, đam mê đến nhiều khi lầm lỗi, nếu ông ta bỏ được thì cũng thành một ông sư tại gia. Danh và lợi, ông ta không màng. Phá gần hết cơ nghiệp ông cha để lại, ông ta thực đã coi cái phú quý nhỡn tiền không bằng một ấm trà tàu. Nhưng một ngày kia, nếu không có trà tàu mà uống nữa thì cái ông cụ Sáu này sẽ còn khổ đến bậc nào. Phật dạy rằng hễ muốn là khổ. Biết đâu trong

bốn đại dương nước mắt chúng sinh của thế giới ba nghìn, sau đây lại chẳng có một phần to nước mắt của một ông già năng lên chùa nhà xin nước ngọt về để uống trà tàu. Mô Phật!

Ông cụ Sáu, hôm nay lấy làm thích cái người khách lạ đó lắm. Người khách lạ vừa kể cho chủ nhân nghe một câu chuyện cổ tích. Lê tròn chén vào lợi chiếc đĩa cổ vài ba lần, người khách kể:

– Ngày xưa, có một người ăn mày cổ quái. Làm cái nghề khát cái là phải cầm bằng rằng mình không dám coi ai là thường nữa; thế mà hắn còn chọn lựa từng cửa rồi mới vào ăn xin. Hắn toàn vào xin những nhà đại gia thôi và cố làm thế nào cho gặp được mặt chủ nhân rồi có xin gì thì hắn mới xin. Có một lần hắn gõ gậy vào đến lớp giữa một nhà phú hộ kia, giữa lúc chủ nhà cùng một vài quý

khách đang ngồi dùng bữa trà sớm. Mọi người thấy hần mon men lên thêm, và ngồi thu hình ở chân cột một cách ngoan ngoãn, mọi người không nói gì cả, để xem tên ăn mày định giở trò gì. Hần chẳng làm gì cả, chỉ nhìn mọi người đang khoan khoái uống trà. Hần đánh hơi mũi, và cũng tỏ vẻ khoan khoái khi hít được nhiều hương trà nóng tản bay trong phòng. Thấy mặt mũi người ăn mày đã đứng tuổi không đến nỗi bẩn thỉu quá, chủ nhân bèn hỏi xem hần muốn xin cơm thừa hay là canh cặn, hay là hơn nữa, hần lại muốn đòi xôi gấc, như kiểu người trong phương ngôn. Hần gãi tai, tiến gần lại, tùm tùm và lễ phép xin chủ nhân cho hần “uống trà tàu với!” Mọi người tưởng hần dở người. Nhưng tại sao không nở đuổi hần ra và còn gọi hần lại phía bàn cho hần nhận lấy chén trà nóng. Hần rụt rè xin lỗi và ngỏ ý muốn

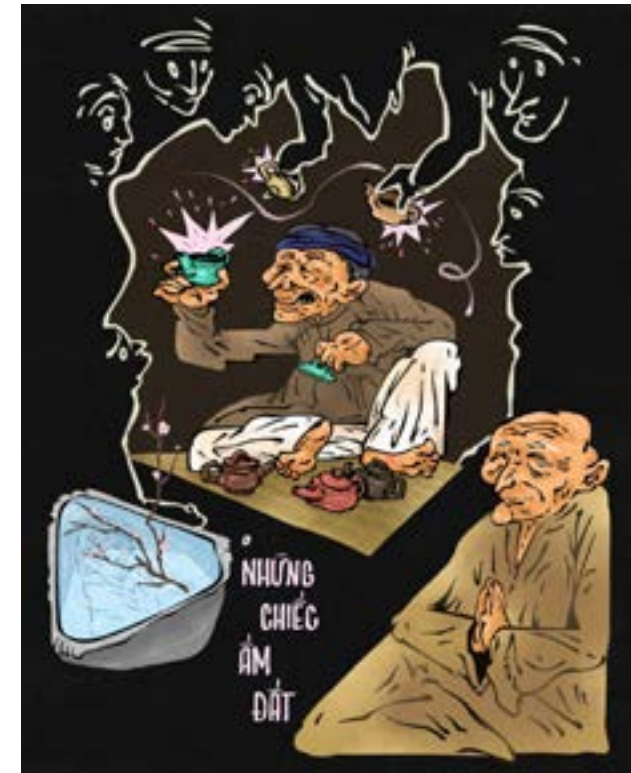
được uống nguyên một ấm trà mới kia. Hần nói xong, dở cái bị ăn mày của hần ra, cẩn thận lấy ra một cái ấm đất độc ẩm. Thấy cũng vui vui và là lạ, mọi người lại đưa cho hần mượn cả khay trà và phát than tàu cho hần đủ quạt một ấm nước sôi, thử xem hần định đùa định xược với bọn họ đến lúc nào mới chịu thôi. Hần xin phép đầu gối rồi là ngồi bắt chân chữ ngũ, tráng ấm chén, chuyên trà từ chén tổng sang chén quân, trông xinh đáo để. Lúc này không ai dám bảo hần là ăn mày, mặc dầu quần áo hần rách như tổ đĩa. Uống một chén thứ nhất xong, uống đến chén thứ nhì, bỗng hần nheo nheo mắt lại, chếp môi đứng dậy, chắp tay vào nhau và thưa với chủ nhà: “Là thân phận một kẻ ăn mày như tôi được các ngài cao quý rủ lòng thương xuống, thực kẻ ty tiện này không có điều gì dám kêu ca lên nữa. Chỉ hiềm rằng bình trà của ngài cho nó lẫn

mùi trấu ở trong. Cho nên bề dưới chưa được lấy gì làm khoái hoạt lắm”. Hấn lạy tạ, tráng ấm chén, lau khay hoàn lại nhà chủ. Lau xong cái ấm độc ẩm của hấn, hấn thối cái vôi ấm kỹ lưỡng cất vào bị, rồi xách nón, vái lạy chủ nhân và quan khách, cắp gậy tập tễnh lên đường. Mọi người cho là một thằng điên không để ý đến. Nhưng buổi chiều hôm ấy, cả nhà đều lấy làm kinh sợ người ăn mày vì, ở lọ trà đánh đổ tung vãi ở mặt bàn, chủ nhân đã lượm được ra đến mười mảnh trấu.

Ông cụ Sáu nghe khách kể đến đây, thích quá, vỗ đùi mình, vỗ đùi khách, kêu to lên:

– Giá cái lão ăn mày ấy sinh vào thời này, thì tôi dám mời anh ta đến ở luôn với tôi để sớm tối có nhau mà thưởng thức trà ngon. Nhà, phần nhiều lại toàn là ấm song ấm quý.

– Cổ nhân cũng bịa ra một chuyện



cổ tích thế để làm vui thêm cái việc uống một tuần nước đầy thôi. Chú cụ tính làm gì ra những thứ người lạ ấy. Ta chỉ nên cho nó là một câu giai thoại.

– Không, có thể như thế được lắm mà. Tôi chắc cái lão ăn mày này đã tiêu cả một cái sản nghiệp vào rừng trà Vũ Di Sơn nên hẩn mới sành thế và mới đến nổi cảm bị gậy. Chắc những thứ trà Bạch Mao Hầu và trà Trảm Mã hẩn cũng đã uống rồi đấy ông khách ạ. Nhưng mà, ông khách này, chúng ta phải uống một ấm trà thứ hai nữa chứ. Chẳng nhẽ nghe một câu chuyện thú như thế mà chỉ uống với nhau có một ấm thôi.

Thế rồi trong khi cụ Sáu tháo bã trà vào cái bát thái rộng miệng vẽ Liễu Mã, ông khách nâng cái ấm quần ấm lên, ngắm nghía mãi và khen:

– Cái ấm của cụ quý lắm đấy. Thực là ấm Thế Đức màu gan gà. “Thứ nhất Thế Đức gan gà; - thứ nhì Lưu Bội; - thứ ba Mạnh Thần”. Cái Thế Đức của cụ, cao nhiều lắm rồi. Cái Mạnh Thần song ấm của tôi ở nhà, mới dùng nên cũng chưa có cao mấy.

Cụ Sáu vội đổ hết nước sôi vào ấm chuyên, giờ cái ấm đồng cò bay vào sát mặt khách:

– Ông khách có trông rõ mấy cái mấu sùi sùi ở trong lòng ấm đồng không? Tàu, họ gọi là cái kim hỏa. Có kim hỏa thì nước mau sủi lắm. Đủ năm cái kim hỏa đấy.

– Thế cụ có phân biệt thế nào là nước sôi già và nước mới sủi không?

– Lại “ngư nhãn, giải nhãn” chứ gì.

Cứ nhìn tắm nước to bằng cái mắt cua thì là sủi vừa, và khi mà tắm nước to bằng mắt cá thì là nước sôi già chứ gì nữa.

Chủ khách cả cười, uống thêm mỗi người hai chén nữa. Cụ Sáu tiễn khách ra cổng với một câu:

– Thỉnh thoảng có đi qua tệt ấp, xin mời ông khách ghé thăm tôi như một người bạn cũ. Mỗi lần gặp nhau, ta lại uống vài tuần nước. Hà, hà.

Năm ấy nước sông Nhĩ Hà lên to. Thảo nào mấy nghìn gốc nhãn trồng trên mặt đê quanh vùng, vụn đó sai quả lạ. Cái đê kiên cố đã vỡ. Nhưng vốn ở cuối dòng nước chảy xiết, nhà cửa cụ Sáu chưa đến nỗi bị cuốn phăng đi. Lúc nước rút, ở cái cổng gạch nguyên vẹn, hai mảnh giấy hồng điều đôi câu đối dán cửa vẫn còn lành lặn và nét chữ vẫn rõ ràng:

*Họ lịch sự như tiên, phú quý như giời,
quất con ngựa rong chơi ngoài ngõ liễu*

*Ta trông cỏ đầy vườn, vãi hoa đầy đất,
gọi hề đồng pha nước trước hiên mai¹*

Năm sau, quãng đê hàn khẩu, chùng hàn không kỹ, lại vỡ luôn một lần nữa. Cái cổng gạch nhà cụ Sáu vẫn trơ trơ như cũ. Nhưng lần này thì đôi câu đối giấy hồng điều, gió mưa đã làm bột màu phẩm mực, ngấn nước phù sa đã phủ kín dòng chữ bằng những vạch bùn ngang dầy dạn.

Ông khách năm nọ – cái người kể câu chuyện ăn mày sành uống trà tàu, đi làm ăn xa đã mấy năm, nhân về qua vùng đấy, nhớ nhời dặn của cụ Sáu, đã tìm tới để uống lại với ông già một ấm trà tàu nữa. Nhưng người khách hỏi nhà

¹ Câu đối này lấy của ông Tú Hải Văn.

ông đến, người khách đã búi ngủi thấy người ta bảo cho biết rằng nhà cụ Sáu đã bán rồi. Thấy hỏi thăm tha thiết, người vùng ấy mách thêm cho ông khách:

– Có muốn tìm cổ Sáu thì ông cứ xuống Chợ Huyện. Cứ đón đúng những phiên chợ xép vào ngày tám thì thế nào cũng gặp. Chúng tôi chỉ biết có thế thôi.

Phải, bây giờ ông cụ Sáu sa sút lắm rồi. Bây giờ ông cụ lo lấy bữa cơm cũng khó, chứ đừng nói đến chuyện uống trà. Thỉnh thoảng có xin được người nào quen một vài ấm, cụ lấy làm quý lắm: gói giấy giắt kỹ trong mình, đợi lúc nào vắng vẻ một mình mới đem ra pha uống. Vẫn còn quen cái thói phong lưu, nhiều khi qua chơi ao sen nhà ai, gặp mùa hoa nở, cụ lại còn cố bắt lấy ít nhị đem ướp luôn vào gói trà giắt trong mình, nếu đấy là trà mạn cũ.

Những buổi có phiên chợ, cụ Sáu ngồi ghé vào nhờ gian hàng tấm của người cùng làng, bày ra trên mặt đất có đến một chục chiếc ấm mà ngày trước, giá có trông ngay cọc bạc nén cho trông thấy, chữa chắc cụ đã bán cho một chiếc. Có một điều mà ai cũng lấy làm lạ, là cụ bán lũ ấm đất làm hai lớp. Mỗi kỳ đầu, cụ bán toàn thân ấm và bán rất rẻ. Còn nắp ấm cụ để dành lại. Có lần vui miệng, cụ ghé sát vào tai người bà con:

– Có thể mới được giá. Có cái thân ấm rồi, chẳng nhẽ không mua cái nắp vừa vặn sao? Bán thân ấm rẻ, rồi đến lúc bán nắp ấm, mới là lúc nên bán giá đắt. Đó mới là cao kiến.

Cụ Sáu cười hể hể, rồi vội quay ra nói chuyện với bạn hàng đang mân mê những cái thân ấm đất đủ màu, cái thì dáng giỏ dậu, cái thì múi na, hình quả

vả, quả sung, quả hồng. Cụ đang bảo một ông khách:

– Thế nào tôi cũng tìm được nắp cho ông. Cứ phiên sau lại đây thế nào cũng có nắp. Không, đúng ấm tàu đấy mà. Nếu không tin ông cứ úp ấm xuống mặt miếng gỗ kia. Cho ấm ngửa tròn lên. Cứ xem miệng vôi với quai và gờ miệng ấm đều cắn sát mặt bằng miếng gỗ thì biết. Nếu muốn thử kỹ nữa, quý khách thả nó vào chậu nước, thấy nó nổi đều, cân nhau không triềng, thế là đích ấm tàu.

[Đã đăng trên tạp chí Tao đàn số 8 (16-6-1939).]

4

Thả thơ

Cái buồn thường không mấy khi xảy đến một cách đơn chiếc. Cụ Phủ bà vừa mất vào quãng đầu xuân, cỏ xanh chưa đủ che kín mặt nấm mộ mới, thì cuối xuân năm ấy, cậu Chiêu lại cũng qua đời. Vì những luật lệ về luân lý gia đình vẫn còn ứng dụng được dưới tuổi vàng thì bên kia cõi đời này, linh hồn cậu Chiêu chí hiếu đang được yên tĩnh

để hầu dưới gối một linh hồn chí từ. Và trên trần, có một gia đình đang lúng túng vì sự hiu quạnh. Bây giờ cụ Phủ ông đã lâm vào cái cảnh gà sống nuôi con một. Nguyên cụ Phủ được hai người con: cậu Chiêu không may sớm cướp công sinh thành, để lại cho cha một người em gái mồ côi mẹ, đã đứng tuổi mà chưa có dịp nào xuất giá. Trời đất ôi, trên mấy gốc tre căn không đủ gây thành một bụi ấm, trận gió thanh bạch ngày ngày cứ lao rào thổi mãi.

Cụ Phủ ông là một người mà học lực và chính tích chấp được cả bạn đồng liêu một thời; cô Tú là một thiếu nữ con quan mà cái tài làm thơ phú theo một gia sáo vững vàng, mà cái hạnh về môn nữ công đủ làm vinh dự cho một gia phong. Nhưng ông Giời thích thừa trừ đã buộc ông Phủ phải nghèo và cô Tú phải xấu.

Và những lúc này, người ta không mấy ai nói đến tài và hạnh và thường chỉ hay nhắc đến chữ phận và chữ duyên.

Tiếng trống phủ trên lầu canh cứ điểm những tiếng vô vị vào một tư thất lạnh lẽo. Gian nhà giữa cụ Phủ Ông đã thâu canh dài làm bạn với thánh hiền bên án sách leo lét ngọn đèn; chái nhà phía tây, cô Tú âm thầm ngồi vắn chuyện với bóng in trên lá màn vải xô. Có những đêm mưa to gió lớn làm nhòe những tiếng trống phủ cầm canh, cô Tú rời phòng mình, qua gian giữa gây một lư trầm cho cha. Ở gian giữa tư thất liền có tiếng ngâm thơ:

Cứ đốt lò hương cho tối sáng

Thử xem mưa gió tối bao giờ².

² Rút trong Hải Văn thi tập.

Nhưng có một đêm rất gần đây, tiếng trống phủ thành hết quấy quả canh dài cụ Phủ và cô Tú nữa. Người ta đã cáo quan về vườn rồi. Ở một xứ quê buồn tẻ kia, bây giờ có một ông đồ già ngồi dạy trẻ và một cô con gái ngày ngày ngồi trong nhà gõ một ống tơ vàng hay là chạy ra vườn bứt ít lá dâu nó cũng già cỗi theo cái cảnh người. Bây giờ muốn nói đến cụ Phủ già đã cáo lão về hưu, người làng chỉ gọi là quan Nghè Móm.

Cụ Nghè Móm thường dạy học vào buổi sớm. Cô Tú săn sóc mọi việc trong nhà cũng vào buổi sớm.

Buổi chiều đến cô Tú đi chợ, làm cơm và mua luôn cả đồ ăn thức dùng cho buổi sớm hôm sau nữa. Cụ Nghè Móm ở nhà nhàn rồi dùng thời giờ vào việc sao một lá số, gieo một quẻ bói hay là kê một đơn thuốc cho người làng. Có một buổi

chiều, một người bạn đồng song cùng ở vùng ấy, nhân bị trời mưa dầm giữ lại nhà cụ Nghè Móm, đã nói với chủ nhân:

– Dăm ba tên học trò nhép này, lấy gì làm đủ sống. Trà tàu, rượu cúc, cây cảnh và hình như bác vẫn chưa bỏ được cái chứng thấp nển bạch lạp để đọc Đường Thi sách thạch bản thì phải, lâu nay có đi đâu xa không?

Cụ Nghè Móm cười. Người bạn già rịt mũi thuốc chặt xuống nõ điều, tiếp:

– Tôi có một chuyện này muốn nói với bác từ lâu lắm, nhưng chỉ sợ bác chê là cô lậu.

Cụ Nghè Móm ngừng tay mài hòn son trong đĩa, chăm chăm nhìn bạn.

– Bây giờ tổ chức những cuộc chơi thả thơ, ý bác nghĩ thế nào?

– Cũng khó lắm. Hồi tôi còn tại chức, có lúc thì tôi đánh thơ ở nhà, có lúc thì lên quan Đốc trên tỉnh, không mấy tháng là không có một cuộc hội họp. Mà tôi nghiệm cái giống thả thơ càng hay chữ càng hay thua cay. Có lắm đêm tôi mất đến mười mấy quan tiền đồng mà không trúng lấy được một chữ.

– Cụ Phủ dạy như thế thì nhảm rồi. Cứ gì phải được tiền. Vả chẳng, người thua có mấy khi là người đốt chữ đầu, và kẻ được thưởng cũng không dám tự đắc lên mặt sánh thơ. Ở vùng đây lắm người cũng muốn chơi lắm nhưng tự xét không đủ tư cách để thả thơ cho ra hồn, nên chưa có cái lối hội họp như vậy. Tôi muốn được biết ý cụ về việc thả thơ này.

– Tôi bỏ đã lâu ngày rồi. Nếu cố định chơi thì phải đọc lại thơ mất một dạo và, vòng cho đủ chữ một túi thơ, kể cũng

công phu lắm. Điều tôi ngại nhất nữa, là bây giờ tuổi tác rồi. Bây giờ lại bày trò vui đó, e có mệt cho tinh thần. Đã thả thơ thì phải ồn ào mới vui. Còn trẻ trung gì cho nó cam. Mà cụ tưởng ở đây ai đánh nổi. Chữ nghĩa đâu mà làm cái vốn. Họ đốt chữ, họ thua thơ, mình ăn tiền của họ đã không lấy gì làm hứng thú mà lại còn mang tiếng rất nhiều nữa.

– Nếu mình cứ thả thơ luôn ở đây, những người ở vùng quanh sẽ tới. Tôi sẽ rao lên. Cụ kêu người đây ít chữ; kệ họ. Họ mất tiền mà được lạm dụng vào làng thơ phú, họ phải lấy làm sung sướng. Mà bọn nhà nho nghèo như anh em mình, nhiều lúc cũng nên cho họ chơi trèo một chút, miễn là họ phải trả tiền. Tục lệ ở hương thôn, khi bán nhiều bán xã, mua quan viên cũng không ra ngoài cái ý đó. Vậy bác để tâm đến việc này. Từ mai bác

đọc lại các tập thơ cổ, tìm sẵn những chữ “vòng” chữ “thả” thì vừa. Cô Tú nhà ta giọng trong và ấm tiếng lắm.

– Để tôi xem xem có nên không đã.

– Cụ không phải nghĩ nữa. Vậy đề xin đính ước với bác đến tuần trăng sau. Ừ, bây giờ chúng ta là cuối hạ. Bắt đầu sang thu mát trời, thả thơ thì tuyệt. Nhà lại ở bên sông, còn chờ gì mà không làm một cái nhà bè trên mặt nước. Kể cũng đủ di dưỡng tính tình và đỡ cho khoản nhật dụng.

Khách đi rồi, cụ Nghè Móm nghĩ đến hồi trước, cụ đi lại với bạn đồng liêu, những lúc thừa nhàn, không đánh tổ tôm, chơi cờ tướng, thì lại bày một cuộc thả thơ hay là leo lên một đôi trái núi đá. Cái buồn thấy đời là ngắn là ít, chớm qua

lòng một ông già đã muốn yên phận với chữ bài.

Bắt đầu từ hôm ấy, những tập thơ cổ được giũ lớp bụi ngầu và ra khỏi cái níp sách sơn son. Cụ Nghè Móm bắt đầu nghiên lại tập thơ của người xưa. Đường thi, Tống thi, Minh thi; đọc đến một bài, đọc hết một câu, gặp được một chữ đột ngột, cụ ngừng lại, ghé mắt kém vào mặt chữ nhỏ như con kiến, cụ vắt tay lên trán, nghĩ ngợi và lẩm bầm. Rồi cụ ngồi nhòm dậy, sao cả bài thơ ấy vào một cuốn sách giấy bản mới mẻ. Nhưng thường cụ chỉ trích lấy một câu ở những bài thơ đọc rất kỹ lưỡng đó. Ngày năm câu, ngày ba câu, một ngày gần đấy, cuốn sách đã đặc những dòng chữ thảo chép những câu thơ rút ở cổ thi. Cô Tú theo lời cha dặn, đã đi mua sẵn rất nhiều tờ giấy tàu bạch rồi rọc giấy ra từng mảnh dài bằng chiếc

đũa và ngang to bằng hai ngón tay. Đám học trò nhỏ, đầu còn để cái chỏm dài lẩn thẩn hỏi cô Tú, cô vui vẻ trả lời:

– Đừng nghịch, thầy trông thấy, thầy mắng chết. Giấy này để làm gì à? Thầy sẽ viết những câu thơ cổ vào đấy để bày ra giữa chiếu những lúc thả thơ.

– Thả thơ? Có làm thơ thì có, chứ thầy và các anh ấy có nói thả thơ bao giờ.

Cô Tú vốn yêu những cậu học trò nhỏ tuổi của cha mình như một người chị lớn đối với em út, cô không khỏi nín cười để giãi:

– Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ bảy chữ mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là

chữ vòng. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu: “Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần” đấy chứ? Ừ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ “hướng” ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này: “Quân hướng Tiêu Tương, ngã ... Tần”. Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm: “Quân hướng Tiêu Tương, ngã “vòng” Tần”. Chữ “vòng” đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ “thả” ra. Thí dụ thầy thả năm chữ: cố, tại, vọng, phản và luôn cả cái chữ hướng trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi.

Tụi trò nhỏ thấy chuyện thả thơ ngộ nghĩnh, nghe lấy làm khoái chí, trở mắt nhìn cô Tú, giục cô nói tiếp.

– Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trúng thì một đồng ăn ba đồng. Nhưng mà đây là chuyện của người lớn tuổi. Các em ra tập bài đi, bao giờ thành người lớn rồi sẽ biết.

– Nhưng mà biết thế nào là được, là trúng hả chị? Lạy chị giảng cho một chút nữa, rồi các em xin đi ra bục học bài ngay, để chị rọc giấy.

– Trên đầu mẫu giấy con này, thầy sẽ viết cái chữ thả, thí dụ là chữ phản. Rồi thầy cuộn tròn đầu giấy lại, giấu chữ ấy đi, chỉ còn độ hở cái khoảng viết mấy chữ: “Quân hướng Tiêu Tương, ngã ... Tần”, với một cái khuyên tròn vẽ thay vào chỗ trống. Nếu trong năm chữ cố, tại, vọng, phản, hướng em chọn lấy chữ phản mà đánh mà làm thành ra câu: “Quân hướng Tiêu Tương ngã phản Tần”, thì là

em trúng đấy. Đặt một tiền thì được ăn thành ba tiền...



Tụi trò nhỏ nhìn nhau cười khúc khích và khi bị cô Tú xua đuổi lên nhà học trên đều ngoái cổ lại cười, nói một loạt với người con gái lớn của thầy học:

– Bao giờ các em nhón, học giỏi được lên tập bài trên trường quan Đốc tỉnh, mỗi khi về thăm lại thầy, chị thả thơ cho các em đánh với nhá.

Đêm mười bốn tháng tám là cuộc thả thơ lần thứ hai của cụ Nghè Móm. Lần trước thả vào thượng tuần tháng bảy; lần này cụ Nghè Móm chọn ngày mười bốn, có người hỏi tại sao không để đến ngày rằm, cụ nói:

Trăng mười bốn bao giờ cũng khéo hơn trăng rằm. Ngày mười bốn là ngày vùng trăng đi tới chỗ toàn thịnh. Ngắm vùng trăng rằm, người tinh ý sẽ nhận thấy cái vẻ sắp tàn của một vật gì đã mãn khai trong có một thì.

Những người có chút kinh nghiệm, đều chịu lời ông già nhận xét là chí phải.

Vùng trăng mười bốn lúc chéch về đoài đã in một cục bóng thẫm và dài lên mặt con sông trắng và lạnh như thổi thiếc vừa nguội. Đây là bóng chiếc nhà bè lợp lá gồi mà trong đó, cụ Nghè Móm đang ngồi làm nhà cái, thả thơ cho hàng chục con người đánh. Người ta đang sát phạt nhau bằng tiền, đem cái may rủi cả vào đến cỏi văn thơ và trên mặt nước sông thu, tiếng ngâm một câu thơ được cuộc, tiếng ngâm một câu thơ thua cuộc mất ăn tiền, những tiếng đó đều âm hưởng trên làn nước lạnh, thanh âm nghe trong trẻo, du dương và thái bình như tiếng vang của một hội tào đàn nào.

Mỗi buổi tối thả thơ, cô Tú đều ngồi bên cạnh cha. Cô bận tay đỡ cái túi thơ của cụ Nghè Móm mở lấy ra từng lá thơ đặt vào lòng chiếu cho làng chọn chữ đặt tiền. Đôi khi có kẻ chọn phải một chữ rất

quê kệch mà lại trúng vào chữ ăn tiền, cô Tú tùm tùm nhìn mãi nhà con đang vợ tiền, chừng như muốn bảo thăm người được tiếng bạc đổ chữ đó: “Đây ông xem, ở đời ăn nhau ở may rủi, chứ chữ nghĩa tài hoa mà đã làm gì, phải không ông?”

Tháng lại tháng, cụ Nghè Móm thả thơ trên mặt sông đã là một chuyện mà một vùng đấy nhắc nhòm đến luôn luôn. Nhưng có kẻ ác miệng đã phao lên cái tin cụ Nghè Móm định mượn cuộc thả thơ để cho con gái lớn gần quá lứa kén chồng.

Từ đấy không thấy cô Tú theo kèm cha xuống bè nữa. Cụ Nghè Móm không cho cô Tú theo mình đi thả thơ. Từ đấy, không rõ tại đâu, cụ Nghè Móm hay thua luôn. Và bọn đánh thơ thì uể oải vợ tiền được, và buồn nhớ đến một cái bóng

người đã mượn ít nhiều tiếng thơ mà tô vẽ nhiều cho lắm buổi đổ chữ lấy tiền.

[Đã đăng tạp chí Tao đàn số 6 (16-5-1939).]

4

Đánh thơ



Sữa quăng cuối đời vua Thành Thái và đầu đời Hoàng Tôn Tuyên hoàng đế, đất Thuận Hóa có ba người đàn bà rất đẹp và rất lãng lơ.

Bằng cái sắc, bằng tiếng ca, bằng cái tiểu xảo, bằng cái duyên lúc kín đáo, lúc lộ liễu, ba người đàn bà đẹp ấy đã thừa tô điểm cho xứ Huế trong một thời.

Cái thời ấy là thời của Nhà nước Bảo hộ tạm gọi là yên trong cuộc bình định. Nơi quê hương, vào những ngày u hoài âm ỷ, gió Đông Bắc còn gửi mãi về cái mùi diêm sinh đem từ ngoài bờ cõi vào. Nhưng, mặc kệ, dưới chân một nếp hoàng thành, bên bờ một con sông nước không bao giờ có sóng, mỗi ngày vẫn có ba người đàn bà ca hát từ lúc mặt trời tắt cho đến lúc mặt trời mọc. Tiếng đàn

hát trên mặt nước một con sông nông lòng và không gợn chút tấm cá, đã vẳng đưa ra rất rộng. Thấy thế, một vài ông già mặc áo vải, mỗi lúc chống gậy trúc ra bến, ngấm bóng nắng tàn rưng phía bên tả ngạn sông Hương, đã thốt ra những lời than thở.

Nhưng, giọt lệ già của người mặc áo vải rỏ rơi xuống thì cát nơi bãi sông cứ việc thấm hút và uống cạn. Và có một cái gì vẫn còn lại mãi mãi ở hai bờ sông Hương thì vẫn chỉ là những tiếng hát. Tiếng đàn hát của giai nhân.

Họ là một bộ ba có ba cái tên rất đẹp, rất thơ mộng: một người là Mộng Liên, một người là Mộng Huyền và một người nữa tên là Mộng Thu. Ở Huế, những cái miện tuổi tác đã bắt đầu theo thị hiếu mà nói luôn luôn đến ba cái Mộng xinh

kia và luôn luôn tấm tắc: “Thần kinh hữu tam Mộng”.

Giữa cái thế giới đàn sáo của thành đô, ba cái Mộng xinh đẹp mỗi đêm rải rác ra mọi bến đò tản mát ở dọc sông Hương, những cái sở đắc về thanh và sắc của mình.

Nước một con sông hiền lành đẩy nhẹ cánh hoa vô định lữ đừ trôi một mình theo những cái xoáy nước yếu đuối. Mỗi đêm, ba cái Mộng gõ một nhịp phách, bấm một dây tơ và để rồi phá cười lên vài trận. Để cho cái xã hội đàn ông mặc áo xanh ẩm ướt phải thêm muốn. Thế rồi trong một đêm tốt đẹp, có một ông Phó Sứ giữ làng, đã đứng lên làm chủ cho một cái Mộng. Mộng Liên đã về hẳn với quan Phó Sứ.

Một cái miệng cười, mười ngón tay thắp bút trước kia là của chung thiên hạ, bởi vì nó không có sở cứ, bây giờ đã trở nên của riêng một nhà. Cặp vợ chồng ấy là một lứa đôi tài tử.

Ông bà Phó Sứ giữ làng không mấy khi ở yên một chỗ.

Cái nghề của họ buộc họ phải xê dịch luôn luôn và mãi mãi. Suốt một dải Trung Kỳ, họ đi về như là trẩy chợ. Tới mỗi nơi, ở mọi chốn, quan Phó Sứ lại mở một cái túi đựng toàn bài thơ đổ ra cho mọi người đặt tiền và bên chiếu bạc văn chương, Mộng Liên lại đàn, lại ca để làm vui cho cuộc đỏ đen rất trí thức này.

Mỗi tuần trăng, cặp tài tử này ở một tỉnh. Cái chiếu bạc thả thơ của họ thường trải ở một phủ nha, huyện nha hay là nơi tư thất một đốc bộ đường. Bất kể lúc lên

voi, lúc xuống chó, lứa đôi này đã để dấu giày trên mọi chốn và tha lê đi khắp nơi cái túi thơ và cái túi phách ăn người của họ. Họ nhờ vả cổ thi, kiếm ra cũng được rất nhiều tiền. Nhưng cái giống lãng tử cầm tiền thường không nóng lòng bàn tay và có mấy khi họ nghĩ đến sự bảo hiểm cho ngày mai của mình. Vợ chồng ông Phó Sứ chưa bao giờ nghĩ đến việc làm một cái tổ ở một chỗ nhất định nào.

Quê hương của họ là Cờ bạc và Đờn hát. Nhà cửa đôi lưu đäng ấy gửi vào trong cái truy hoan của thiên hạ. Cái lối trong đời bấp bênh của họ là ở chỗ nhiều người đã nhắc nhòm tới cái tên Mộng Liên và Phó Sứ, mỗi khi lứa đôi chậm tới hay là đã lâu rồi mà chưa thấy trở lại. Người đánh thơ được, người đánh thơ thua liếng xiếng, ai ai cũng đều nhớ đến họ những khi xa vắng. Hình như bấy

nhiều người đều nhận ông Phó Sứ là đáng mặt làm nhà cái cho những buổi thả thơ rất nên thơ; mở xong mỗi tiếng thơ có khi ăn thua từng mấy chục bạc, người ta đều ngâm đi ngâm lại câu thơ thả. Nhà con, nhà cái đều ngâm vang cả nhà, chùng như muốn thi nhau một cái giọng tốt, chứ đồng tiền mất đi hay thu về được gấp ba số đặt, thời có gì là đáng kể. Giữa hai tiếng bạc trên một chiếc chiếu la liệt những mảnh thơ đề, Mộng Liên đêm đêm kể đuôi tựa má ông Phó Sứ, lại đánh đàn, lại ca Nam bằng, ca Nam ai.

Có lẽ không riêng gì ở một nơi, mà ở mọi nơi, những lúc sốt ruột chờ mong vợ chồng ông Phó Sứ trở lại với túi thơ, mỗi buổi gần giờ tan buổi hầu, những lúc việc quan thanh thản, bao nhiêu thày thừa phái ở các ty Phiên, ty Niết và những ông Hậu Bổ, Thông Phán tỉnh,

Kinh Lịch đã nói những câu:

– Quái lạ, sao cũ này hai ông mụ đó đi lâu quá chưa trở lại thả thơ cho bọn mình chơi hề!

– Đánh thơ của lão Phó Sứ có cái rất thú là được thua chi chi, mình cũng đều lấy làm thích cả. Bởi vì lão biết chọn những câu rất hay mà thả. Mỗi lúc ngâm lên, cái hay của câu thơ đã làm cho bọn mình lạnh hết cả người.

– Chẳng thế mà quan Kinh, ngài đã mấy lần phải bán lương non, thua nhẵn.

– Chơi cái gì thì chơi, chứ đến cái lối đánh thơ thả, cái nghiệp những anh đã hay chữ lại thêm tự phụ, là chỉ mãi kiếp thua không còn lấy một đồng một chữ tiền.

– Và có nhiều đứa dốt cay dốt đắng, thì lại mỗi tay vợ tiền.

– Quan bác có biết tại sao không? Đệ cho không có cái nào lợi hại bằng lão Phó Sứ. Hắn lấy ý tứ ra mà dò tiếng bạc của từng người. Nếu lão biết quan bác thích lối thơ liệu, đọc lên âm thanh và niêm luật tròn trĩnh, nhịp nhàng, thế nào lão cũng rình lão thả một đôi chữ rất quê kệch hay là khổ độc. Quan bác mấy khi lựa những chữ quê kệch mà đặt tiền. Vậy nên lão vòng những chữ rất ngớ ngẩn đó. Thế là quan bác mất nghiệp, nếu bữa đó, quan bác lại đặt tiền đến tốt cửa. Và lão lại còn bán cho mấy cửa đánh những chữ ngô nghê mà lão biết trước sao mình cũng khinh rẻ.

– Kỳ tháng trước, quan Kinh phải đi khám án mạng ở vùng quê thành ra bỏ lỡ mất buổi thả thơ mà tôi rất lấy làm

hứng thú. Ngài nghĩ, tôi đã bắt thóp được một câu do sự vô ý của mục Mộng Liên. Nguyên hôm ấy, lão Phó Sứ cho thả năm chữ: cầm, thủ, đan, thiếp, sầu trong một câu thơ mà lão “vòng” chữ đầu. “Vòng tâm duy hữu dạ đăng tri”. Kể cũng khó đánh đấy chứ. “Ngọn đèn dầu ban đêm soi tỏ, biết cho tấm lòng gì?” Lòng đàn? Lòng son? Lòng một thiếu phụ? Lòng sầu? Phân vân lạ. Bỗng tôi thấy mục Mộng Liên ngồi cạnh, nhìn chăm chú vào chữ thả đứng đầu là chữ cầm, rồi mục thánh thót bấm khê mấy tiếng đàn nguyệt. Tôi đánh ngay chữ cầm ngài ạ. Tôi đoán già là lúc ở nhà vòng chữ, chồng đưa đùi cho vợ gối, lão Phó Sứ đã bị tiếng đàn của vợ dạo lên buổi đêm ảnh hưởng nên lão mới thả chữ cầm. Và đánh chữ cầm, thế nào cũng ăn. Hôm ấy tôi đặt hai chục được sáu chục và muốn tỏ ý cảm ơn người đánh đàn một cách kín đáo,

hôm sau tôi đã mua biếu Mộng Liên một cây đàn nguyệt có bốn cái trục bằng ngà voi nẩy. Đấy, chơi thơ, nhiều khi tâm lý nhiều vào là ăn.

– Tâm với lý gì. Có biết thơ thả, lão Phó Sứ thường mua lại của ai không? Mua của Tào Sắt bên phủ Tuy Lý Vương! Hai ba đồng, tiền công vòng một trăm câu. Thơ Tào Sắt mà thả, thì đừng có hòng mà ăn.

– Này, các ngài có được rõ câu chuyện lão Phó Sứ dám thuê thợ bên Tàu khắc riêng cho mình mấy tấm thạch bản in thành một tập thơ mỏng không? Lão ra khuôn mẫu cho họ in nhiều câu có những chữ lạ, rất ngộ nghĩnh và mỗi khi đem câu đó ra mà thả thực không ai ngờ đến. Nhưng chỉ có khi nào đánh to lắm, lão mới giở đến bí thuật này. Lão tìm đến những quan to và có tiếng là

hay chữ, lão mới thả một hai câu thật gay go. Các quan thua, đòi lão phải dẫn chúng cổ thi, lão giả vờ bịt tên sách lại, che kín lễ, mép và gáy cuốn thơ, chỉ cho xem đủ cái câu thả đó và đứng đĩnh, tùm tùm trình với cả làng rằng đó là một câu thơ Tống. Thật là rõ ràng chữ thạch bản, chữ tuy nhỏ bằng con kiến, nhưng đeo kính vào xem, chữ không nhòe lấy một nét. Nhiều người thua cay, thường chỉ tự trách mình xem cổ thi ít quá và tặc lưỡi kêu: “Cổ nhân dùng chữ úp mở uyển chuyển quá đi thôi. Họ cày có tài, tự cho mình cái quyền hạ những chữ quá lắt léo, đem cái quyền lực của sáng tạo ra mà làm bọn mình đảo điên cả nhận thức và cả tiền bạc nữa. Còn ai biết đảng nào mà lần nữa”. Ấy một năm lão Phó Sứ dùng lối thả thơ sanh tử như thế độ một đôi lần, đủ gỡ lại những bữa thua to. Chà! Nhưng mà nghĩ lắm lúc cũng tội.

Vợ chồng họ nhiều khi thua nhẵn. Lắm bữa không có lấy một chữ tiền mà thừa dây đàn nữa. Và hai ông mụ phải vờ cáo bệnh nằm bệt một nơi có khi đến hàng tháng.

– Cụ Tuần trước ở đây, chơi không được lịch sự, thành thử vợ chồng ông Phó Sứ họ cũng đâm nhờn. Ai đời đi mặc cả với họ mỗi buổi đánh thơ xong, phải đưa cho mình một số nhất định là bao nhiêu, mặc dầu họ thua hay là được. Không những thế, Cụ lại còn quấy nhiễu họ giữa những tiếng bạc lớn. Lấy tiền nhà cái, lúc năm đồng, lúc mười chữ, tẹp nhẹp quá. Hình như Cụ còn chót nhả với cả mụ Mộng Liên nữa.

– Thì cũng phải lấy hồ chút ít chứ sao? Có thể thì những buổi hội giảng đầu tháng bên tòa bên tỉnh xong, Cụ mới giữ các quan phủ huyện lại cho chớ? Vậy chớ

ai trả tiền những mâm rượu linh đình giáo đầu cho mỗi cuộc thả thơ?

– Cái ông huyện Bình Khê, người trông đứng đắn thế vậy mà nhảm lạ. Ông ta chúa hay vờ vĩnh. Nhà cái chưa thả thơ xong, ông cứ vờ vĩnh giục ồn lên những là lâu và làng đặt tiền chậm như thế thì một đêm, phỏng thả được mấy câu thơ. Thế rồi ông vờ lấy lá thơ đặt ở giữa chiếu, dọa mọi người nếu không đặt tiền nhanh lên thì ông thổi tuột lá thơ ra và xin làng, nếu nghĩ lâu quá, thì đợi đến câu sau hãy đánh vậy. Mỗi lần ông cầm lên đặt xuống lá thơ, cái mẩu giấy tàu bạch cuộn tròn như tổ sâu kền lại nơi giãn dần ra một chút. Và ông đã hé nhìn được chữ gì viết trên đầu giấy, cuộn tròn tận vòng trong cùng lá thơ. Mắt ông ta nhanh như cái cắt. Có lần ông Phó Sứ vòng một chữ bút, ông huyện vờ

xin thối thế nào mà nhìn được cái nét sổ dài. Rồi là có bao nhiêu tiền đem đặt vào chữ bút đến tột cửa! Nhưng, mục Mộng Liên xem chừng cũng hiểu, nên mỗi lần sau, ông huyện Bình Khê động tay vào lá thơ là mục lại buông tay đàn, chận lấy giấy và nhìn trừng trừng vào giữa mặt ông huyện có tính gian xảo kia.

Đêm hôm đó người ta bày cuộc đánh thơ ở nhà ông Kinh Lịch. Mọi người tụ tập ở đây đều lấy thế làm vừa lòng. Vì ít ra, ở đây, người ta cũng chơi bởi có phần được tự nhiên hơn ở trong dinh các cụ. Ông Kinh Lịch là một người trọng cái sạch sẽ của tâm hồn, nói to cùng mọi người là ông không thu tiền hồ. Ông chỉ yêu cầu ai được thơ nhiều nhất thì nên cho người lão bộc nhà ông một số tiền nhỏ mọn để đền lại cái công nó làm dầu, làm đèn, nấu cháo và bưng đĩa. Ông

Kinh lại còn khấn khoản với mọi người đừng nên làm huyên náo nhà cửa lên. Ông vui vẻ nói:

– Đã hay rằng vớ được câu thơ hay, ai mà chẳng muốn ngâm vang lên. Thứ nhất lại ngâm vang câu thơ thả mình vừa đánh trúng cái chữ hiểm hóc, thì ai mà bùm miệng được. Một người ngâm, cả làng phụ họa vào, ồn ào bằng võ chợ, cái đó cũng là thường tình. Nhưng, tôi xin các ngài biết cho là chúng ta ở trong thành, gần ba dinh Cụ Lớn, mình không nên làm náo động quá. Bình khe khẽ, đủ nghe với nhau thôi.

Cả một lũ con bạc lên mặt tài giỏi, nhìn ông Kinh Lịch cười hóm hỉnh và khoan thai bước vào chiếu giữa. Ông Kinh Lịch châm thêm dăm bảy cây sập nữa đã gắp sẵn vào để đèn đồng. Tất cả thành thử đến hơn mười cây nến, chung

nhật độ lại để tăng bốc cái mùi thơm gắt ngát của một bình hoa rộng miệng chứa gần trăm gốc huệ trắng. Hoa huệ mãi khai cuộn cong đầu cánh trắng lại như những râu rồng và gập tiết đêm, gập sức nóng của nền cháy, của người thở mạnh, của hơi thở dồn vang càng hết sức nhả mùi hương. Không khí đều là huệ hết cả, có người rít mạnh mỗi thuốc Lào, đã lầm rằng thuốc của mình là ướp ủ bằng hoa huệ. Hơi huệ ngùn ngụt bốc lên, quện lấy mùi dầu dừa nơi mái tóc Mộng Liên. Mộng Liên mặc chiếc áo màu hỏa hoàng ngồi ép sát vào chông, mặc một chiếc áo lụa năm thân nhuộm màu khói nhang đột chỉ trứng rạn. Ông Phó Sứ vừa gỡ túi thơ vừa hỏi làng:

– Dạ thưa, có đánh thơ cổ phong không? Và có đánh chữ chân không?

Một con bạc ít tuổi và chùng như mới tập tổng lối chơi chữ này, hỏi lại:

– Đánh thơ cổ phong? Thôi, nếu thả thơ cổ phong thì anh em ở đây đưa tiền cho ông tiêu hết. Còn đánh chữ chân là thế nào?

Ông Kinh Lịch đang nằm bên khay đèn, ngồi nhồm dậy nói chỗ xuống chiếu dưới:

– Cái ông Thừa nhà tôi đến hay lắm lắm. Đã đi đánh thơ đòi ăn tiền thiên hạ, còn hỏi lục vấn thế nào là chữ chân. Thừa ông, câu thơ bảy chữ, đem vòng chữ thứ bảy cuối cùng cho làng đánh, thế gọi là đánh chữ chân ạ.

– Nếu thế thì đánh cả chữ trắc và cả chữ bằng à? Thôi, xin làng cứ theo như lệ mọi khi mà đánh. Đây chúng tôi không

phải là thi bá, không dám đánh chữ vắn, chữ chân.

Ông Phó Sứ và Mộng Liên nhìn nhau cười; vợ chồng có ý bảo thăm nhau rằng làng cũng khôn đấy nên mới không dám trêu vào lối đánh thơ hiểm hóc này.

Lá thơ đầu tiên đã ra khỏi miệng túi gấm vắn khư khư nằm trong tay Mộng Liên. Cả làng chăm chú nhìn và ngâm ngợi và ngẫm nghĩ. Cái gì mà "... thượng, mai khai, xuân hựu lão"? Cuối lá thơ thả, có sẵn năm chữ thả viết xương kính: tái, sơn, đình, mộ, Văn. Cả làng ngâm:

"Vòng" thượng, mai khai, xuân hựu lão.

Vắn lời cái ông thừa trẻ:

– Tái, sơn, đình, mộ, Văn. Ta đánh chữ tái: "Tái thượng, mai khai, xuân hựu

lão". Hoa mai... nở trên mặt ngọn ải... xuân lại già nữa.

Nghĩ ngợi lâu, ông Thừa trẻ trở nên do dự. Thấy ông Thông phán tỉnh, người có tuổi và vốn sành về môn thơ thả, đánh chữ Văn, ông tỏ ý ngạc nhiên:

– Văn thượng, mai khai, xuân hựu lão. Quái nhỉ! Sao lại Văn?

Rồi ông Thừa cứ mân mê mãi cọc tiền, không biết nên đặt chữ gì để ông Phó Sứ phải sốt tiết lên cắt nghĩa hộ cho bằng vẻ lễ phép ngụ nhiều ngạo mạn kín đáo.

– Thừa ngài, Văn là con sông Văn chảy qua đất Lỗ, quê đức Thánh Khổng. "Mai nở trên sông Văn, xuân lại già". Cụ Phán tỉnh đánh thơ như thế, câu đó ngài cho làm lạ lắm sao?

Và, xem chừng cả làng cũng không có một ai đánh thêm được đồng nào nữa, ông Phó Sứ xin làng cho phép ông được thối lá thơ cuộn tròn để tuyên bố cái kết quả tiếng bạc đầu tiên. Ông đã nhẹ nhàng cầm lá thơ, phồng má định thối phù một cái. Một vài người vội vàng vút thêm tiền đặt vào mấy chữ tái, sơn, đình. chỉ có chữ mộ là không ai đánh cả.

Mộng Liên ngồi đánh được một phần ba bản đàn Nam bình. [Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất bốn dòng chưa tìm ra được.]

Thế rồi tiếng bạc mở.

Và cả làng đều ngã ngửa ra khi đọc rõ lá thơ thả kia là câu: “Mộ thượng, mai khai, xuân hựu lão”. Cả làng nhao nhao:

– Ô, cổ nhân dùng chữ ác thật. Hoa

mai nở trên nấm mồ, xuân càng già.

– Thơ phú thể có giết người không? Ai biết đằng mô mà lần, mà đoán.

Ông Phó Sứ trước khi vợ tiền cả làng, vì không ai đánh chữ mộ, ông đã vội trình với làng một trang sách thơ mở rộng. Và tay vừa chỉ một dòng chữ in nhỏ, mồm vừa nói:

– Thưa với làng, câu này lấy ở bài Tọa phóng hạc đình của Từ Dạ.

Bao nhiêu bộ mặt tăng hăng đều cúi cả vào trang cổ thi và ề à ngâm lại:

“Mộ thượng mai khai, xuân hựu lão; Đình biên hạc khứ, khách không hoàn”. Hay, hay thiệt.

Ông Kinh Lịch đêm ấy thua to. Ông truyền cho người cuốn chiếu bạc và ân

cần dặn vợ chồng ông Phó Sứ tháng sau có trở lại thì thế nào cũng phải tổ chức cuộc thả thơ ở ngay nhà ông cho ông gỡ lại. Ông còn năn nỉ xin ông Phó Sứ làm quà cho mình tất cả những lá thơ đã dùng đánh suốt một đêm qua. Thấy nhà cái trù trù, ông Kinh Lịch nói dối:

– Có cho, thì tôi giữ làm chút kỷ niệm.

Ông Phó Sứ cười, trao vào tay ông Kinh mấy chục lá thơ đã dùng đến nhàu nát rồi và thắt chặt lại miệng túi gấm còn đựng đến gần trăm lá thơ khác chưa dùng đến còn phong kín cái bí mật một chữ thơ. Rồi nhà cái nhà con chấp tay từ biệt nhau với một câu đính ước:

– Cũ thượng tuần tháng sau, xin lại gặp nhau ở đây nữa.

Nhưng ngày thượng tuần tháng sau, ông Phó Sứ và Mộng Liên không trở lại. Rồi quá cũ trung tuần, rồi qua luôn cả cũ hạ tuần. Nhiều khách thả thơ đã dầy công chờ đợi vợ chồng ông như một cái bóng chim như một cái tằm cá.

Một hôm có người ở Kinh ra, nói chuyện cùng ông Kinh Lịch:

– Ông Phó Sứ chết ở chân Đèo Ngang rồi. Mộng Liên giờ là người góa và đang lúng túng tìm người giữ cho cây đàn. Số là đi qua Hoành Sơn quan, thấy cảnh đẹp, lòng sinh tình, hai ông mụ đã yêu nhau giữa vùng trời nước bao la. Ngay chỗ dưới chân ngọn tường ải có chữ “Đệ nhất hùng quan” của đức Thánh tổ ngũ phê ấy, ông ạ. Trúng cơn gió độc, ông Phó Sứ đã hóa ra ma chết đường. Mộ để sát ngay bên đường thiên lý. Cái giống ma trời này, sẽ thiêng vô cùng. Rồi đây

những lúc thanh vắng, những lúc trắng
bãi gió ngàn, hồn ma tha hồ mà trêu ghẹo
khách bộ hành vô Kinh đấy ông ạ. Cấm
cảnh cho lão, đâu có bậc thời sĩ quê vùng
Ngũ Quảng có làm đôi câu đối điếu. Xin
đọc ông nghe:

*Ra Bắc vào Nam, trăng gió đề huề thơ
một túi*

*Lên đèo xuống ải, mây mưa đánh đổ
cuộc trăm năm.*

[Đã đăng tạp chí Tao đàn số 7 (1-6-
1939).]

5

Ngôi mã cũ

– Thành ra cái hồi cụ An nhà mất thì cậu mới có ba tuổi.

– Dạ.

– Thế cậu không rõ cái người phân kim cắm huyết cho cụ An hồi ấy là ai à?

– Dạ, thưa không.

– Tôi thấy cậu là người còn ít tuổi, mà có chí như thế, tôi có bụng yêu.

Bồ cô cha, bồ cô mẹ, sống cái tuổi thơ ấu giữa cảnh loạn lạc và nghèo túng, vậy mà vẫn có chí theo đuổi được việc sách đèn, tôi lấy làm khen lắm. Giá như con nhà khác thì lêu lổng và hỏng từ bao giờ rồi còn gì. Cái thiên lương của cậu tốt lắm.

Cậu Chiêu ngồi hầu chuyện cụ Hồ Viễn, lòng buồn rười rượi. Mồm thì dạ vâng để giữ lễ mà óc thì bận nghĩ giật lùì về cái hồi còn nhỏ bé của mình. Cụ An ông mất, cụ An bà cũng mất theo liền. Cách nhau không đầy ba tháng, cậu Chiêu mang luôn hai cái tang lớn... Mấy ông chú, bắt đầu phá tán cái gia tài còn con... Một mình ở với chị, lúc ấy chị mới có mười hai tuổi... bấy giờ lại đang loạn lạc. Trăm họ tan lìa... Bao nhiêu ông già

bà cả chạy giạt vào cái thăm thăm của rừng Hưng Hóa. Màn trời... có những vòm lá cây âm u. Chiều đất... có những cỏ áy, sim lụi và những cành cây mục bỏ với những đàn kiến lửa nối nhau ngày đêm bò liên liên như là quan quân đi tiểu giặc. Nhớ đến cái mình sống hồi ấy giữa cảnh ly loạn, cậu Chiêu hình dung thấy rõ môn một, một cái đứa trẻ mồ côi rất đáng nên tội nghiệp kia. Cậu đấy. Ủ, tưởng là chết được lắm, chứ có ai ngờ đâu còn sống được đến bây giờ và lại còn được ăn học đến nơi đến chốn nữa. Cái thân một người con quan lúc bấy giờ thật đã khổ cực đủ trăm phần.

Ông cụ Hồ Viễn vẫn nói và uống. Càng nói chuyện, cụ càng uống rượu; càng uống rượu, cụ càng được nói chuyện nhiều. Mỗi lúc bị hỏi gặng, cậu Chiêu lại như tỉnh cơn mơ nhỏ.

– Dạ?

– Thừa vâng.

Rồi cậu Chiêu lại vẫn không quên cái cảnh màn trời chiều đất của ngày bé bỏng. Dưới cái màn trời triển miên những kinh động ngờ sợ, ánh sáng tối và ẩm ướt của rừng tị nạn đổ xuống một cái đầu xanh đang ngậm chùm tóc mới vừa tơ mà đã nhuộm màu tang. Trên cái chiều đất dằng dặc mùi côi cút, một cặp chân có khóa bạc vòng vàng đang in đôi gót đỏ như son lên cái rêu nhầy nhờn, của ngày đau khổ và lẫn lút. Có những ngày liên tiếp cậu Chiêu và chị – cô Tú – phải nấu củ rừng ăn với cháo chó, những con chó trung thành cùng theo chủ vào ruột rừng Hưng Hóa.

– Cậu còn nhớ chỗ để ngôi mộ cụ nhà đấy chứ?

Cậu Chiêu choàng ngời thẳng mình lên và ngừng tay quạt ruồi chồn vờn trên mâm cơm, vội thưa với cụ Hồ Viễn:

– Dạ thưa cụ, cháu nhớ lắm. Có ai mà lại đi quên được mồ mả cha ông. Vả chăng, vẫn còn có tấm bia ở đấy.

– Ờ. Đây là xứ Đồng Cồn phải không? Từ ta đây mà xuống dưới xứ Đồng Cồn thì đi như thế nào nhỉ?

– Dạ như chúng tôi đi bộ thì mất trọn một ngày, nếu không nghỉ ở dọc đường. Nhưng cụ có đi thì phải thuê cáng. Và đi cáng đò ba thì tinh mơ đi, độ quá giờ Ngọ đã tới.

– Thôi được rồi, để hôm nào mát trời, tôi và cậu sẽ xuôi xuống Đồng Cồn. Ngôi mộ cụ Án thể nào cũng phải phúc lại. Mộ để như thế, hỏng hết. Ai lại tọa

như thế, hướng như thế bao giờ. Minh đường có mà thành ra nghịch thủy hết cả. Cậu nói qua qua thế, tôi cũng đủ rõ rồi.

Mâm rượu vừa bung đi xong, cậu Chiêu kính cẩn mời cụ Hồ qua giường bên nghỉ.

Bấy giờ cậu Chiêu mới lùi vào nhà trong qua bên chái buồng cạnh. Cô Tú ngừng tay gieo thoi trên khung cửi vải, vuốt mái tóc xuể xòa dưới vành khăn nâu mỏ quạ.

– Thôi, em đi ăn cơm sớm đi chứ. Cơm ủ trong chần đã ôi hết cả rồi. Có cái đĩa nộm khoai kho tương, chị để phần cho em một ít đấy.

– Em nhớ ra rồi. Hôm nay ngày rằm, chị ăn chay.

Cô Tú cười. Nét cười dè dặt lẫn có mùi vị của hy sinh.

Với cô Tú, cuộc đời giờ đã hết tất cả xán lạn rồi. Bởi vì đời đã sớm đòi hỏi cô nhiều về bốn phận. Cô nhất định không đi lấy chồng và vui lòng sống vậy cho đến lúc nào cậu Chiêu em đi thi được và làm nên được. Ở trong cảnh côi cút với sự thanh bạch, cô Tú ngày ngày dệt vải, và khâu thuê vá mướn cho người xóm làng. Những lúc rời tay kim tay thoi thì cô lại lên tiếng ngầy ngà đến người em lúc quên mặt chữ sách hay là bỏ dở một trang quyển bài viết. Cái bây giờ của cô Tú đã là không đáng kể và cô chỉ sống bằng mong chờ về cái mai sau của cậu Chiêu. Dưới quang đèn dầu bông, nhiều khi người em đã rầu lòng, tỏ lời hối lỗi vì những lúc làm phiền lòng cô Tú mà cậu coi như là mẹ, một người mẹ rất trẻ, đầy

âu yếm và thừa đức tin vào mình.

Chị ngồi chờ em ăn xong bữa cơm rau dưa, đưa tắm nước cho em rồi mới hỏi chuyện về việc ông cụ Hồ Viễn đã nhất định hôm nào thì đi xem lại ngôi mộ cha cất ở Đồng Cồn chưa. Cậu Chiêu thở dài, tỏ vẻ sốt ruột:

– Cụ Hồ ở nhà ta có đến hơn một tháng rồi mà cứ nay lần mai lửa mãi. Em thấy tốn nhiều quá chị ạ.

– Em coi chừng lời nói, kéo cụ Hồ nghe thấy thì uống cả cái bụng thành kính của mình đi.

– Chị thử nghĩ, mỗi ngày hai bữa rượu và mỗi phiên chợ lại một bữa thuốc phiện. Ông cụ Hồ khó tính quá. Thuốc phiện nếu không phải là thứ một lạng đựng vào cồng thì không hút. Gớm,

không hiểu ông cụ Hồ để móng tay làm gì mà dài đến thế. Móng tay út lá lan của cụ uốn hai vòng như râu rồng. A chết chữa, hình như hôm nay quên không mua chanh để chút nữa cụ dậy rửa móng tay.

– Có trong kia rồi. May quá. Chị chưa thấy cụ Hồ gắt gỏng mỗi khi bùng thau nước ra mà không kèm vào vài quả chanh sao?

Em phải nên chiều cụ. Những lúc đêm hôm, em chịu khó hầu hạ cho được vừa lòng cụ. Cả nhà có hai chị em, chị là gái, vậy chị trông cậy ở em. Em nên biết, rước được cụ Hồ về nhà khó lắm.

– Nhà ta nghèo, cái đó cụ Hồ rõ lắm rồi còn gì nữa. Vậy mà cụ bày vẽ ra nhiều quá. Một tháng, hai tháng, cố gắng thì may cũng chiều đãi được chu tất. Nhưng

em chỉ sợ cụ cứ ở lý mãi đây, hết trông trời lại đến xem lịch, mà vẫn không chịu đi xem hộ ngôi mộ của thầy, rồi thì sao?

– Chị ngờ cụ Hồ muốn thử đến lòng kiên nhẫn của chị em nhà mình, xem mình có được chí thành không. Tại sao, ở vùng đây, khối người giàu có, cụ không thèm tới, tuy họ chèo kéo. Em nên nhớ đến câu này nữa. Là hồi xưa, cụ Hồ đây có biết thầy lắm.

– Vậy hờ chị? Sao em không nghe chị nói bao giờ. Chị kể cho em rõ.

Cụ Hồ nguyên là tướng Cờ Đen. Tên cụ khác kia. Chú Thủ nhà có biết vì nhiều lần chú Thủ có nói đến rồi. Nhưng chị quên... [Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ hai dòng chưa tìm ra.].

Một cái cờ, cán dài hơn con sào, lá to

bằng cả một cánh buồm thuyền lớn; lựa chập ba sợi xe làm một rồi mới dệt, rồi mới nhuộm đen. Đấy, vì thế mà gọi là Cờ Đen. Viên chung quanh lá cờ to tướng là những hàng móc sắt, sắc hơn lưỡi câu. Người ta nói chuyện lại rằng cụ Hồ, hồi còn làm tướng quân Cờ Đen, mỗi lúc cụ trưng lá cờ đầu khi xuất quân, trông oai phong lắm liệt. Bên thắt lưng điều, cụ giắt hai khẩu súng. Phía bên trái là một khẩu đoản mã và phía bên phải là một khẩu súng thập bát hượng bắn một lúc những mười tám phát liên.[Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mười dòng chưa tìm ra.]

Có lẽ hồi nhỏ, những lúc ở trong thành xây đá tổ ong tỉnh Sơn, hồi thầy còn ở chức, chị cứ nghe thấy tiếng kèn tàu và loa đồng và trống trận nổi lên nhiều, là chính vào lúc quân Cờ Đen tế

cờ ăn mừng được trận như thế. Quân Cờ Đen có cái tục tế cờ lúc thu quân... Nào ai biết. Thấy các ông già bà cả bảo thế.

– Cụ Hồ mà tài giỏi và dữ thế kia?

– Vậy mà những lúc việc quân thông thả, cụ mặc áo dài “sường sấm”, đội mũ “sường chỉ” có quả bông đỏ, cầm quạt vào chơi trong dinh với thầy, thì trông nhàn nhã và văn vẻ lắm. Cụ Hồ yêu thầy vì thầy viết chữ rất tốt. Chú Thủ thường nói chữ thầy viết có gân có mác như chữ lá thiếp. Bao giờ thầy cũng cầm bút đứng thẳng cái quản, chỉ thẳng vào đầu mũi và cùi tay không tỳ xuống văn kỷ. Nên những nét sổ rất khỏe và rất thẳng. Hôm nào em giở cuốn gia phả ra mà xem thì rõ.

Cậu Chiêu nghe chị kể chuyện, thích lắm. Vì chung quanh cái thân thể một

ông già mà cậu vẫn chỉ cho là một ông thầy địa lý khó tính chỉ đáng trọng một cách vừa phải mà nhiều khi còn gượng ép nữa kia, bây giờ cậu thấy cả một huyền sử bọc quanh một lão tướng võ nghệ cao cường và bí mật. Cái ông tướng tài giỏi ấy, ngày ngày cậu gần kề và chuyện trò cùng. Vậy mà hơn tháng nay, cậu không biết gì cả.

Giàn bầu nằm ở ngoài sân, dây leo và lá chằng chịt lấp chật ô giàn nữa, đã làm dịu hẳn cái nắng thánhtử ở trước mặt nhà. Ánh nắng đổ xuống giàn, khi lọt xuống sân bị cái cốt xanh ngắt của cây lá lọc qua một lượt, rồi đổ dồn và vờn vào áo vải trắng dài cậu Chiêu đang ngừng đầu ngắm những quả bầu nằm buông thõng xuống ngang mặt. Cái áo vải trắng cậu Chiêu đã biến thành một áo lụa màu xanh của người phong lưu

và đa tình. Đây là cái màu dịu mát của chất ngọc bích; đây là màu xanh ở những cánh đồng lúa non ngút ngàn của những xứ yên ổn không bao giờ có nạn binh lửa.

Gió nam từ ngoài lũy tre già thừa đưa vào, làm va đập vào nhau những bình rượu của Tự Nhiên. Những quả bầu mà được cứng lần cùi như chất vỏ cây khô, thì mỗi khi cơn gió vèo đẩy những bình rượu ấy văng cụng vào nhau, người ta sẽ nghĩ ngay đến cái hình và cái tiếng của lũ khánh đất nung và cá đất nung ở cái sân cây cảnh một gia đình thanh bạch.

Cậu Chiêu nắm từng quả bầu nằm. Lúc buồn tay, lắc quả bầu thật mạnh, ở trong nghe như có tiếng nước ọc ạch. Trông sượng mắt và có thể vui tai đến chừng nào! Chẳng trách được, chiều chiều ông cụ Hồ Viễn cứ ra sân đùa mãi

được với lũ bầu nậm lòng thông trước khung cửa sổ như nhắc nhở một người đã mệt với cuộc sống chỉ còn nên uống rượu chơi thôi. Trái bầu nậm còn tươi dưới lỗ giàn là một cái bình rượu tạc bằng khối ngọc bích đều sắc, nhẵn và bóng!

Giờ chiều, đứng nắn bầu nậm cho cụ Hồ, cậu Chiêu thấy có hứng thú. Vì cậu đã bắt đầu mến được ông già Hồ. Trước kia cưỡi ngựa, cầm cờ, đánh Tây, bắn súng; bây giờ đi phân phát hạnh phúc bằng cách tìm đất để mả cho những kẻ thất thế, và lúc nhàn rồi thì uống một đôi rượu của những người biết nhớ ơn mình.

Xé mảnh vải điều, buộc vào cái nấc ngẵng quả bầu, cậu Chiêu nói với cái vắng vẻ của buổi chiều nhà quê: “Thắt chặt dây lại tí nữa, thì dáng bầu sẽ thon.

Nó chỉ nhón được theo chiều dài. Tròn quả này méo sẽ làm tội mình ngày mấy buổi ra đây nắn mãi cho nó bớt tật đi”.

Cụ Hồ thức giấc, ra vườn, thấy cậu Chiêu đang nắn cái quả bầu mình đã rấm sần từ tháng trước, liền nói:

– Tại chị em nhà cậu tặng tôi mấy cái chén ngọc liệu nên tôi mới nghĩ đến việc lấy bầu nậm. Cái chén uống rượu của nhà này phải dùng với cái bình đựng rượu cũng của nhà này. Cậu biết chưa?

Cô Tú nghỉ tay thôi, bước ra nghe chuyện, đỡ lời em:

– Dạ thưa cụ, cảnh nhà nghèo bí, cũng chẳng còn có gì. Có bốn cái chén ngọc là của gia bảo còn lại, chị em chúng tôi kính biểu cụ gọi là đền đáp mới được có một chút đó mà thôi. Sau này nếu trời

thương lại và nhờ được mạch đất tổ tiên có cơ hồi lại, nếu nghiệp nhà có thể trung hưng lên được, thì chị em chúng tôi còn phải tạ cụ nhiều. Có lẽ quả bầu nằm ở giàn này, chỉ là mẫu vẽ trước của một cái bình bằng ngọc thực mà sau này chúng tôi phải kính dâng cụ.

Cụ Hồ lấy làm thưởng thức cái câu cô Tú nói một cách trung hậu mà cũng rất văn hoa. Người như thế mà còn nghèo mãi thì còn để thiệt thòi cho thế gian nhiều. Cụ Hồ nghĩ mà thấy buồn buồn.

Hai cái sừng trăng đã mở to, đã đầy dần. Rồi vầng trăng tròn vẽ lên trời, lần thì cái quang, lần thì cái tán. Thế rồi nó khuyết ở đầu ngọn tre, những lúc gió sớm giục canh gà gọi nước bể dâng lên. Trăng tháng tư đã gần hết một tuần. Trong cả một cũ tháng tư này, cô Tú đã thức rất khuya để dệt cho được nhiều tấm vải,

để góp công nhật của mình lại cho được thừa thãi, để có đủ một số tiền thuê cáng cho cụ Hồ và em trẩy xuống Đồng Cồn, nơi để phân mộ cụ Án ông – cụ Án cha mình lúc nằm xuống trả lại lộc cho Triều đình, em mình mới có ba tuổi.

Cái ngày đi Đồng Cồn đã đến.

Cậu Chiêu ra đi từ lúc tối đất, lúc hàng xóm mới nổi lửa thối cơm cho thợ gặt, bây giờ đã trở về với bốn năm người già cả rách rưới. Thấy cô Tú, bọn người già nua kia đều kính cẩn chào.

– Các bác đã xuống đây ư? Chắc cậu Chiêu cũng đã nói rõ muốn mượn anh em ngày mai làm cáng hộ xuống xứ Đồng Cồn. Hai chiếc. Chiếc của cụ Hồ thì phải đi đòn ba. Cụ đẩy người và có tuổi. Vậy các bác định lấy bao nhiêu?

– Đồng Côn. Thế này là phải mất những ba trạm. Đại Đồng này, Trạm Trôi và Mai Dịch này. Hai trạm ngắn và một trạm dài. Và một con đò ngang.

– Phải, đò sông Hát. Chiếc cáng đò ba, sau khi nghỉ ở Mai Dịch, sẽ đi luôn xuống trạm Hà Trung.

– Thừa cô, thế là về tận Hà Nội?

– Có một mình cụ Hồ đi về Hà Nội thôi. Cậu Chiêu nhà đi đến Mai Dịch rồi trở về.

– Thế này thì cô cứ cho anh em một lượt mỗi trạm ngắn là một quan và quan năm tiền một trạm dài. Còn như cáng đò ba thì xin tùy cô định cho. Ngày xưa, anh em đã có dịp được hầu cáng quan Án nhà nhiều chuyến lắm. Cụ ngày xưa thường có sẵn sóc đến anh em chúng

con. Giờ là ngày mùa, nhưng được tin cô gọi, anh em cứ xuống ngay là vì anh em nghĩ đến cái tình quan Án ngày xưa hay thương đến. Còn tiền nong, thôi, cô cho thế nào cũng được. Chúng con không dám kỳ quẩn.

Họ ăn trâu, vừa thổi lửa nùn rơm vắn ăn thuốc Lào, vừa ngồi xỏm thưa chuyện bên khung cửi. Thoáng thấy cái ngáng võng ngà gác ở trên cột buồm, họ lúi xuống ngắm đi ngắm lại và nói với nhau:

– Này bác Xã, cái ngáng ngà này không phải cái ngáng võng điều của quan Án ngày trước. Nó sút mất một đầu kia mà. Bác còn nhớ chứ? Cái lần qua đò sông Hát, trời mưa gió to quá, tôi lấy bẫy trượt chân, ngã khụy xuống. Một đầu đò cầm hẫng vào bùn. Vỡ cái nấc chạm rỗng.

Một người quay lại phía cô Tú:

– Cụ Ân nhà kể ra là người có bụng thương kẻ dưới lắm. Con tưởng cứ kể như vị quan khác, thì đến làm tội chứ chẳng phải chuyện chơi đâu.

Sau cùng, cuộc thuê cáng ngã giá đúng tám quan, một cáng đòn ba đi thầu đến trạm Hà Trung và một cáng đòn đôi chỉ đi đến làng Vòng thôi. Và sớm mai bắt đầu khởi hành.

Bữa cơm chiều hôm ấy là bữa cơm cuối cùng đãi một ông thầy địa lý. Cơm có rượu ngon, rất nhiều, và có cả một cái sỏ lợn. Cô Tú và cậu Chiêu cùng ngồi ăn với cụ Hồ vì cụ muốn thế. Cậu Chiêu thấy cụ Hồ hôm nay lấy cái bộ áo lễ chỉ sấu ra mặc, trông cụ lại càng có vẻ Tầu lắm. Thảo nào mà ngày xưa cụ Hồ là tướng Cờ Đen!

Cô Tú còn ít tuổi mà đã có nét mặt và dáng dấp của người góa trẻ phải nuôi con nhỏ. Trông cô hôm nay già thêm. Lòng tưởng nhớ vong linh cha và thương em và tủi cho mình, ở người cô, chiều bữa nay oằn nổi lên nhiều hơn tất cả bao giờ. Thình thoảng cô quay mặt ra ngoài hỷ mũi kín đáo. Rồi cô lấy dải yếm đưa qua cặp mắt đỏ hoe. Cụ Hồ vẫn cười nói, uống rượu.

– Cô Tú lẩn thẩn lắm. Ông Giời có đóng cửa ai bao giờ. Chị em nhà cô, thế nào sau này cũng khá.

Đến đây thì cô Tú khóc lên thành tiếng. Cụ Hồ nói tiếp:

– Ngày mai, tôi xuống thăm lại cái kiểu đất ở Đồng Cồn. Xong rồi tôi xuôi luôn Hà Nội. Tháng sau, tôi sẽ về qua đây, để chỉ bảo cách xoay lại ngôi mộ...

Cô đừng nên vội nói đến chuyện tạ ơn. Còn về lâu dài. Đáng lẽ bộ chén ngọc đó tôi không nhận đâu. Lấy những cái gì là gia bảo của người làm của mình là một cái tội. Nhưng vì nghĩ rằng, trong lúc chị em cô còn nhỏ tuổi, chưa chắc đã giữ nổi, thiếu gì kẻ dòm ngó. Thôi tôi cũng giữ hộ cô và cậu. Độ mười năm sau, lúc đất có thể phát được rồi, tôi sẽ trở lại đây. Lúc bấy giờ mới là lúc cô Tú nên nói đến việc đền đáp công ơn. Lúc bấy giờ tôi sẽ trả lại cô Tú và cậu Chiêu bộ chén ngọc liệu. Cụ Án nhà lúc sinh thời quý nó lắm. Đi lại với cụ luôn luôn, mà cụ Án nhà chỉ mang chén ra dùng với tôi có hai lần. Nếu tôi không sống được đến ngày đó, mấy đứa con tôi sẽ đưa chén ngọc đến làm của tin để nhờ cô Tú giùm giúp cho chúng. Cái đức nhà tôi xem chừng cũng bạc thế thôi. Có lẽ đến đời con tôi là không còn gì nữa. Cô Tú và cậu Chiêu

nhớ hộ tôi câu nói chí tình này.

Cô Tú vừa đứng dậy, vừa sụt sịt, vừa xếp hành lý cho cụ Hồ mai xuôi sớm. Trong cái tráp sơn đen, cô đã chèn nhiều giấy bản vào kẽ tráp để chén khỏi va đụng lúc đi đường. Rồi cô xếp luôn cả quả bầu nậm vỏ đã khô và ruột đã tộp lại. Quả bầu mới hạ khỏi giàn được mấy bữa nay.

*

Hai chiếc cáng đi từ sớm, qua đò sông Hát, đã gác đầu đòn lên mấy cái trấu cáng cắm sẵn ở trước một cái quán nước chỗ Trạm Trôi. Cậu Chiêu vội mời cụ Hồ vào quán nghỉ và tay cậu vẫn khư khư cái la bàn có vẽ bát quái đồ của ông thầy Tàu.

Mấy người bộ hành có vẻ học trò nghèo, ngồi ăn bánh ở quán, đang đổ

nhau một vế câu đối mà một người vừa tức cảnh nghĩ: “Ngồi nghỉ Trạm Trôi ăn bánh trôi”. Ông cụ Hồ xòe cây quạt thước, quạt quạt và bảo cậu Chiêu soát lại quân còn lại của ván cờ tướng đã đến lúc gần tàn cục. Từ sớm tới giờ, muốn quên cái đặng đặng của mấy thời trạm trên đường xứ Đoài, ông cụ Hồ và cậu Chiêu đã đánh với nhau mấy ván cờ không có quân đi, không có bàn bày. Họ đã đánh cờ bằng miệng chứ không phải bằng tay đụng quân. Khi mỗi người đi một nước thêm cho ván cờ tướng, họ lại vén cái rèm căng, ngھn cổ ra ngoài nói chỗ sang cái căng đồng hành đi ngang hàng.

- Xa cừu bình bát.
- Tốt thất tiến nhất.



Bây giờ ngồi soát lại quân của mỗi người, thì cụ Hồ còn một xe và hai pháo. Và cậu Chiêu còn hai tốt đã sang hà và một ngựa một pháo. Hai bên sĩ tượng đều song toàn.

- Cậu rồi ngày sau khá. Cứ một cái

lối đánh cờ của cậu tôi cũng thấy được một phần cái tương lai của cậu. Nhiều nước cờ bắt bóng, chiếu rú, có vẻ tài tử lắm. Tôi nghiệm ra cậu không hay rình chiếu bí. Đáng để ý nhất trong lối xuất quân, là cậu đánh mấy ván đều vào pháo đầu cả. Người hào hùng đánh cờ bao giờ cũng vào ngay pháo đầu. Đánh cờ tức là người đẩy. Rồi cậu cứ nghiệm mà xem, trong mười kẻ tầm thường, nhút nhát, không khoáng đạt là có đến chín người ghềnh tượng ở nước đầu.

Cái xóm hàng quán chỗ Trạm Trôi đã lùi lại trong nắng lòn của trời hè.

Hai chiếc cáng vẫn nhấp nhô xuôi về phía phủ Hoài.

Gần tới phủ Hoài thì xong một ván cờ nữa. Cậu Chiêu thua, sắc mặt vẫn tươi tỉnh. Cụ Hồ thì nghiêm trang.

– Cậu thua vì đã khinh thường con tốt biên của tôi và để nó lọt qua hà. Rồi lại cho nó nhập được vào cung. Một con tốt lọt qua sông là cái giá trị nó bằng nửa sức con xe rồi. Ở đời không nên khinh thường cái gì. Con tốt mà sang hà, tức là đưa tiểu nhân lúc đã đắc thế. Tha hồ mà phá phách. Mạng nó đổi lấy quân nào nó cũng lấy làm sở nguyện rồi kia mà.

Cậu Chiêu cười xoa, cụ Hồ một mồi chộp giắc. Cánh vắn song song trên đường dài.

Con đường xứ Đoài, cát bụi nhiều quá. Được một thôi nữa, bỗng cụ Hồ hỏi sang bên chiếc võng gai cậu Chiêu:

– Cậu thường có hay đánh cờ đất không? Cờ đất khó hơn cờ bàn; phải tinh lắm mới đánh nổi. Để tới vụ xuân sang năm, tôi sẽ rủ cậu lên Hưng Hóa đấu cờ

với một người bạn gái bằng trạc tuổi cậu. Cô ta khiến đôi ngựa rất nhanh, và có cái nước mã ngọ tào lạ lắm. Mà cưỡi ngựa cũng rất tài.

Trời vẫn nắng như rang.

– Thế chốc nữa, ở làng Vòng cậu lại ngược ngay về Sơn, thì mãi đến hết canh một mới tới nhà đấy nhỉ?

– Dạ thưa cụ, có lẽ đêm nay chúng tôi phải nghỉ đêm ở làng Nhổn. Chị tôi dặn lúc về thì tiện đường rẽ qua vào đấy thăm ông Cử Hai và nhân tiện đòi bộ Lữ hành thi tập của thầy tôi làm hồi theo đoàn sứ qua Bắc Kinh.

[Đã đăng tạp chí Tao đàn số 9-10 (16-7-1939) với nhan đề Cái mã cũ.]

6

Hương cuội

Dứa cháu đích tôn và lũ cháu ngoại đang loay hoay ngoài sân với những đồ đồng ngũ sự lồng chổng trên đám trấu và tro dầm nước.

Ông chúng, cụ Kép làng Mọc, cũng đang loay hoay với mấy chục chậu lan xếp thành hàng dưới giàn hoa lý.

Trái với thời tiết, buổi chiều cuối năm gió nồm thổi nhiều.

Cơn gió nồm thổi nhẹ, như muốn nhạo cái ông già kia mặc cả một tấm áo trấn thủ bằng lông cừu trắng. Trời nồm nực, bức đến tấm nước lã được, ông cụ Kép mặc áo lông cừu xứ Bắc, ý chừng muốn phô cái phú quý phong lưu của nhà mình. Không, đấy chỉ là một thói quen của cụ Kép. Mỗi khi cụ ra thăm vườn cảnh, trong một năm, trừ những ngày hạ ra không kể còn thì lúc nào cũng khoác tấm áo cừu. Mùa xuân, mùa thu, khí hậu ấm, áo mở khuy. Sang đến đông tiết, cụ cài hết một hàng khuy nơi áo, thế là vừa. Trong cái vườn cây nhỏ, trong đám cỏ cây xanh rờn, những buổi sớm tinh mơ và những buổi chiều tàn nắng, người ta thường thấy một ông già lông mày bạc, tóc bạc, râu bạc, mặc áo lông trắng, lom khom tia những lá úa trong đám lá xanh. Cụ Kép nguyện đem cái

quãng đời xế chiều của một nhà nho để phụng sự lũ hoa thơm cỏ quý.

Buổi chiều ba mươi Tết năm nay, cả một cái gia đình cũ kỹ nhà cụ Kép đang tới tấp dọn dẹp để ăn Tết.

Mợ Ấm cả, mợ Ấm hai ngồi lau lá dong chăm chỉ. Thỉnh thoảng họ ngừng tay, để hỏi nhau xem còn thiếu những thực phẩm gì trong cái mâm cơm cúng chiều nay. Lũ con đàn bi bô ngoài sân. Chúng đang đánh bóng ở ngoài sân những lũ, đỉnh, cây đèn nến bằng đồng mắt cua và bằng thiếc Sông Ngâu. Chốc chốc, lũ trẻ lại mỉm cười, nghe những đầu thừa thót ít sợi tóc tơ, nhìn vào phía trong nhà cầu, hỏi mẹ chúng:

– Bao giờ cậu mới về, hả mợ?

Không biết nên trả lời con trẻ thế

nào cho tiện, mợ Ấm cả đưa mắt cho mợ Ấm hai.

Ông Ấm cả và ông Ấm hai, đi làm việc Tây ở tận xa chưa thấy về ăn Tết. Cứ lời những người trong làng có người nhà đi làm việc Nhà nước thì được nghỉ những từ chiều hai mươi chín kia mà. Muốn được khuây nổi mong, hai chị em dâu, người đã đứng tuổi, càng thái đồ nấu cỗ cho thực nhanh. Gớm, những miếng trứng trắng để bày mặt cỗ bát, thái hình miếng trám, sao mà đẹp thế. Đứng bên cạnh mẹ, đứa nhỏ nhất trong đàn con đã thủ thỉ van nài mợ Ấm hai:

– Mợ cho con cái miếng mụi cắt hồng kia nhá!

Người mẹ không nghỉ tay làm việc trên tấm thớt, lũ mắt nhìn con. Thằng bé vội chạy ra ngoài, sán đến cạnh cụ Kép:

– Ông đang làm gì thế hở ông?

– Ấy chết, cháu đừng mó vào hoa của ông. Ông đang thăm xem đúng hôm nào thì hoa của ông nở đủ.

– Ông cho cháu một cái... Cháu xin ông cái lá gậy kia nhá!

– Cháu không nghịch được những thứ này. Thôi, đi lên trên nhà với ông. Mẹ cháu mà trông thấy cháu ra nghịch cây của ông, thì cháu lại phải đòn bây giờ đấy.

Nhớ đến trận đòn phất trần hôm nọ, vì trót nghịch gãy mất rò lan của ông nội, thằng bé mặt phụng phịu và hai tay đánh đai vào mình ông già, kéo trĩu cả tấm áo lông cừu. Nó làm nũng ông và quẩn quýt lấy ông, mong ông sẽ che chở cho, nếu mẹ nó nom thấy nó ra nghịch chậu cây cấm.

Cụ Kép cười khà khà. Rồi cụ lại vạch từng gốc rò lan, xem xét tỉ mỉ đến màng hoa, đến rò lan và thân lá. Hết chậu này đến chậu khác.

Tưởng chừng như cháu mình cũng là một người biết đến chuyện chơi cây, hiểu đến thời tiết trong một năm, có đủ những kinh nghiệm, thói tục và thông minh của người lớn, ông già đã nói với cháu bé:

– Tự nhiên, cuối năm lại nổi gió nồm. Cháu có thấy bực mình không? Ông tiếc cho mấy chục chậu lan của ông quá. Nở hết thôi!

Đứa cháu không hiểu đến ý nghĩa câu than phiền của ông già, ngừng bộ mặt ngây thơ lên, hỏi hai ba lần:

– Hoa sắp nở, sao lại tiếc hở ông?

Cụ Kép nhìn lại cái người bé tí hon đứng với mình trong vườn lan, thân cao không vượt khỏi cái lá lan uốn cầu vồng, cụ Kép đãi đứa cháu ngây thơ một nụ cười rất độ lượng, mắt nhấp nháy kính tuổi:

– Nếu không có nồm thổi, thì hoa trong vườn ông còn lâu mới nở. Hoa sẽ nở nhằm vào ngày rằm tháng giêng. Đúng vào ngày Tết Nguyên Tiêu. Ông cháu chúng ta sẽ có hoa mà thưởng xuân, cháu đã hiểu chưa? Bây giờ cháu chạy vào gọi bố già ra đây cho ông bảo.

– Bố già đi ra bờ ao rửa đá cuội từ ban trưa kia ông ạ.

Phải, phía cầu ao trong vườn cụ Kép, một người lão bộc, đang lom khom dùng rổ đá xuống nước ao và sàng sảy đồ đá như kiểu người ta sàng mẹt gạo. Tiếng

đá bị tung lên, đập vào nhau kêu sào sạo, khiến lũ cò trắng nghỉ chân trên lũy tre vội bay đi mất. Bố già nghỉ tay, nhìn đàn cò sợ hãi bay cao, với nét cười của một người chịu vui sống trong sự an phận.

Bố ở với cụ Kép đã lâu lắm. Cái hồi cụ Kép còn là một thầy Khóa sinh hai mươi tuổi, bố già đã nếm cơm ở cửa nhà này rồi. Chính bố vác lều chống cho cụ đi thi tú tài. Những việc nhớn việc nhỏ trong nhà, bố đều nhớ hết. Bố nhớ cả đến ngày giỗ giúi trong họ. Không có bố nhắc nhở có lẽ nhiều lần mộ Ấm cả đã bỏ mất ngày giỗ. Bố già hình như chỉ trải cuộc sống của mình để hằng năm, nhắc nhở đến những ngày giỗ trọng và giỗ giúi của gia đình người khác.

– Thừa mộ, đến mười sáu tháng tư này lại là chính kỵ cụ ngoại... Thừa mộ...

Mợ Ấm cả, muốn tỏ sự cảm ơn, kín đáo đãi bố già một miếng trầu kèm miếng cau tươi mềm. Trong cái gia đình yên lặng này, bố già được thiện cảm của mọi người, không phải vì ỏn thót mà chính vì lòng thẳng thắn. Lắm lúc trông tội nghiệp lạ. Bố tính toán, xếp đặt việc nhà chủ y như một kẻ có quyền lợi dính dấp vào đấy. Cái hoài bão to lớn của bố, là lúc trăm tuổi nằm xuống sao được có một cái “áo” gỗ vàng tâm thật dày.

Ở đây, không ai nữ nói nặng bố. Và, đến những việc nặng, mọi người đều tránh cho bố già. Công việc thường trong một ngày, có nhiều hôm chỉ thu vào việc chuyên trà tàu và thay bã điều cho cụ Kép. Thậm chí trong những ngày cuối năm bận rộn như hôm nay, mà bố già cũng không phải mó tay vào việc gì cả. Làm lợn, gói giò chả, vo gạo, đồ đậu

xanh làm bánh chưng, làm dầu đèn, lau bàn thờ, nhất nhất không việc gì phải qua tay bố. Mãi đến trưa hôm ba mươi Tết, cụ Kép mới bảo bố già đi rửa mấy trăm hòn đá cuội trắng. Nghe thấy bố già nhận lấy cái việc rất ngộ nghĩnh đó, cả nhà đều cười. Thứ nhất là lũ trẻ con. Cụ Kép vẫn nghiêm trang dặn người đầy tớ già:

– Bố đem đá ra bờ ao rửa cho sạch. Lấy bẹ dừa mà kỳ cho nhẵn, cho trắng tinh ra. Xong rồi, lựa những viên đá tròn bỏ vào một rổ. Những viên đá xù xì, không tròn trĩnh, để ra một rổ khác.

Bố già tỏ ý hiểu:

– Thưa cụ con biết rồi. Cụ lại sắp cho dọn một bữa rượu “Thạch lan hương”. Nhưng sao năm nay, lại soạn đá sớm quá? Thưa cụ, con nhớ mọi năm cứ hạ

cây nêu xong rồi mới đem cuội ra ngâm kia mà...

Thế bố không thấy giờ đổi gió nồm đây à? Thế bố không biết năm nay hoa nở sớm hơn mọi năm sao? Tôi đã cho ngâm thóc để lấy mầm lúa nấu kẹo mạch nha từ mấy hôm nay rồi.

Bố già gật gật...

Cụ Kép là người thích uống rượu ngâm thơ và chơi hoa lan. Cụ đã tới cái tuổi được hoàn toàn nhân rồi để dưỡng lấy tính tình. Vì bây giờ trong nhà cũng đã thừa bát ăn. Xưa kia, cụ cũng muốn có một vườn cảnh để sớm chiều ra đây tự tình. Nhưng nghĩ rằng mình chỉ là một anh nhà nho sống vào giữa buổi Tây Tàu nhố nhăng làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu mất bao nhiêu giá trị tinh thần; nhưng nghĩ mình chỉ là một kẻ chọn



nhằm thế kỷ với hai bàn tay không có lợi khí mới, thì riêng cho thân thể, lo cho sự mất còn của mình cũng chưa xong, nói chi đến chuyện chơi hoa. Cụ Kép thường nói với lớp bạn cũ rằng có một vườn hoa là một việc dễ dàng, những đủ thời giờ mà săn sóc đến hoa mới là việc khó. Cụ

muốn nói rằng người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành chí tình ra mà đối đãi với giống hoa cỏ không bao giờ biết lên tiếng kia. Như thế mới phải đạo, cái đạo của người tài tử. Chứ còn cứ gây được lên một khoảnh vườn, khuân hoa cỏ ở các nơi về mà trồng, phó mặc chúng ở giữa trời, đầy chúng ra mưa nắng với thờ ơ, chúng trở bông không biết đến, chúng tàn lá cũng không hay, thì chơi hoa làm gì cho thêm tội.

Đến hồi gần đây, biết đã đủ tư cách chơi cây cảnh, cụ Kép mới gây lấy một vườn lan nho nhỏ. Giống lan gì cũng có một vài chậu. Tiểu kiêu, Đại kiêu, Nhất điểm, Loạn điểm, Yên tử v.v... Chỉ trừ có giống lan Bạch ngọc là không thấy trồng ở vườn. Không phải vì lan Bạch ngọc đắt giá mỗi rò mười đồng bạc, mà cụ Kép không trồng giống hoa này. Trong một

buổi uống trà đêm, cụ Kép nói với một người bạn đến hỏi cụ về cách thức trồng cây vườn hoa:

– Tôi tự biết không chăm được lan Bạch ngọc. Công phu lắm, ông ạ. Gió mạnh là gãy, nắng già một chút là héo, mưa nặng hột là nẫu cánh. Bạch ngọc thì đẹp lắm. Nhưng những giống nhẹ nhàng ấy yếu lắm. Chăm như chăm con mọn ấy. Chiều chuộng quá như con cầu tự. Lắm lỗi một chút là chúng đi ngay. Những quý vật ấy không chịu ở lâu bền với người ta. Lan Bạch ngọc hay ưa hơi đàn bà. Trồng nó ở vườn các tiểu thư thì phải hơn.

Thiếu hẳn loài Bạch ngọc, cụ Kép đã cho trồng nhiều giống Mặc lan, Đông lan, Trần mộng. Giống này khỏe, đen, hoa và rò đầy, hoa có khi đậu được đến nửa tháng và trong mười ngày, nếu chủ vườn có quên bón tưới, cũng không lụi.

Chiều hôm nay, hoa Mắc lan chớm nở.

Chiều mai, mong một Tết, hoa Mắc lan mãn khai đầy vườn.

Đêm giao thừa, bên cạnh nồi bánh chưng sôi sùng sục, bố già đang chăm chú canh nồi kẹo mạch nha. Cụ Kép dặn bố già phải cẩn thận xem lửa kẹo lơ đểnh một chút là khô mất nồi kẹo.

Hai ông Ấm, con trai cụ Kép, người lớn tuổi đứng đắn như thế, mà lại ngồi gần đấy, phất giấy vào những nan lồng. Thực là hai đứa trẻ con đang ngồi nghịch với lồng bàn giấy. Họ trịnh trọng ngồi dán hồ, vuốt giấy. Ông cụ Kép đứng kèm bên, mỗi lúc lại nhắc:

– Này Cả, thầy tưởng miệng lồng bàn, con nên đan to hơn miệng chậu.

Con chạy ra, lấy cái que đo lại lợi chậu xem. Nếu rộng thì hỏng hết. Đo lợi mấy chậu Mắc lan thôi.

Hai ông Ấm, ngồi phất được đến mười cái lồng bàn giấy. Họ rất vui sướng vì họ tin đã làm toại được sở thích của cha già. Cụ Kép co ro chạy từ nồi kẹo mạch nha, qua đám lồng bàn giấy, đến cái rổ đá cuội đã ráo nước thì cụ ngồi xổm xuống, ngồi lựa lấy những viên đá thật trắng, thật tròn, để ra một mẹt riêng. Ông Ấm cả, ông Ấm hai lẽ mề bung những chậu Mắc lan vào trong nhà. Cả ba ông con đều nhặt những hòn cuội xấu nhất, méo mó, xù xì trải xuống mặt đất những chậu lan gần nở. Mỗi lần có một người đục mạnh vào rò lan đen, cụ Kép lại xuýt xoa như có người châm kim vào da thịt mình.

Nồi kẹo đã nấu xong nhưng phải đợi đến gần cuối canh hai kẹo mới nguội.

Bây giờ thêm được bố già đỡ một tay nữa, cả ba ông con đều lấy những hòn cuội để riêng ban nãy ra mẹt, đem dúng đá cuội vào nồi kẹo, quần kẹo bọc kín lấy đá, được viên nào liền đem đặt luôn vào lồng chậu hoa. Những viên đá bọc kẹo được đặt rất nhẹ nhàng lên trên lượt đá lót lên nền đất chậu hoa.

Úp xong lồng bàn giấy lên mười chậu Mặc lan thì vừa cúng giao thừa.

Ba ông con, khăn lượt áo thâm lạy trước bàn thờ đặt ngoài trời. Năm nay, trời giao thừa lành.

Cả một buổi sớm, cụ Kép phải bận ở đình làng. Trước khi ra đình cụ đã dặn bố già ở nhà phải sửa soạn cho đủ để đến

quá trưa, cụ và vài cụ nữa đi việc đình làng về sẽ cùng uống rượu thưởng hoa.

Bố già đã bày ra giữa sân bốn cái đòn sứ Bát Tràng màu xanh quan lục. Trước mặt mỗi đòn, bố già đặt một án thư nhỏ, trên đó ngắt ngẫu hai chậu lan còn lù lù chiếc lồng bàn úp, và một hũ rượu da lươn lớn có nút lá chuối khô. Bố già xếp đặt trông thật lẫm. Trong mấy năm nay, đầu mùa xuân nào bố già cũng phải, ít ra là một lần, bày biện bàn tiệc rượu Thạch lan hương như thế. Bố già hôm nay lắm bầm phàn nản với ông Ấm hai:

– Năm nay, cụ nhà uống rượu sớm quá và lại uống ban ngày. Mọi năm, cứ đúng rằm tháng giêng mới uống. Và lại uống vào chiều tối. Đốt đèn lồng, treo ở ngoài vườn, trông vào bữa rượu hoa, đẹp mắt lắm cậu ạ.

Ông Ấm hai vui chuyện, hỏi bố già:

– Nay bố già, tôi tưởng uống rượu nhắm với đá cuội tẩm kẹo mạch nha thì có thú vị gì. Chỉ thêm xót ruột.

– Chết, cậu đừng nói thế, cụ nghe thấy cụ mắng chết. Cậu không nên nói tới chữ xót ruột. Chính cụ nhà có giảng cho tôi nghe rằng những cụ sành uống rượu, trước khi vào bàn rượu không ăn uống gì cả. Các cụ thường uống vào lúc thanh tâm. Và trong lúc vui chén, tịnh không dùng những đồ nhắm mặn như thịt cá đâu. Mấy vò rượu này, là rượu tằm đấy. Cụ nhà ta quý nó hơn vàng. Khi rót rỏ ra ngoài một vài giọt, lúc khách về, cụ mắng đến phát then lên. Cậu đây nút lại, không có rượu bay!

Phía ngoài cổng cũi, có tiếng chó sủa vang.

Bố già nhìn ra thấy bốn cụ tiến vào đã quá nửa lòng ngõ duỗi. Cụ nào cũng cầm một cây quạt thước, chống một chiếc gậy tre càng cua hay trúc đuôi gà. Uống xong tuần nước, cụ Kép mời ba cụ ra sân uống rượu. Bố già vòng tay vái các cụ và đợi các cụ yên vị rồi thì khom khom mở từng chiếc lồng bàn giấy một.

Một mùi hương lan bị bỏ tù trong bầu không khí lồng bàn giấy phất từ đêm qua, đến bây giờ vội tản bay khắp vườn cây. Bốn cụ và bố già đánh hơi mũi; những cặp mắt kém cỏi dăm dăm nhìn kỹ khoảng không trong vất như có ý theo dõi luồng hương thơm đang thẩm nhập dần vào các lớp khí trời. Cơn gió nhẹ pha loãng hương thơm đặc vào không gian.

– Dạ, xin rước các cụ.

Dứt tiếng cụng Kép, tất cả bốn cụng đều úp lòng tay vào nhau thi lễ và giơ tay chỉ thẳng vào giữa, mời nhau ai cao tuổi xin nhấp chén trước đi. Tiệc rượu bắt đầu. Bô già kính cẩn chấp tay đứng sau lưng chủ, có vẻ cũng thèm say lắm.

– Trời lạnh chút nữa, uống Thạch lan hương mới đúng phép, chủ nhân ạ!

Đáp lời cụng Cử Lũ, cụng Kép vuốt râu cười nói:

– Chính thế. Nhưng đệ sợ chờ được lạnh đến, thì hoa vườn nhà tàn mất. Trông kẹo mạch nha không đông, còn dính vào lớp đá lót, đệ cũng biết là không được khéo lắm. Trời nồm biết làm thế nào.

– Nay cụng Kép, kẹo đá thơm ngon đấy. Chỉ hiềm có mùi ung ủng pha vào

hương lan. Chắc kẹo nấu bén nồi, khô và thêm không được đông nên mới có tạp vị nhiễm vào.

Sau mấy câu phê bình về tiệc rượu, tỏ ra mình là người biết thưởng thức những vị thanh lương đậm bạc, bốn cụng đều xoay câu chuyện sang phía thơ văn.

Cụng Tú người cùng làng với cụng Kép mở đầu câu chuyện làm thơ.

– Sớm nay, đệ đã khai bút rồi. Đệ nghĩ được một đôi câu đối. Để các cụng chữa cho mấy chữ, chiều nay sẽ viết luôn vào giấy hồng điều để xin phép dán thêm vào cổng nhà.

Ba cụng cùng cạn chén một lúc, cùng nói một lúc:

– Cụng Tú hãy cạn luôn ba chén rồi hãy đọc đôi câu đối mới. Câu đối của cụng còn

ai hạch nỏi chữ nào. Cụ nói gì mà khiêm tốn vậy... Chúng tôi xin nghe.

Chờ đợi cụ Tú dạng hăng lấy giọng, mỗi cụ đều bỏ vào mồm những viên kẹo mạch nha đá cuội ướp hương lan. Những nhân đá đánh vào răng kêu lách cách. Mỗi ông già đọc một đôi câu.

Rồi mỗi chén rượu ngừng là một lời thơ ngâm trong trẻo. Cứ thế cho tàn hết buổi chiều.

Mấy cụ đều khen lẫn nhau là thơ hay. Trong cái êm ấm của chiều xuân sớm, tiếng ngâm thơ quyến rũ cả đến tâm hồn một người lão bộc. Bõ già, chiều mồng một Tết tự nhiên mặt sáng tỏ hẳn lên. Cái đẹp của tiệc rượu ngâm thơ lây cả sang người bỏ.

Vò rượu vọi với chiều xuân sớm quên đi.

Những vò rượu vọi dần. Trong lòng đĩa sứ đựng nhân đá, hòn cuội cao dần lên. Bõ già đưa thêm mãi những đĩa sứ vào bàn rượu.

Từ phía đầu làng, dội về mấy tiếng pháo lẻ loi. Lũ cháu nhỏ, nấp sau cột nhà, muốn chạy ra xin bõ già phát cho chúng những hòn cuội đã nhắm rượu xong rồi kia.

7

Chữ người tử tù

Nhận được phiên trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc trong đề lao:

– Này, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch là Huấn Cao. Tôi nghe ngờ ngợ. Huấn Cao! Hay là cái

người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không ?

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

– Dạ, bẩm chính y đó. Dạ, bẩm có chuyện chi vậy?

– Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhủ đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi, cho thầy lui. À, nhưng mà thông thả. Thầy bảo ngục tốt nó quét dọn lại cái buồng cuối cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không? Thầy có nghe thấy người ta đồn Huấn Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khóa và vượt ngục nữa không?

– Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà!

– Ờ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chặc lưỡi ?

– Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ mà thấy tiêng tiếc.

– Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhớ ra lại vạ miệng thì khốn. Thôi, thầy lui về mà trông nom việc dưới trại giam. Mai, chúng ta phải dậy sớm để cho có mặt ở cửa trại trước khi lính tỉnh trao tù cho mình lĩnh nhận. Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai lính. Chòi nào bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiếng

đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng. Chớ có cho mấy thằng thập nó đánh bạc nghe!

Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa ở giá gương, phe phẩy roi, đi xuống phía trại giam tối om. Nơi góc chiếc án thư cũ đã nhạt màu vàng son, một cây đèn để leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. Ngục quan bắn khoản ngời bóp thái dương. Tiếng trống thành phủ gần đây đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngục tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiểng và mõ đều đặn thưa thớt. Lướt qua cái thăm thẳm của nội cỏ đẫm sương, vắng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen thẳng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía

chân trời không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiểng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

Nơi góc án thư vàng đã nhợt, son đã mờ, đĩa dầu sỏ trên cây đèn nển vơi lẫn mực dầu. Hai ngọn bắc lép bép nổ, rụng tàn đèn xuống tập giấy bản đóng dấu son ty Niết. Viên quan coi ngục ngắc đầu, lấy que hương khêu thêm một con bắc. Ba cái tim bắc được chụm nhau lại, cháy bùng to lên, soi tỏ mặt người ngồi đấy.

Người ngồi đấy, đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự, bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đấy, giờ chỉ còn là mặt nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ. Ở đấy, trong giây lát lại lập lòe chút

ánh sáng của con tâm còn thơm sạch. Người ta phải lấy làm lạ hỏi tại sao ngục quan lại không có một cái đầu trâu một cái trán dơi và một cái mặt khỉ. Trong thế giới khuyến ưng, khuyến phệ, cái bộ mặt quắc thước, nhẹ nhõm kia thực là một sự lạ lùng. Sự lạ lùng đó, trong bọn quan lại, người bề trên không chịu được và kẻ ty tiểu cũng không chịu được.

[Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mấy dòng này: “Ở đây, trong giây lát... kẻ ty tiểu cũng không chịu được”.]

Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc; tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Ông Trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghĩ ngợi về câu nói ban chiều của thầy thơ lại. “Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hắn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi. Một kẻ biết kính mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biết đãi ông Huấn Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem cáo giác với quan trên thì khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hắn lần nữa xem sao rồi sẽ liệu”.

Sớm hôm sau, lính tỉnh dẫn đến cửa ngục thất sáu tên tù mà công văn chiều

hôm qua đã báo trước cho ngục quan biết rõ tên tuổi, làng xóm và tội hình. Sáu phạm nhân mang chung một chiếc gông dài tám thước. Cái thang dài ấy đặt ngang trên sáu bộ vai gầy. Cái thang gỗ lim nặng, đóng khung lấy sáu cái cổ phiến loạn, nếu đem bắt lên mỏ cân, có thể nặng đến bảy tám tạ. Thật là một cái gông xứng đáng với tội án sáu người tử tù. Gỗ thân gông đã cũ và mồ hôi cổ mồ hôi tay kẻ phải đeo nó đã phủ lên một nước quang dầu bóng loáng. Những đoạn gông đã bóng thì loáng như có người đánh lá chuối khô. Những đoạn không bóng thì lại sần lại những chất ghét đen sánh. Trong khi chờ đợi của ngục mở rộng, Huấn Cao, đứng đầu gông, quay cổ lại bảo mấy bạn đồng chí :

– Rệp cắn tôi, đỏ cả cổ lên rồi. Phải rỗ gông đi.

Sáu người đều quỳ cả xuống đất, hai tay ôm lấy thành gông đầu cúi cả về phía trước. Một tên lính áp giải đưa một câu :

– Các người chả phải tập nữa. Mai mốt chi đây sẽ có người sành sỏi dẫn các người ra làm trò ở pháp trường. Bấy giờ tha hồ mà tập. Đứng dậy không ông lại phết cho mấy hèo bây giờ.

Huấn Cao, lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thành gông xuống thêm đá tảng đánh huỳnh một cái. Then ngang chiếc gông bị giật mạnh, đập vào cổ năm người sau, làm họ nhăn mặt. Một trận mưa rệp đã làm nền đá xanh nhạt lấm tẩm những điểm nâu đen.

Cánh cửa đề lao mở rộng.

Sáu người né mình tiến vào như một

bọn thợ nề thận trọng khiêng cái thang gỗ đặt ngang trên vai.

Trái với phong tục nhận tù mọi ngày, hôm nay viên quan coi ngục nhìn sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành. Lòng kiêng nể, tuy cố giữ kín đáo mà cũng đã rõ quá rồi. Khi kiểm điểm phạm nhân, ngục quan lại còn có biệt nhỡn đối riêng với Huấn Cao. Bọn lính lấy làm lạ, đều nhắc lại :

– Bẩm thầy, tên ấy chính là thủ xướng. Xin thầy để tâm cho. Hẳn ngạo ngược và nguy hiểm nhất trong bọn.

Mấy tên lính, khi nói chữ “để tâm” có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giở những mẹo khéo hành hạ thường lệ ra. Ngục quan ung dung :

– Ta biết rồi, việc quan ta đã có phép nước. Các chú chờ nhiều lời.

Bọn lính răn cả ra, nhìn nhau mà không hiểu. Sáu tên tử tù có ngạc nhiên về thái độ quản ngục.

Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thợ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù. Mỗi lúc dâng rượu, với thức nhắm, người thợ lại lễ phép nói :

– Thầy quản chúng tôi có ít quà mọn này biếu ngài dùng cho ấm bụng. Trong buồng đây, lạnh lắm.

Ông Huấn Cao vẫn thản nhiên nhận rượu và ăn thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình lúc chưa bị giam cầm. Rồi đến một hôm,

quản ngục mở khóa cửa buồng kín, khép nép hỏi ông Huấn :

– Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều. Miễn là ngài giữ kín cho. Sợ đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất. [kiểm duyệt thời pháp thuộc bỏ mất sáu dòng chưa tìm ra được.]

Ông đã trả lời quản ngục:

– Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng đặt chân vào đây.

Khi nói câu mà ông cố ý làm ra khinh bạc đến điều, ông Huấn đã đợi một trận lôi đình báo thù và những thủ

đoạn tàn bạo của quan ngục bị sỉ nhục. Đến cái cảnh chết chém, ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiểu nhân thị oai này. Ngục quan đã làm cho ông Huấn bức mình thêm, khi nghe xong câu trả lời, y chỉ lễ phép lui ra với một câu :

– Xin lĩnh ý.

Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; duy chỉ có y là không đặt chân vào buồng giam ông Huấn. Ông Huấn càng ngạc nhiên nữa : năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Có nhiều đêm, ngoài việc nghĩ đến chí lớn không thành, ông Huấn Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tương tất của quản ngục. “Hay là hắn muốn dò đến những điều bí mật của ta ?” “Không, không phải thế, vì bao nhiêu điều quan

trọng, ta đã khai bên ty Niết cả rồi. Ta đã nhận cả. Lời cung ta ký rồi. Còn có gì nữa mà dò cho thêm bận”.

Trong đề lao, ngày đêm của tử tù đợi phút cuối cùng, đúng như lời thơ xưa, vẫn dang dăng như nghìn năm ở ngoài. Viên quản ngục, không lấy làm oán thù thái độ khinh bạc của ông Huấn. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời quấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng còn chẳng biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại giữ tù. Quản ngục chỉ mong mỗi một ngày rất gần đây ông Huấn sẽ dụi bột tính nết lại, thì y sẽ nhờ ông viết, ông viết cho... cho mấy chữ trên chục vuông lụa trắng đã mua sẵn và can lại kia. Thế là y mãn nguyện.

Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của

viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết. Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoáng, trừ chỗ tri kỷ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo, là có một vật báu trên đời. Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một người cách xa y nhiều quá, y chỉ lo mai mốt đây ông Huấn bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời nữa.

Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình Bộ Thượng thư trong Kinh bắt giải ông Huấn Cao và các bạn đồng chí ông vào kinh. Pháp trường lập

ở trong ấy kia. Ngày mai, tỉnh mơ, sẽ có người đến giải tù đi.

Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói :

– Dạ xin ngài cứ yên tâm, đã có tôi.

Rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn, đấm cửa buồng giam, hót hơ hót hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng quản ngục, và ngấp ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về Kinh chịu án tử hình.

Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười :

– Về bảo chủ người, tối nay, lúc nào lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta

cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ. đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ.

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột phân gián.

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người

đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, họ dụi mắt lia lịa.

Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bưng chậu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quan ngục đứng thẳng người dậy và đỉnh đạc bảo :

– Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thôi mực, thầy

mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không ? ...Tôi bảo thực đấy: thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đốt cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức châm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào:



– Kẻ mê muội này xin bái lĩnh.

Viên quản ngục nhìn mặt chữ khô lằn lằn. Y sung sướng vì giữ được dòng chữ quý.

Y tự nhủ: “Tất cả nghề nghiệp ta, và có lẽ cả đời ta nữa, lăi chỉ ở chỗ xin được chút kỷ niệm này”.

Nhưng, một tình buồn mênh mông đã lền vào lòng sung sướng của quản ngục...

... Ít hôm nữa... pháp trường trong Kinh...

[Văn bản in trong sách (1940) bỏ mấy dòng cuối cùng này: “Viên quản ngục nhìn mặt chữ... pháp trường trong Kinh...”]

[Lần đầu đăng tạp chí Tao đàn số 1 (1-3-1939) lấy tên: Dòng chữ cuối cùng và có lời đề từ: “Ngày xưa có một tên tử tù viết chữ đại tự rất tốt” (Truyện cổ nước Nam).]

8

Một đám bất đắc chí

Tết bữa nay, Lý Văn buồn bực hiện ra mặt, bỏ nhà ra đi đến hai ba hôm. Nhiều người lạ mặt đến hỏi, vợ con Lý Văn đều không biết thế nào mà trả lời. Những người khách dĩ tợn ấy có khi trở lại đến hai ba lần. Không được gặp chủ nhân, họ không lấy thế làm hậm hực. Vợ Lý Văn có hỏi gặng, họ chỉ trả lời nhiều câu nghe rất ngang tai:

– À anh em chúng tôi cũng chơi bởi như ông Lý nhà ta đây. Hễ ông Lý có về, bà nói giùm cho là có bọn Huân ở Kim Sơn ra thăm. Bá Huân, bà nhớ thế cho. Và có tin gì hay, xin ông Lý nhà cho anh em biết sớm.

Bọn Bá Huân Kim Sơn đi chưa khỏi thì lũ chó mèo ở ngoài cổng lại sủa vang lên một hồi. Lại ba bốn người nữa đến hỏi thăm ông Lý. Người nào cũng quần khăn đầu rìu, trông rất dị thường.

– Chúng tôi là người Tam Tổng. Ở nhà lâu ngày tù chân quá, nhân đi qua đây, ghé thăm ông Lý và hỏi ông xem có công việc gì đáng để anh em đỡ tay họ không.

Bà Lý Văn chỉ biết dạ và thưa và luôn miệng mời khách hãy ngồi chơi để cho cháu nó đi đun nước.

– Thầy cháu đi lên tỉnh vắng – bà Lý nói.

Mấy ông khách người hạt Tam Tổng không chịu ngồi yên một chỗ để xơi một khẩu trà. Họ cũng không chịu ngồi yên để chờ đợi ấm nước trà đun sắp sôi. Họ chắp tay ra đằng sau lưng, lững thững dạo quanh nhà một vòng. Đàn chó mèo tha hồ mà sủa, mà rộ; có lúc chúng chồm vồ lên lưng khách. Khách vẫn thản nhiên để cho đàn chó nhà bà Lý gặm bắp chân. Bà Lý vừa quát lũ chó một cách vô hiệu, vừa để ý ngắm đến những bắp chân tròn trĩnh của mấy ông khách lạ. Thì ở đấy, có cần gì đợi lũ chó nhà bà Lý cắn, trên làn da chân bóng như đồng đen kia, đã loang lổ nhiều vết sẹo rất to, cái thì trắng nõn nước da non đang lên, cái thì đen thẫm màu thối thối thâm đã lâu ngày.

Đàn chó xem chừng cũng chán mấy người lạ kia nghênh ngang trong nhà chủ mình và có ý coi cái khoảnh sân vườn này như là của họ. Trái với những lần khác thấy những người lạ qua đây có cầm que hay gậy tre gai với sự rụt rè kiêng nể là chúng cắn vô và đuổi nhiều, lần này đàn chó meo, sau một hồi thị oai suông đã lảng xa mấy ông khách người Tam Tổng.

Sau một hồi “nhỏ to” ở giữa sân, họ nói chỗ vào trong nhà:

– Thế ông Lý có nói bao giờ về không?

Từ trong nhà thấp, tiếng bà Lý đưa ra:

– Dạ, thầy cháu hôm đi, không thấy dặn gì cả. Xin mời các ông vào xơi nước kéo nguội.

Ngoài sân mấy ông khách vẫn thì thầm bàn tán. Họ không trả lời câu mời nước của bà Lý. Trong một lúc gặt gồng, bà Lý chỉ nghe được một mẩu chuyện lúc họ nói to: “... Chả có nhẽ lão Lý lại đi đánh một tiếng bạc bất thành linh như vậy. Bao giờ lão đi, cũng có anh em mình tả phù hữu bật”. Thế rồi họ kéo nhau đi, sau mấy mồi thuốc Lào rít đến tụt nỏ và sau mấy câu chào hỏi kịch cớm ngô nghê. Bên chiếc điều cày dài đến thước rưỡi ta, họ còn để lại một cái hộp tròn đựng thuốc Lào. Nắp hộp làm bằng vỏ cam khô. Lúc vỏ cam còn tươi, ở trong khuôn ép, người ta đã tĩ mĩ trở lên đấy một cái mặt hổ phù.

Cai Xanh – người khách có hộp thuốc Lào này và vừa ở đây ra – Cai Xanh là một tay chơi nổi tiếng ở mấy vùng Thanh nội và Thanh ngoại. Những tay anh chị trong

đám giang hồ phóng khoáng thường được biết đến tiếng Cai Xanh. Và những tay chơi chưa được gần y thì chỉ thêm muốn có một dịp nào nhập vào đảng y để được biết rõ đến nghệ thuật của một bậc đàn anh. Có mấy lần, Cai Xanh hay bàn với những người thân tín về việc ông Thám ngoài Yên Thế.

Người ta biết đến Cai Xanh, người ta biết luôn cả đến những đồ vật mà Cai Xanh hay giắt luôn trong mình. Như con dao hai lưỡi, cái hộp thuốc Lào v.v... Con dao hai lưỡi ấy, ít khi Cai Xanh phải dùng đến. Khi phải dùng đến thì thế nào cũng có chuyện. Trong những phút rất nguy nan, phải giết kẻ khác để gỡ lấy mạng mình, chưa bao giờ Cai Xanh chịu phóng dao và bỏ dao lại trên chiến địa. Hóa cho nên con dao đó, sau những khi cắm ngập vào thớ thịt còn nóng hồi

dòng máu của bao nhiêu tử thi, dao đó lại trở lại nằm trong hầu bao của Cai Xanh. Chung quanh con dao thép sáng ngời, một huyền sử đã bao trùm, cũng như một huyền sử khác đã chạy chung quanh cái hộp đựng thuốc Lào của Cai Xanh.

Những lúc nhàn tản, không dự một đám cướp to nào, những lúc nhỡ độ đường không có tiền trả những hàng quán hẻo lánh trên con đường Thanh nội Thanh ngoại, Cai Xanh đã lễ phép nói với bao nhiêu là nhà hàng:

Tôi lỡ quên không giắt theo tiền trong người, nhà hàng cho tôi gửi tạm vật này làm tin, mai một tôi sẽ cho người nhà tới chuộc nó về.

“Nó” đây là cái hộp thuốc Lào ở trên nắp vỏ cam có khắc cái mặt hổ phù.

Những chủ quán ở rải rác đường Diên Hộ phần nhiều cũng là đầu trộm đuôi cướp cả. Khi nào họ không đi ăn cướp được thì họ là người lương thiện, mỗi ngày rót vào bát đàn vài lượt nước trà xanh nóng hổi cho người đi đường giải khát. Họ vừa rót nước, vừa nheo cặp mắt lại như muốn đếm tách bạch ra từng đồng tiền trong tay nải khách qua đường nghỉ chân. Không biết ai đã nói chuyện cho họ nghe từ bao giờ về cái hộp thuốc Lào của Cai Xanh mà mỗi lần thấy người khách ngang tàng kia gửi vật mọn đó làm tin thay cho món tiền thiếu, chủ quán nào cũng đều xoa tay, không dám nhận: “Dạ, không dám. Khi nào ông anh sẵn thì cho đàn em xin. Cái đó có là bao mà dám phiền lòng ông anh”.

Hôm nay, cùng một vài bạn lợi hại đến thăm Lý Văn mà không được gặp, Cai

Xanh có ý vờ bỏ quên lại hộp thuốc Lào, để nhắc cho chủ nhân biết y đến không phải là việc phiếm và khi nào về nhà, chủ nhân nên triệu y đến ngay. Vì có việc cần phải bàn. Cái việc lơ đễnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc Lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để “đánh một tiếng bạc lớn” nghĩa là cướp một đám to.

Thế mà, không hiểu rõ một tí gì, bà Lý Văn cứ phàn nàn cho mấy ông khách Tam Tổng đến chơi đã không được gặp chồng mình lại còn bỏ quên đồ vật. Xa xôi hàng mấy ngày đường, đến bao giờ các ông ấy mới trở lại đây để nhận vật bỏ quên. Mà bây giờ các ông ấy đi hản đã xa lắm, biết đuổi theo thế nào cho kịp.

Một ngày nữa lại hết.

Vào một sớm thứ hai, một thôi tiếng chó sủa vang ngoài cổng, mở đầu cho cái ồn ào hàng ngày trong gia đình nhà Lý Văn. Bà Lý ngừng tay dưới bếp, đã tưởng chồng mình về. Té ra chỉ là một ông khách lạ mặt nữa, đến hỏi thăm chồng với sự nóng nảy của một người quen vội vàng. Y tỏ vẻ thất vọng, xin đi ngay. Bà Lý muốn ông khách hấp tấp kia cho mình biết tên. Khách cười. Trên khuôn mặt đen như cột nhà cháy, nẻ ra hai đường răng trắng nhớn. Ông khách chạy vội ra phía đầu chái nhà, vợ lấy cái mai dựng ở tường, móc túi lấy con dao găm, khắc vào cán mai một đường tròn đều như tiện, trao mai cho bà Lý:

– Bà cứ đưa cán mai này cho ông Lý nhà, tự khắc ông sẽ biết. Độ chiều mai tôi lại sang chơi.

Bà Lý Văn cũng chỉ biết vâng dạ cho qua chuyện. Từ ngày bà làm bạn cùng ông Lý Văn, đến bây giờ đã mấy mụn con, bà chưa từng được biết chồng bà có những người bạn lạ lùng như thế bao giờ.

*

Lý Văn đã về. Không kịp bỏ khăn áo, Lý Văn đã nằm ềnh ra giữa phản. Từ chối hết cả những lời mời mọc ân cần của vợ hỏi ăn cơm hay là ăn cháo hay là dọn rượu, Lý Văn chỉ nằm ngửa nhìn thượng lương nhà, tay trái vất lên trán. Trên mặt y, chốc chốc những đường gân lại dẫn dúm lại vì giày vò của suy nghĩ.

Bà Lý mon men lại gần chồng:

– Mấy hôm thấy nó đi vắng, có đến dăm bảy ông khách lạ đến hỏi thăm. Các

ông ấy đều không nói tên. Có một ông khắc cái gì vào cán mai này và dặn đưa ngay cho thầy nó xem.

Bà đưa cho chồng cái cán mai có tiện một nấc ở đầu cán.

– À, Phó Kinh! Thế người ta đến từ bao giờ?

– Sáng qua. Theo lời ông ta hẹn, có lẽ chiều nay ông ta lại trở lại đây.

– Lý Văn tự nói một mình: “Mình đang tìm Phó Kinh. Thôi, được rồi, có cây “bút chì” này giúp sức, ta không lo gì nữa”.

Bỗng Lý Văn ngồi nhòm dậy. Y vừa nhìn thấy ở mép bàn thờ cái hộp đựng thuốc lào con con. Y vội quờ lấy cái hộp có in mặt hổ phù.

– Ấy, của cái bọn ông khách gì nói là người vùng Tam Tổng đấy. Ông ta lúc đi bỏ quên. Tôi bận trẻ không kịp chạy theo để trao trả cho ông ta.

Lý Văn không để ý đến nhời vợ, ngắm nghía hộp thuốc lào sung sướng, lim dim mắt, nói như người mơ ngủ:

– Cai Xanh! “Tiếng bạc” này, thế nào cũng ăn to. Một cây “bút chì” của Phó Kinh và một cái lá chắn của Cai Xanh, thế nào đám này cũng lọt. Ta đang lo thiếu hai tay này. Chắc thế nào Phó Kinh cũng tới tìm Cai Xanh. Và có lẽ họ đã gặp nhau ở giữa đường rồi cũng nên. Tất thế nào chiều nay hai người cũng có mặt ở đây cùng một lúc.

Thế là Lý Văn đã truyền cho vợ đi lấy độ chục chai rượu ngon và quất tháo người nhà bắc ngay nước sôi để làm lộn.

Bà Lý Văn chỉ biết làm theo. Từ những ngày nào, trong cái gia đình này, mỗi một lời nói to của ông Lý là một mệnh lệnh. Một mặt, người nhà chọc tiết lợn, tiếng con vật bị đâm dao bầu vào cuống họng kêu eng oéc. Một mặt bà Lý đi ra đầu làng để liệu cho xong cái khoản rượu.

Lý Văn chạy tới tấp như một kẻ chức sắc gặp ngày phải đương cai. Ngồi ở nhà được một chút, y nghĩ thêm được một điều gì, y lại vụt chạy đi rất lâu. Y chạy đi chạy về như thế, tính ra đã được ba lần. Đến lần thứ tư, thì y dắt luôn đến năm sáu người cùng về, trong số đó có cả Cai Xanh và Phó Kinh.

Người ta nói cười oang oang. Lý Văn vào nhà trước, trải vội chiếc chiếu cạp điều phủ mặt ván ngựa.

– Mời các chú vào trong này.

Cả bọn kéo lên giường sau khi rửa chân cạo, hai bàn chân bấn vổ vào nhau mười lượt. Cũng như từ bao giờ, bà Lý đã lẫn đi đâu mất. Ông Lý đã dặn vợ hễ khi nào ông có đông bạn lạ đến uống rượu thì bà nên vắng nhà. Vì thế, dọn xong rượu, lần nào bà cũng đi biệt.

Người ta ngồi vào mâm rượu với sự uể oải của người không đói ăn, với sự nghiêm trọng của một người biết trước bữa rượu này là khơi mào cho một việc quan hệ cần phải giải quyết trong hơi men nồng. Thục khách đều giữ một vẻ mặt bí mật.

Trong số mười chai rượu, thì đến bốn năm cái đã là vỏ thủy tinh không. Chiếc mâm đồng thước rượu có lót lá chuối tươi, đựng thịt thủ thái dĩa đầy tú hụ lên thế, lòng mâm thịt đã vội đến một phần ba. Một vài người dặng hăng. Đôi

ba kẻ vê sẵn những mối thuốc Lào, mắt nhìn trừng trừng vào người đang rít điệu cày. Lý Văn khạc mạnh. Y giả vờ gọi đầy tớ thực to. Không có đứa nào thừa, y tùm tùm:

– Thừa các quan, nhà vắng cả, xin các quan bàn qua lại việc đó. Rồi để phân phát ngay công việc cho anh em và định ngày làm.

– Còn định gì nữa, Cai Xanh ngắt câu chuyện. Nếu có làm thì làm ngay đêm nay đi. Nhân thể đêm nay lại tối trời. “Tiếng bạc” này, em xin thưa để bác Lý biết: nếu đêm nay không mở ngay đi thì “tiếng bạc” đến vỡ mất.

– Cũng được. Vậy thì anh em cắt và nhận công việc luôn đi.

Phó Kinh bây giờ mới lên tiếng:

– Cứ như lệ cũ mà theo, vẽ vờ cắt đặt lại làm chi cho thêm phiền ra. Thì cũng lại cầm lá chắn là anh Cai và đánh “bút chì” là em chứ còn ai vào đây. Nếu có neo người thì anh Lý nhà đỡ cho một cây “bút chùng” kèm sát bên cạnh em cho em vững tay ở những con đường độc đạo. Còn các chú nó đây

Phó Kinh xòe tay chỉ mấy người ngồi ăn từ nãy chưa nói gì – thì chia nhau ra mà đỡ lấy việc vặt như thả chông, bắt hồng, vãn vãn. Còn thì mới đến người ngoài. Các ông anh nghe đàn em lăm lăm bàn thế đã tạm ổn chưa?

Phó Kinh tu một hợp rượu đánh ực. Cả bọn đều nhao nhao:

– Thôi, thông lắm rồi. Vậy thì nhất định đêm nay hết trống canh hai bắt đầu

cất quân. Sang đứng đất bên ấy, vừa vào giữa canh ba.

Cả bọn lại đều một loạt đánh ngã vài chai lớn nữa. Rồi trong không khí ồn ào, người ta đọc đi đọc lại cái câu: “Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi”. Cả bọn đều lấy làm thưởng thức câu đó và mỗi người đều tự đặt ngay mình vào địa vị của người dám nghĩ dám làm.

Phó Kinh đã nóng mặt, xắn tay áo, ngồi chửi đồng: [Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất ba dòng chưa tìm ra được.]

Này phải biết, một cây “bút chì” của em, em dám chấp cả một ấp người chúng nó.

Nói xong, Phó Kinh nhẩy xuống đất, quơ trong gầm giường lấy cái mai, tháo

cuộn dây thừng quấn trong người thay thắt lưng, buộc một đầu mỗi dây vào cán mai có tiện đường rãnh từ hôm nọ. Cả bọn đang vui câu chuyện, đều ủa theo Phó Kinh ra mặt sau nhà, đứng một loạt đối diện với bụi chuối tiêu phất phơ tàu lá ở bờ rào xa. Phó Kinh cuộn mấy vòng dây thừng dài đến mấy sải vào cánh tay trái. Bàn tay trái y nắm chắc cổ cán mai, bàn tay phải y giữ vững đốc ngọn mai, nói to:

– Đàn anh thử xem em hạ cây chuối phía bên trái.

Bỗng sau một tiếng phập, thân trên cây chuối đã gục xuống mặt đất, kêu đánh roạt. Và Phó Kinh đang cười hể hể, cuốn vòng dây thừng vào cánh tay trái. Được giật về từ lúc nào, cái mai đã ở gọn trong hai bàn tay y.

– Bây giờ đàn anh lại xem em lấy buồng chuối chín cây xuống để chút nữa lễ thánh.

Lưỡi mai xén qua cuống buồng chuối, đi quá đích, chạm cả vào đến quá nửa thân cây chuối. Cả bọn cười vang. Lý Văn dè dặt lời khen:

– Ngón “bút chì” của chú hay đấy. Nhưng cũng còn nặng tay. Chưa được ngọt đòn lăm. Có nhiều khi mình chỉ nên đánh dọa người ta thôi. Nếu không cần đến, thì chớ nên làm tổn hại đến nhân mạng.

Sẵn có đàn gà đang đi trong luống khoai lang, Lý Văn mượn Phó Kinh đưa cho mình cây “bút chì”, buộc thông lọng mũi dây vào cổ tay trái và bảo:

– Chú nào ném hộ anh hòn đất đi!

Tiếng hòn đất đụng đất kêu đánh bộp. Mấy con gà bay tà tà khỏi mặt vườn, đập cánh bồm bộp. Tiếng lưỡi mai ở tay Lý Văn phóng ra kêu đánh vụt. Một tiếng gà kêu oác.

Cả bọn chạy ra luống khoai, giơ cao con gà gãy mất hai chân, vết thương gọn gàng vừa đúng quăng đầu gối và cặp giò chưa lìa hẳn, vẫn còn dính vào đùi bởi lần da hoen máu.



Lý Văn gác mai, nói với tất cả bọn:

– Nếu mình ném mạnh tay quá và không biết tính sức đi của “bút chì” là nát mất gà. Các chú không phải đánh những tiếng bạc vào sinh ra tử, các chú không biết, chứ đòn “bút chì” khó khiến lắm. Và

một cây “bút chì” ngang tàng như thế mà lại phải lụy một cành tre đấy. Chú nào hay xử cây “bút chùng”, ở các đường độc đạo, nên cẩn thận khi thấy bên địch tung cành tre ra để phá “bút chì”. Để hôm nào rảnh, anh sẽ dạy cho các chú tập đánh cái lối đòn bơi chèo bằng gỗ cau. Đánh đến đòn hỗn chiến ấy, thì đầu người rụng cứ như sung.

[Đã đăng trên tạp chí Tao đàn số 2 (16-3-1939) lấy tên: Ném bút chì.]

9

Chén trà sương



Trời rét quá. Không kể tiểu hàn, không kể cả đến đại hàn, buổi sớm mùa đông nào, cụ Ấm cũng dậy từ lúc còn tối đất. Từ trên bàn thờ đức Thánh Quan, cụ nhắc cây đèn để xuống. Được khêu hai tim bắc nữa, cây đèn dầu sở phôi thêm màu xanh lá mạ chất sứ Bát Tràng.

Trên chiếu cói cặp điều đã sờn cạnh, cụ Ấm đã bày ra đấy nào là khay trà, ống nhổ, ấm đồng và hỏa lò đất. Cái điều bát vẽ Mai Hạc kêu vang lên một hồi rất ròn rất đều. Khói thuốc缭绕 đặc sánh bao trùm lấy ánh sáng yếu ớt của một ngọn đèn dầu. Rồi làn khói loãng dần biến ra nhờ nhờ như làn hơi nước sủi. Sau màn khói, ẩn hiện một ông già chống nạnh bên gối xếp, cặp mắt lim dim như một nhà sư nhập định. Vẻ nghiêm trang lặng

thinh của ông già muốn làm ngừng cả ánh khói trắng biến động đang trôi trong không khí gian nhà gạch. Ba gian nhà chỉ có một người thức.

Trong cảnh trời đất lờ mờ chưa đủ phân rõ phần đêm và phần ngày, ông cụ có phong thái một triết nhân ngồi tính bước đi của thời gian. Đêm đông dài không cùng. Nó mênh mông và tự hết rất chậm chạp.

Gió bắc thổi qua những kẽ cánh cửa bức bàn gửi vào nơi yên lặng này mười lăm tiếng gà không nhần nhục được với tối tăm. Từ ngoài phía ngõ râm bụi lượn sát nhà gạch, dội vào những tiếng bước chân người nằng nằng nhẹ nhẹ. Cuộc đời hồi tỉnh lại dần dần.

Cụ Ấm phẩy quạt nan thành phách theo một nhịp nhanh chóng trước cửa

hỏa lò. Hòn than tàu lép bép nổ, nghe vui tai. Và làm vui cho cả mắt nữa, những tàn lửa không có trật tự, không bị bó buộc kia còn vẽ lên một khoảng không những nét lửa ngang dọc ngoằn ngoèo. Những lúc có cháu nhỏ ngồi với mình, cụ Ấm thường hỏi chúng xem pháo hoa cái như thế có thích không.

Những hòn than tàu cháy đều, màu đỏ ửng, có những tia lửa xanh lè vờn quanh. Không khí mỗi lúc dao động càng nâng cao thêm những lưỡi ngọn lửa xanh nhấp nhô. Hòn lửa rất ngon lành, trở nên một khối đỏ tươi và trong suốt như thổi vàng thổi chảy.

Thình thoảng, từ hòn than tự tiêu diệt buột ra một tiếng khô, rất khẽ và rất gọn. Thế rồi hòn than sống hết một đời khoáng chất. Bây giờ hòn than chỉ còn là một điểm lửa ấm áp trong một cái vỏ tàn

tro dầy và trắng xốp. Cụ Ấm vuốt lại hai mái tóc trắng, cầm thanh đóm dài đảo lộn tàn than trong hỏa lò, thăm hỏi cái hấp hối của lũ vô tri vô giác. Cụ Ấm bỏ thêm một vài hòn than hoa nữa vào hỏa lò. Than hoa không nổ lép bép như than tàu; nhưng từ ruột ấm đồng nung nấu đã lâu, có tiếng thở dài của khối nước sắp biến thể. Nước đã lên tiếng để nhắc người ta nghĩ đến nó.

Cụ Ấm cũng thở đánh phù một cái, như khi người ta được gặp lại bạn cố nhân sau nhiều giây phút mong chờ.

Cụ khẽ nâng vuông vải tây điều phủ trên khay trà gỗ trắc có chân quỳ. Nhẹ nhàng, khoan thai, cụ Ấm nhắc cả đĩa dầm chén tổng chén quân ra khỏi lòng khay. Đến lúc dờ tới cái ấm con chuyên trà thì cụ kênh càng hơn. Cụ ngắm ngía mãi chiếc ấm màu đỏ da chu, bóng

không nột chút gợn. Dáng ấm làm theo hình quả sung và khi luyện đất cho vào lò lửa, người thợ Tàu lấy dáng cho ấm kia đã là một người thợ có hoa tay. Cụ Ấm thử mài da lòng tay mình vào mình cái ấm độc ấm, hình như cổ tìm tòi một chút gợn trên đất nung để được sung sướng thêm hơn nữa sau khi nhận thấy cái ấm độc ấm kia là nhẵn nhụi quá.

Nước sôi già lắm rồi. Nhưng thói quen vẫn bắt cụ Ấm rót thử một chút nước xuống đất xem có thực là sôi không. Mở đầu cho công việc vụn vặt trong mỗi ngày tàn còn lại, ông già sợ nhất cái ấm trà tàu pha hồng lúc sớm mai. Từ trên bề cao cổ sập, dòng nước sôi trút mạnh xuống nền đất trị, tiếng kêu lộp bộp.

Trên hỏa lò để không, cụ đã đặt thêm một ấm đồng cò bay khác. Những người uống trà đúng cách thức trà đạo như cụ

Ấm bao giờ cũng có ít ra là hai ấm đồng đun nước. Ấm nước sôi nhắc ra khỏi lò than là đã có chiếc ấm thứ hai đặt lên đấy rồi. Và hai ấm đồng đó cứ được mãi mãi thay phiên nhau đặt lên lò than đỏ rực. Bữa nước trà cứ kéo dài không hết hồi, người ta luôn tay có một thứ nước sôi đủ độ nóng để pha một ấm trà ngon.

Nhưng có khi mấy khi cụ Ấm uống trà tàu nhiều đến thế. Riêng về phần cụ, chỉ hai chén con là đủ rồi. Nhưng hai chén đó đã được cụ săn sóc đến nhiều quá.

Chưa bao giờ ông già này dám cầu thả trong cái thú chơi thanh đạm. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ Ấm đã để vào đấy nhiều công phu. Những công phu đó đã trở nên lễ nghi. Trong ấm trà pha ngon, người ta nhận thấy có một mùi thơ và một vị triết lý.

Cụ Ấm sau mỗi lần nhỡ gặp phải ông khách tạp, uống trà rất tục, cụ thường nói với vài bạn nhà nhỏ:

– Có lẽ tôi phải mua ít chén có đĩa ở hiệu Tây, để mỗi khi có mấy thầy làm việc bên Bảo Hộ tới thì đem ra mà chế nước pha sẵn trong bình tích. Các cụ cứ suy cái lẽ một bộ đồ trà chỉ có đến bốn chén quân thì các cụ đủ biết các thú uống trà tàu không có thể ồn ào được. Lối giao du của cổ nhân đạm bạc chứ không huyên náo như bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí, mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà. Những lúc ấy, chủ nhân phải tự tay mình chế nước, nhất nhất cái gì cũng làm lấy cả, không dám nhờ đến người khác, sợ làm thế thì mất hết cả thành kính. Tôi còn nhớ hồi nhỏ, còn là học trò quan Đốc, tôi được cái vinh dự sớm dậy, sớm nào cũng như

sớm nào, đứng hầu trà cụ Đốc, trước khi cụ giảng bài và chấm cho anh em tập quyền. Nhiều người đã ghen tị với tôi và kêu ca với cụ Đốc xin để cắt lượt học trò hầu trà, cho anh em ai nấy đều được chút vinh dự gần gũi thầy và sớm chiều được gần cái đạo của thầy. Quan Đốc mỉm cười: “Thầy già ơn các anh. Thầy nói thì các anh đừng giận: các anh không pha trà cho hợp ý thầy được đâu. Để thời giờ ấy mà học. Anh Đam – (trước kia tôi là Đờm sau sợ phạm húy nên cụ Đốc mới đổi tên đi cho) – anh Đam pha trà khéo thì thầy để cho giữ việc hầu thầy, chứ có phải thầy yêu anh Đam hơn hay là ghét các anh đâu”. Bây giờ mỗi buổi trà sớm, ngồi uống một mình, tôi cứ nhớ cái tiếng ngâm của quan Đốc. Sớm nào dậy, cụ cũng ngâm một vài bài thơ. Giọng thật ấm, thật trong. Cụ hay ngâm mấy câu này:

Bán dạ tam bôi tửu

Bình minh sổ trận trà

Mỗi nhật cứ như thử

Lương y bất đáo gia.

Một buổi sớm, thấy rõ lòng thầy là vui vẻ, tôi đã mạn phép đọc để cụ Đốc chữa cho bài diễn nôm:

Mai sớm một tuần trà

Canh khuya dăm chén rượu

Mỗi ngày mỗi được thế

Thầy thuốc xa nhà ta.

Cụ Đốc tạm cho là được.

Sớm nay, cụ Ấm cũng ngâm thơ. Cụ tin rằng ngâm thơ lúc yên lặng, lúc mới tỉnh giấc là một cách vận động thần khí

kỳ diệu nhất của một người sống bằng cuộc đời tâm tưởng bên trong. Mỗi buổi sớm ngâm như thế là đủ tiết ra hết ngoài những cái nặng nề trong cơ thể và để đón lấy khí lành đầu tiên của trời đất. Ấu cũng là một quan niệm và một phép vệ sinh của thời cũ. Và người xưa uống trà là để giữ mình cho lành mạnh.

Thường hay vấn mình để sửa mình, cụ Ấm thường nghĩ đến cái câu nghìn xưa của thầy Tăng Tử: “Ngô nhật tam tỉnh ngô thân” vào những giờ uống trà này.

Trong nhà cụ Ấm, người ta đã ồn ào thức dậy. Cụ Ấm cũng bắt đầu ho. Chừng như hồi nãy, cụ đã tự nén hơi thở không dám ho, sợ làm đục vẩn mất cái phút bình lặng huyền bí của lúc đêm và ngày giao nhau.

Người con trưởng rón rén lại hỏi thăm sức khỏe của cha và mon men ngồi ghé vào thành chiếc sập cũ. Chàng đỡ lấy quạt, nhắc hỏa lò ra một chỗ rộng, quạt mạnh cho hết tàn than.

– Thầy uống xong rồi. Con uống thì pha mà uống. Trà còn đượm hương lắm.

Câu nói này là thừa. Vì sớm nào hai cha con ông Ấm chẳng dậy sớm để uống trà, cha bao giờ cũng uống trước hai chén và người con cả uống sau nhiều lắm đến ba chén là cùng. Sớm nay, cũng như lúc thỉnh thoảng của mọi ngày, cụ Ấm lại bắt người trưởng nam giở tập Cổ Văn ra bình lại cả bài Trà ca của Lữ Động. Giọng bình văn tốt quá. Điệu cổ phong trúc trắc thể mà con cụ Ấm lại còn ngâm gổ hạc bắt đoạn cuối một câu trên xuống luôn đầu câu dưới, hơi ngâm trong và dài. Trông hai cha con uống nước mà y

như là một đôi thầy trò vào một giờ học ôn buổi sớm mai. Chuyện văn mãi mãi về trà tàu, ông cụ Ấm lại mang luôn cả tập Vũ trung Tuỳ bút giảng những đoạn công phu của Quốc Tử Giám Tế tửu Phạm Đình Hổ chiêm nghiệm và xưng tụng về trà tàu. Rồi cụ Ấm liền than tiếc đến cái mùa thu đã đi mất rồi, để sen hồ rách hết tàn rũ hết lá.

– Cả ạ, thầy cho nước pha trà không gì thơm lành bằng cái thứ nước đọng trong lá sen. Mỗi lá chỉ có ít thôi. Phải gạn vét ở nhiều lá mới đủ uống một ấm. Hồi thầy còn ít tuổi, mỗi lúc được quan Đốc truyền cho đi thuyền thúng vớt những giọt thủy ngân ấy ở lá sen mặt đầm, thầy cho là kỳ thú nhất trong đời một người học trò được thầy học yêu tin.

Trong gia đình cụ Ấm, hồi gần đây đã lập lại cái phong tục uống trà. Có một

hồi bản bách quá, cụ Ấm đã cất hủ bộ đồ trà vào tủ, tưởng không bao giờ được bày nó ra hằng ngày nữa. Nhưng trời kể cũng còn hậu đãi người hàn nho, thế nào năm nay nhà cụ Ấm lại được mùa cả hai vụ.

– Này Cả, con lên tỉnh mua trũ lấy ít trà Lý Tú Uyên. Năm nay ta ướp thêm vài chục chai để dành. Thủy tiên nhà, năm nay gọt những một lấp đấy. Thầy mua chung với cụ Kép xóm dưới. Độ mai kia thì rỏ hoa tách hết màng. Củ nào hoa kếp thì đem ủ trà.

– Thừa thầy, con tưởng trà cứ để nguyên hương của nó mà uống. Con thấy ông ngoại nhà không bao giờ cho ướp trà mới, bất cứ là với hoa thơm nào. Ông ngoại con bảo chỉ nên ướp, là lúc trà đã đi hương hoặc gần phát du.

Trời rạng dần. Một chút nắng đào lóng lánh trong cái đám cây một chiếc lại một chiếc, đang rụng lá năm cũ.

Đạo mạo trong vành khăn nhiễu quần dối, cụ Ấm đã chống gậy ra đi. Cụ quay trở lại dặn người con trưởng đang lúi húi lau lại bộ khay trà:

– Thầy vào trong cụ Điều để rồi cùng sang làng bên thăm một con bệnh già. Con bệnh này, tốn nhiều sâm đây. Đến tối thầy mới về vì thầy phải sao tẩm thuốc sống ở bên ấy cho tiện.

[Đã đăng ở tạp chí Tao đàn số 3 (1-4-1939) lấy tên: Ấm trà trong sương sớm.]

10

Đèn đêm thu

Hình như năm nay thu nó về sớm hơn một kỳ, phải không hở anh Cử? Ông già sáu mươi cái hết hàng khuy hồ phách nơi tà áo chiếc áo lụa Nguyễn tím than đã bợt, ngẩng đầu hỏi người con đang soạn bộ đồ trà. Cậu Cử mở qua loa cuốn lịch, thưa lại:

– Thưa thầy, lập thu vào ngày mồng một tháng bảy.

Ông già sáu mươi kêu: “Thảo nào!”
và hỏi tiếp:

– Đến tháng tám này là đúng vào
ngày đầy tuổi tôi con bé cháu Tổ Tâm
đấy nhỉ?

– Dạ thưa thầy vâng.

– Một năm đủ mười hai tháng. Lên
một, Tổ Tâm nó chơi đèn được rồi đấy.
Năm nay anh Cử có định bày cỗ cho các
cháu chơi tết Trung Thu không?

Dưới nhà, vọng lên tiếng trẻ khóc bú
và tiếng đàn bà ru con:

– À ơ... Tâm ngủ đi Tâm... để mợ ra
đắm, gánh nước tưới hoa... à ơ...

Ông già tỳ cùi tay lên gối xếp da
quang dầu, vuốt chòm râu bạc, nhìn ra
cơn heo may lay bức màn, làm gật gù

bông cúc nơi chậu cây cảnh ngoài sân.
Ông già nét mặt nghiêm trang, bảo cậu
Cử:

– Các con gọi tên con cái, nên gọi cho
đúng. Tên cháu bé là Tổ Tâm, thì phải
gọi đúng như thế. Sao lại ăn bớt đi một
chữ. Không thể bảo như thế là tiện là dễ
gọi được. Người ngoài người ta cười cho.

Cậu Cử vội chạy xuống nhà rồi lại
chạy lên ngay. Nói tiếp về việc bày cỗ
tháng tám, cậu Cử thưa:

– Đã đến mấy năm nay, nhà ta bỏ
mất cái tục lệ ấy. Cứ kể có bày ra lại, nó
cũng vui nhà.

Dưới nhà, lại vẳng đưa lên cái giọng
ru con ban nãy:

– À ơ, Tổ Tâm thừa chút hương
trời... à ơ ư...

Ông cụ già bằng lòng. Người con dâu thứ ở nhà dưới ru trẻ theo cái ý của ông già vừa ngỏ với cậu Cử. Cậu Cử cũng hài lòng vì vợ đã tỏ ra là một người thuần thực, biết nghe lời gia huấn. Không những thế, vợ Cử còn tỏ ra là người cũng võ vẽ thi ca nữa. Vì con gái út là một thứ hương thơm bắt được của trời!

Thằng Ngô Lang, đứa con đầu lòng lên bảy tuổi, chạy lên mách với cậu Cử:

– Em Tổ Tâm ngủ rồi cậu ạ.

Rồi nó leo lên sập, nhảy vào lòng ông nội, cũng đòi uống trà tàu. Cái lối chạy lên làm nũng ông nội như thế, và được ông nội thỏa thuận, thằng Ngô Lang đã có thói quen. Ông già sáu mươi yêu cháu vô cùng. Có khi ông lại đọc cả thơ chữ Hán để cho đứa trẻ sớm thông minh kia

ngồi nhại mình. Nhớ được một hai câu ngũ ngôn ngắn ngắn, nó lại chạy xuống bếp túm dải yếm mẹ và đọc sai gần hết để vợ Cử lại phải phì cười chữa lại từng thanh âm một. Từ khi cụ Thượng Nam Ninh không ở chức Tổng đốc vùng xuôi, về trí sĩ ở Hà Nội tại cái nhà ngói chật hẹp phố hàng Gai này, thằng Ngô Lang là một cái vườn cảnh cho cụ vui cái thú điền viên. Cụ khen cháu cụ là đỉnh ngộ. Mỗi bữa rượu sớm, mỗi tuần trà trưa, cụ đều cho Ngô Lang ngồi kèm một bên. Đã mấy mươi lần, vợ chồng nhà Cử Hai hết sức van xin ông đừng nuông cháu quá, sợ Ngô Lang đâm ra hỗn. Cụ Thượng phạt ý, bảo dâu và con nếu không để cho cụ như thế thì cụ vào ở trong huyện Thọ Xương vậy. Vợ chồng cậu Cử không biết làm thế nào, đành cứ phải để Ngô Lang mặc sức quấy và làm nũng ông nội. Cụ Thượng cười và thôi không dọa vào ở

trong huyện Thọ Xương, nơi mà người con trai cả lỵ đã mấy năm nay. Thực thế, cái ý vào ở với cậu Cử Cả, giờ là một ông quan Lệnh, ý đó chỉ là một lời dọa. Ông Lệnh Thọ Xương đã mấy mươi lần đem cả vợ con đến nhà hẹp phố Hàng Gai để rước cụ Thượng vào trong huyện ở cho mát hơn, rộng hơn. Cụ Thượng chỉ trả lời ông huyện Thọ Xương:

– Lần sau, anh được lúc việc quan thanh thản, có ra chơi ngoài phố này với thầy, đừng có nên đem lính ra nhé. Ổn lắm. Chúng nó có sinh vào đời vua Lê chúa Trịnh, thì cho thêm vào cái đám Kiêu binh Tam phủ được đấy. Thầy rất sợ hàng phố người ta nói vào.

Mấy lần sau ra thăm cha, ông huyện Thọ Xương không dám đem mấy tên lính trợ trợ ra theo nữa, nhưng đả động

đến việc cũ, thì chỉ thấy cụ Thượng trả lời:

– Thầy ở đâu thì cũng thế. Miễn là được tỉnh là hơn cả. Anh cũng rõ cái tính tôi vốn sợ cái bọn lính hầu cận và lại hay tránh sự giao thiệp. Tôi tưởng ở vào tư thất một huyện nha nó phiền nhiễu lắm. Thôi anh cứ để tôi ở ngoài này.

Ông huyện Thọ Xương biết cha mình có bụng yêu chú Cử em hơn nên kiếm có ra như thế, bèn nói dối:

– Dạ, con tưởng hồi trước thầy còn ở chức, sự giao thiệp và đưa đón những tạp khách cũng nhiều lắm, và nhiều không kể cho hết được, lại là những cái gai trước mắt của toán lính hầu cận thầy. Một cái dinh Đốc bộ đường, thưa thầy, sai nha không phải là ít. Vậy mà con không thấy thầy phàn nàn bao giờ cả.

Cụ Thượng hiểu ý, cười:

– Bởi thế cho nên tôi mới thềm đến sự an nhàn lúc được dưỡng lão. Vả lại thầy ở ngoài này nó quen đi rồi. Bao giờ anh được lùi về vườn và nếu trời còn cho thầy sống một vài giáp nữa, ông con ta sẽ ở chung để sửa sang một cái vườn có đủ hoa bốn mùa. Anh không lo rằng chậm. Thôi, cứ để thầy ở ngoài này.

Cụ vừa trả lời ông huyện Thọ Xương vừa nhìn ông Cử Hai đứng sau người anh, có ý bảo thăm người con thú rằng:

– Bao giờ thầy cũng chỉ muốn ở với con, bởi vì con có tâm hồn giống như ta.

Rồi ngắt sang câu chuyện khác, cụ hỏi:

– Các anh có nghe thấy ở các phường người ta đồn về cái tin đức Thành Thái

ngự du ra khánh thành cầu Bồ Đề với quan Toàn quyền Đô Mỹ như thế nào không? Chắc ông Huyện thì rõ nhiều hơn là em Cử nó. Máy nhịp cầu tất cả nhĩ? Hình như là chín nhịp đấy nhĩ?

Thường mỗi lần từ chối lời mời mọc chí tình của người con cả, ông già lại có một câu chuyện đánh trống lảng như thế, để giữ lấy hòa khí trong đám “anh em chúng nó”. Cùng là con cả, nhưng cụ Thượng đã thấy rõ ông Cử Cả, tức là ông huyện Thọ Xương đương chức kia, là một người có tâm thuật rất hèn kém. Cũng là một giọt máu sinh đôi mà sao ông Cử Cả và ông Cử Hai không giống nhau lấy mảy may, từ quan niệm nhân sinh cho đến từng cái nhỏ nhặt hàng ngày. Cụ Thượng tin rằng khi cụ trăm tuổi đi rồi thì ông huyện Thọ Xương dám làm mọi chuyện phương hại đến gia

thanh. Cái người ấy, thường cụ vẫn hạ mấy chữ “vô sở bất chí” những lúc nghĩ riêng mình với mình: “Ta nằm xuống, là thằng này sẽ làm mất hết những chính tích hay trong một đời làm quan của ta”. Bối chán về người con lớn đã tìm được lối xuất thân, cụ càng nghĩ mà thương và yêu người con thứ. Cũng là thân danh một ông cử nhân có vợ, có con, mà vẫn còn đơn giản như ngày để chỏm. Ông Cử Hai có khoa mà không có hoạn, và cái khoa mục ấy giá không nói ra thì không ai biết. Người có hoa tay, thêm được chút tâm hồn lãng tử, nên ông Cử Hai sống cuộc đời mình như người ta chơi chơi vậy thôi. Người ấy thực là một người không có lấy một giây phút trịnh trọng đối với nhân sinh. Ông ta sinh ra để mà đùa với cuộc sống và bắt đầu từ việc đem ngay cái tài hoa của mình ra mà đùa nhả với sự nghiệp thân thể mình.

Hồi cụ Thượng còn nhậm ở dưới Sơn Nam Hạ, cái gia đình lớn ấy chưa quy về một mối, ông Cử Hai quanh năm đi dạy học ở bốn tỉnh tứ chính Đông Nam Đoài Bắc. Không cần phụ huynh học sinh xử hậu hay bạc, không cần địa phương ấy là có đất văn tự hoặc dân ấy là có nếp văn chương muốn cầu học chữ của thầy, có khi tới ở đó ít ngày, ngồi giảng bài chưa ấm phòng học, ông đã quấy khăn gói tráp điệu lên đường. Người tuổi tác có hỏi, ông trả lời là vì cảnh ở đấy không dung được người. “Bực trượng nhân thử nghĩ: cái gì mà nước chỉ chảy xiết không bao giờ tụ; cây trồng đến ba năm bói không có quả; ớt nhấm không thấy cay; hoa chỉ có mùi thơm về phần đêm; núi chỉ bằng đầu chứ không có chỏm ngọn, và mây trời không bao giờ hiện đủ năm sắc. Cảnh như thế, tôi ngồi mà làm gì. Chữ thánh hiền không phải ở chỗ nào

cũng đem bố thí được”.

Ông Cử Hai đi dạy học, đã lấy cái việc dạy học làm một mưu hồ khẩu mà y như là đi ngoạn cảnh hoặc là đi dâng hương ở các đền chùa cổ tích. Và những lúc mỗi chân phải ngừng ở lại các thôn ỏ, ông lại còn thỉnh thoảng ngừng cả cái miệng giảng sách hoặc ngừng chấm nét son lên quyển bài, để đề một bức châm lên lá quạt tặng bạn đồng song, để khắc chữ triện và chạm trở một hòn đá xù xì cho thành một con thạch ấn, để dúng ngón tay trở vào chậu mực vẽ một bộ tứ bình thủy mặc có hình đủ bốn thú cây cỏ tứ hữu: cúc, trúc, lan, mai treo chơi trên vách đất quán trọ nơi ngôi dạy học.

Gần ngày tết nhất, người trưởng tràng lúc thu xong sổ đồng môn, chỉ khổ lên vì đi tìm thầy. Tết mừng ba, ông Cử Hai đã trốn khỏi nhà trọ từ hôm trước

để đi ăn hàn thực và đi hội đập thanh với các bạn sinh làm thơ tức cảnh. Tết Đoan Ngũ, ông lên núi hái lá thuốc, những mong được như hai người Lưu Nguyễn ngày xưa gặp tiên. Tết Trung Thu, ông lên chùa Thầy ngắm trăng Chợ Giời họp trên đỉnh núi Sài Sơn. Gần tết Nguyên Đán, nếu chưa về nhà, thì ông ẩn ở trong một mái đình vắng nào để gọt cho hết một laps thủy tiên. Cái hành tung của người nghệ sĩ không chịu sống cho người khác và hòa theo với người chung quanh ấy, thực khó mà dò hỏi. Lùng tìm cái dấu bàn chân một chính khách thất quốc lúc vượt bể ra ngoài mưu việc lớn, có lẽ còn dễ hơn đi đuổi theo ông Cử Hai những lúc hứng giang hồ ở người ông nổi dậy.

Từ ngày cụ Thượng nghiêm phụ về trí sĩ ở Hàng Gai Hà Nội, ông Cử Hai không tha phương làm ăn nữa. Ông ở

riệt ở nhà chép lại cuốn gia phả, và sao được bao nhiêu pho kinh mượn trên chùa Trấn Quốc cho cha. Thế rồi mợ Cử sinh thêm được con Tố Tâm. Trước ngày ở cũ Tố Tâm, vườn lan nhà cụ Thượng Nam Ninh ở Hàng Gai nở đều mấy chậu vừa Tiểu Kiều, Đại Kiều. Cụ Thượng cha gọi thế là lan báo hỉ và đặt luôn tên cho cháu gái là Tố Tâm. Mợ Cử Hai, thấy chồng không ra mặt bất đắc chí và phẫn uất với buổi giao thì nữa, chỉ ngày ngày thờ cha già và chơi với Ngô Lang và Tố Tâm, cũng vui cười hả hê thêm lên. Một hôm Mợ đã dám ru con rất to, như rót vào tai chồng:

Ba năm lưu lạc giang hồ

Một ngày tu lại, cơ đồ vẫn nên.

Thằng Ngô Lang và con Tố Tâm ngoan vô cùng. Thằng anh mến con em,

nhiều khi cắn cả má em để cho em vừa khóc vừa theo, ồn ào và dễ thương lạ. Con Tố Tâm chưa đầy tuổi tôi, mà má đã lúm đồng tiền, mà mắt đã trong như nước hồ thu. Ngắm con gái, anh hoa sớm lộ ra ngoài, mợ Cử Hai có điều ngại ngại. Buồn một cách thoáng qua thôi. Chỉ có một lần thằng Ngô Lang làm cho mẹ nó buồn sợ hơn hết là một buổi tối, nó vén màn the lên, kéo mẹ nó đến gần cửa song có con tiện, chỉ cho mẹ nó xem một vùng trăng sớm ló bên đầu hồi nhà.

– Mợ ơi, ra đây mà xem ông giảng.

– Ông giảng làm sao?

– Ông giảng đẹp lắm. Có hai cái cánh nhọn.

– Thế mà đẹp gì. Ông giảng có tròn thì mới đẹp chứ!

– Tròn cả không đẹp mợ ạ.

Từ lúc ấy, thằng Ngô Lang cứ vắt tay lên trán và ngăm trắng như một người lớn đang suy nghĩ. Mỗi lần mẹ nó bảo bỏ lá màn xuống cho khỏi muỗi thì nó lại sụt sịt khóc. Và nó cứ vắt tay lên trán nhìn vầng giăng lên mỗi lúc một cao. Ông Cử Hai vừa về, nó nhảy choàng dậy, vui mừng như một người đứng tuổi khi tìm được một tâm hồn bầu bạn, nó lôi tay bố nó xênh xệch đến chỗ chấn song, chỉ vầng giăng bạc có cánh nhọn và nói:

– Ban nãy ông giăng khéo hơn bây giờ kia cậu. Ngô Lang nằm chờ mãi mà không thấy mây che lấy ông giăng của Ngô Lang. Thế đêm nay có mây không hả cậu?

Vợ chồng ông Cử Hai nhìn nhau hồi lâu, chốc lại liếc qua Ngô Lang đứng bần

thần bên cửa sổ có ánh giăng xuyên qua. Người vợ hình như lấy cặp mắt lo lắng bảo thăm chồng: “Tính di truyền giọt máu nhà lại bắt chúng ta cho ra đời một tên tài tử nữa rồi” để cho người chồng nghĩ thêm rằng: “Đời thằng Ngô Lang rồi cũng chỉ đến lằng bằng mà thôi. Cái vầng giăng lười liềm kia sau này còn lôi kéo cái thơ mộng Ngô Lang kia đi xa lắm. Việc ấy cũng là số mệnh định cả và điem ra như thế”.

Qua ngày tết Trung Nguyên, ông Cử Hai để tâm vào việc sắm cỗ tết Trung Thu cho hai trẻ Ngô Lang và Tổ Tâm và vợ chồng cũng quên cái việc Ngô Lang mê cái bóng giăng lười liềm đêm trước.

Mấy hôm nay, ông Cử Hai chạy suốt ngày như một người bận rộn nhiều lắm. Chốc chốc lại tha về mấy cái mai cá mực, hoặc ít mận nhiều đủ các màu tươi thắm

và bao nhiêu là giấy hàng mã cùng là que nứa và dây lạt. Ông Cử Hai, một người tài hoa giang hồ, đến cái tuổi chán sự bay nhảy và đã nghĩ đến chuyện vui cùng gia đình.

Người ấy đã hồi tâm lại, mong gây cái êm ấm cho gia đình vào một ngày tết của con trẻ. Người ấy đi kiếm các vật liệu để làm cho lũ con một cái đèn xẻ rãnh. Từ trước tới giờ cái người ấy có sao Thiên Cơ chiếu vào hoa tay, chỉ đi làm đèn xẻ rãnh ở những chỗ đầu sông ngọn nguồn cho các thú trẻ con thiên hạ, hồ mong trả cái nợ áo cơm đối với những người dung mình vào những ngày và tháng bẽ bàng.

Mấy ngày liền liền, ông Cử Hai nghĩ tìm một cái đầu đề mới lạ cho đèn xẻ rãnh. Hay là lấy sự tích Tam Quốc ra làm? Không thấy hứng lắm, bởi vì đã đến

ba bốn lần ông mượn tích Tam Quốc rồi. Người ta còn nhắc mãi đến bây giờ cái đèn xẻ rãnh của ông hồi mấy năm về trước, diễn cái tích “Triệt giang phò A Đầu” lúc Triệu Tử Long nhảy sang thuyền Tôn phu nhân trên sông Ngô, trông cứ như thật. Cái tài làm đèn xẻ rãnh của ông được nổi tiếng, truyền rộng ra một vùng Kinh Bắc là từ cái đèn “Triệt giang phò A Đầu” ấy. Tác phẩm chỉ độc có một cái ấy, ngày nay ông Cử Hai không còn nhớ ra được là đã vào tay ai. Hình hài ông vào hồi ấy cũng còn là chuyện bỏ qua, hướng hồ chỉ là một công trình tiểu xảo kia! Ai đi nhớ mà làm gì!

Mấy hôm nay ông nghĩ đầu đề làm đèn xẻ rãnh cho thằng Ngô Lang, thực khó hơn là tìm vận thơ gieo cho một bài bát cú phú đặc. Chưa biết nên diễn cái tích gì đây! Hết ngày ấy sang ngày khác,

ông ngồi bóc sẵn hạt bưởi và chẻ những hạt na ra từng hai mảnh một. Hạt bưởi xâu vào que phơi khô, tức là những cây nến cắm vào đèn giấy cho lũ trẻ con nhà nghèo chơi đêm ngày rằm.

Cụ Thượng nướng đỏ cái tiêm sắt vào ngọn đèn thổ hà, xiên mũi tiêm nóng vào lòng mảnh hạt na, hút một điếu thuốc lào, thở khói phào. Mảnh hạt na vừa tàn thì tro thuốc nơi nõ điếu cũng vừa tụt gọn vào điếu. Gọn gàng và ngon lành đến thế là cùng. Cụ Thượng hỏi ông Cử Hai:

– Thế anh đã nghĩ làm đèn như thế nào chưa?

– Con định hỏi lại thầy về cái tích này xem có nên không. Là diễn một tích trong truyện Ngô Việt Xuân Thu, lúc

Phạm Lãi đem Tây Thi sang dâng Ngô Phù Sai.

– Ủ, Phạm Lãi gắp Tây Thi giắt lụa ở bến Trữ La, hồi này thú vị đấy. Nhưng anh Cử định diễn từ đoạn nào? Phải làm những quân gì? Đừng nên làm nhiều quân lắm. Cái sức luân chuyển của tán đèn đốt lửa chỉ có chừng độ thôi. Nếu dùng nhiều quân quá, sức máy gạt ngang sẽ yếu đi nhiều.

– Con đã nghĩ rồi. Cái rãnh chính để hình dung một con sông chảy từ đất Việt sang đất Ngô. Ở phía bên phải chiếc đèn, đắp một hòn núi giả hơi cao. Ở rãnh phụ ấy đặt một cái máy gạt ăn vào hai hình quân Ngô Phù Sai và Ngũ Tử Tư. Ở nơi góc bên trái, cũng ở một cái rãnh phụ nữa, lại một chiếc máy gạt ăn vào một chiếc thuyền ở trên có hình Phạm

Lãi ngòi. Ở cái rãnh chính thì có chiếc thuyền lớn. Đây là thuyền Tây Thi tiến Ngò.

– Thế anh cho các quân ấy chạy và gặp nhau như thế nào?

Ông Hai Cử dứng ngón tay trở vào cái đĩa dầm sứ có nước, vẽ xuống mặt án thư mấy hình phúc họa vị trí của từng quân đèn xẻ rãnh.

– Thưa thầy, khi tán đèn quay, thì cái thuyền Tây Thi đi từ phía trái sang phải. Khi thuyền gần tới hòn núi giả, động đến cái máy gạt có cần thép ăn vào hai quân Ngò Phù Sai và Ngũ Tử Tư, thì hai hình này cử động. Ngò Phù Sai sẽ ưỡn mình ra phía sau như là ngấm kỹ năng Tây Thi ở trong cái thuyền tiến cống đang đi thẩu vào bờ cõi nước Ngò. Còn hình Ngũ Tử Tư thì cử động hai tay như là ôm lấy Phù

Sai, can ngăn không nên thâm nhận lấy cái họa Tây Thi. Về phía bên trái cổ đèn, khi thuyền Tây Thi vừa lướt qua cái trục máy gạt ở rãnh phụ phía trái, thì chiếc thuyền con có Phạm Lãi lộn ngược đi khuất vào góc đèn. Thầy nghĩ thế nào?

– Anh dàn quân thông đấy. Thành ra hết bốn quân Tây Thi, Phạm Lãi, Phù Sai, Ngũ Tử Tư, ừ, bốn quân và... hai con thuyền. Chưa lấy gì làm nặng quá sức quay của tán đèn. Có thể thêm một quân nữa.

– Ý thầy muốn thêm một quân Thái Tể Bá Hy nữa, thưa thầy phải thế không? Vâng, có cái ông Thái Tể nữa vào nó cũng vui trò. Phải thêm một cái gạt nữa cho cái ông nịnh thần vong quốc này. Lúc thuyền Tây Thi đến, trong truyện, chính Thái Tể Bá Hy ra đón Tây Thi, và từ đấy, đã đưa Ngò vào đường diệt vong theo

đúng cái kế hoạch của Việt Vương Câu Tiễn.

Cụ Thượng và ông Cử Hai ra công làm năm quân ấy cho chiếc đèn xẻ rãnh lấy tên là “Ngô vương cự gián nạp Tây Thi”.

Công việc chẳng có gì, vậy mà cũng mất đến hơn mười hôm. Ông Cử Hai tìm những mẫu nến bạch lập rất to cháy dở còn thừa lại trên đầu các đèn nến thiếc Sông Ngân nơi bàn thờ. Và đi lục lọi thêm những mẫu khác nữa trong tủ để cho nó đủ. Mẫu nến của kỳ giỗ xa xôi sót lại, vẫn chưa mất hết hẳn những giọt nước mắt sáp của những ngày hương đèn năm trước. Ông Cử Hai đem đốt chảy và hợp thành được một tảng sáp lớn. Ông chuốt quân đèn xẻ rãnh và lấy sáp này làm cốt cho quân. Cũng may mà những mẫu sáp thừa kia đủ dùng, chứ

không thì cũng hơi rầy vì cái khoản vật liệu này. Độ này nhà túng lắm, mọi việc mua bán đều phải lấy tiết kiệm làm đầu. Đã hay rằng ông huyện Thọ Xương vẫn có đưa ra luôn để đỡ thêm vào việc chi tiêu trong nhà, nhưng ông Cử Hai vẫn lấy thế làm phiền.

Thế là tạm xong được mấy cái cốt hình người. Bây giờ mới bắt đầu làm đến đầu người, mặt người. Thằng Ngô Lang ngồi chồm hồm bên cạnh bố, hỏi luôn miệng:

– Tại sao cái mặt này cậu để trắng, cái mặt khác lại có hai chấm đỏ, và cái mặt kia cậu lại bôi đỏ hết cả đi?

Cụ Thượng đang ngồi lựa mụn lựa xanh đỏ bó thành quần áo cho quân sáp, cười và bảo:

– Cháu đừng có nghịch thì mới chóng có đèn chơi. Mặt trắng là quan văn. Mặt đỏ là quan võ. Những người trung thần nghĩa sĩ cũng đều mặt đỏ cả. Người phản nịnh thì mặt trắng mốc có điểm mấy vết đỏ nhờ nhờ.

Ngộ Lang chỉ vào lỗ mắt người:

– Thế ra ông làm cho cháu một cái đèn có cả người nịnh và người trung, quan văn và quan võ đấy à? Sao ông không cho quân đèn mặt đỏ tất cả đi?

Ông Cử Hai gọt đầu người bằng mai cá mực, để công nhiều nhất khi gọt đến mặt Phạm Lãi và Tây Thi. Nàng Tây Thi tất nhiên phải có khuôn mặt đẹp. Nhưng nghĩ đến cái thú vị của một đời người như lúc Phạm Lãi dám bỏ lại sau mình cả một cái giàu sang nhất thì mà đi chu du Ngũ Hồ, nghĩ đến phút ấy trong cái sinh

bình một người xưa, ông Cử Hai cũng làm luôn cho Phạm Lãi một cái mặt rất đẹp, cấy vào đấy một bộ râu năm chòm đen nhánh. Ngộ Lang cũng tỏ ý thích cái đầu Phạm Lãi và cả cái đầu nàng Tây Thi nữa.

Đèn xẻ rãnh đã hoàn thành. Cái tán đèn xẻ rãnh to quá. Phải thấp đến mười con bắc nơi đĩa dầu sỏ, cái sức mạnh của lửa mới quay chạy được tán đèn. Ngày đầu tháng tám, ông Cử Hai đem đèn ra thử.

Có người học trò cũ ở Sơn Tây về qua Hà Nội, biết ông Cử Hai có con, đem đến biếu thầy học cũ một cái bánh dẻo mặt trắng, mặt bánh to một thước, thế nào lại nhằm ngay vào giữa hôm ông Cử Hai thử đèn xẻ rãnh. Ông bày đèn ra sân, đốt hết cả mười con bắc cháy sáng. Ông bày luôn ra sân bộ đồ trà, mời cụ Thượng ra

ngồi vào cái ghế đầu đã để sẵn trước đèn. Cụ Thượng ngồi, ăn bánh, uống nước và trịnh trọng như một người được mời tới để định giải thưởng cho đèn xẻ rãnh. Rồi cả nhà, mỗi người một miếng, trông vui vẻ lạ. Vui nhất là Ngô Lang. Cả đến con Tổ Tâm bé thể mà cũng ăn được hai mảnh bánh mặt trăng.

Quân đèn bắt đầu diễn vòng đầu. Mặt trước đèn có nển soi vào, sáng như một sân khấu rạp tuồng thu bé lại. Thuyền Tây Thi từ từ tiến vào sân khấu. Lúc nàng vào được đến phần ba lòng sân khấu, lướt qua chiếc thuyền Phạm Lãi, động đến cái máy gạt thứ nhất ở góc trái đèn, thì thuyền của Phạm Lãi quay vào trong và lẩn mất. Nàng Tây Thi vẫn xuôi trên sông Ngô rồi biến vào nội địa đất Ngô. Cái máy gạt ở góc phải cổ đèn động đánh xịch một cái, thì trên hòn núi giả

làm bằng giấy trang kim đốt đen, Ngũ Tử Tư bắt đầu ôm lấy Phù Sai với dáng điệu của người tôi trung hết sức ngăn chừa. Nhưng dưới chân giả sơn, cái người nịnh thần Thái Tể Bá Hy đã don đả đi lại gần thuyền Tây Thi, giơ tay ra đón lấy. Trên cái núi giấy, hai hình tôi chúa kia vẫn cử động như ban nãy, một người tỏ vẻ can ngăn, một người vùng vằng không chịu nghe. Thuyền Tây Thi dưới này, đi sâu mãi vào đất Ngô và khuất hẳn. Vậy là đủ một vòng đèn xẻ rãnh.

Ngô Lang nhảy lên mà cười. Cái đèn này là của riêng nó để bày cỗ ngày rằm. Con Tổ Tâm khoa mãi hai chân và hai tay như muốn sà xuống chỗ đèn sáng. Rồi nó khóc. Mợ Cử Hai bảo chồng:

Hay là làm cho mỗi đứa một cái. Càng đông đèn, cỗ càng vui. Giữa mâm cỗ, bày một con gà uốn hình ông Lã Vọng. Ngô

Lang đã có đèn xẻ rãnh. Giờ làm cho con Tổ Tâm một chiếc đèn kéo quân, cho nó khác đi.

Ngày ngày hôm sau, ông Cử Hai lại túi bụi vào việc làm đèn kéo quân. Ông đã đem một tập sách thơ cũ ra, lột mất mấy cái bìa sơn cây, cắt bìa ra, ghép hai mảnh bìa làm một, dán lại làm hình người. Tổ Tâm thì chỉ chơi đến đèn kéo quân thôi. Nhưng dù sao, ông Cử Hai cũng để hết công phu vào việc làm đèn. Chiếc đèn kéo quân của con Tổ Tâm, đến hôm bày cỗ rằm, cũng còn hơn các bàn cỗ nhà khác ở chỗ nó có những hai chiếc tán kia, mỗi cái tán ăn vào một đĩa đèn, một tán xoay vòng theo chiều thuận, một tán xoay theo vòng nghịch. Đèn chạy, hai vòng quân, một vòng trẩy đi, một vòng trẩy về, vui mắt lạ! Lại còn đèn cá và thiềm thừ nữa. Mợ Cử Hai ngâm sẵn

một vại ốc và bữa những quả bưởi rất khéo, cốt giữ nguyên vẹn lần vỏ, trổ vào vỏ những hình trám thủng, để hôm sau con nó thắp lên rồi tha hồ mà lăn tròn cái thứ đèn cù ấy trên mặt đất. Ông Cử Hai tìm lên vùng Hồ Tây đặt rượu sen thứ có tăm. Chưa bao giờ cái tết Trung Thu nhà ông nhộn nhịp cả nhà đến như thế.

11

Trên đỉnh non Tản

Núi cao sông hãy còn dài

Năm năm báo oán đời đời đánh ghen

Làng Chàng Thôn, tổng Kim Quan, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây là một làng trung du mà hai phần ba số dân làm nghề thợ mộc. Cái chàng cái đực của dân Chàng Thôn không những được người trần biết đến mà thỉnh thoảng cứ dăm

bảy năm một, lại có người tiên trên núi hạ sơn cầu đến, sau những vụ lụt to tháng tám đánh chìm hết những làng ở rải rác phía chân núi Tản Viên.

Vài năm năm một, vua Thủy lại dâng nước một lần như thế lên chân núi Tản, lên lưng chừng núi Tản, lên đến đỉnh núi Tản. Nhà cửa, trâu dê bò lợn, hoa màu bị ngâm nước cứ hằng tuần trắng một, rồi chết, rồi nấu, rồi rửa, rồi tan theo với ngọn nước lúc rút, tiếng nước xiết réo lên như thiên binh vạn mã. Mỗi một kỳ nước trắng cuộn dâng lên vùng non Tản cao ngất trời xanh, rồi lại cuộn cuộn rút về thủy quốc, dân gian khổ hại không biết thế nào mà lường được. Có nhiều làng bị nạn nước, toàn thể sinh linh đều biệt tích. Nóc đình các làng bị nước phù sa chôn chặt, nhiều khi phải đào móc mãi mới dò được ra dấu vết cũ. Ở nhiều

chỗ không ngờ tới, người ta thường còn đào thấy những hài cốt kỳ quái của loại động vật đời thạch khí. Trận hồng thủy đã đem từ những nguồn, những ngàn xa nào, biết bao con vật quái về chôn tại vùng xuôi này. Như là cái mai con dãi to bằng cả một cái giếng làng đào thấy cạnh cái văn chỉ hàng huyện huyện Tùng Thiện chẳng hạn. Còn nhiều thứ xương cốt của nhiều giống thủy quái khác nữa bị giạt vào các chân đồi, vào giữa thung lũng các xóm núi, mà nước rút xuống mau đã ký táng vào khu vực tỉnh Đoài. Mỗi lần đào thấy dưới những lớp dày cát phù sa, dân sở tại nhìn nhau, hỏi nhau bằng cặp mắt sợ hãi. Ở khắp mấy vùng Vệ Đống, Nam Toàn, Thạch Bàn, Văn Mộng đều có đào thấy như thế cả. Lắm ông già tuổi thọ đã linh trăm tuổi mà cũng chịu, kêu rằng cha ông bình sinh cũng chưa từng

có nói đến những việc đào được cốt như thế.

Nhiều cái cốt khí lạ không biết thế nào mà nói. Có một lần, người Mường ở xóm Đá Chông, ngay chỗ sát dìa chân núi Tản, về vụ làm rẫy tháng xuân, đào được không biết bao nhiêu là đồng xương một loài chim to lạ quá; người ta ngờ rằng đây là những chim rừng của rừng hoang núi Tản, những con chim ấy lúc sống có đủ da thịt lông, thì cũng phải to gấp năm hay sáu lần thân những con hạc gỗ thờ bên hương án các đình cổ.

Tục truyền những trận hồng thủy dữ dội tàn khốc như thế là gây nên bởi cuộc đánh ghen giữa vua Thuỷ và một vị thần trong bốn vị Tứ Bất tử nơi thế giới u linh: thánh Tản Viên, chúa Liễu Hạnh, Chủ Đồng Tử, và Phù Đổng thiên

vương. Trong bốn vị này, sau chúa Liễu Hạnh hay đùa ghẹo người trần nhờ gặp phải, có người nào hay biến hóa nhiều nhất và tàng hình lẫn vào đám người trần mắt thịt, thì là thánh Tản Viên. Thánh Tản Viên đã gây thù kết oán với Tiểu Long hầu, con vua Thuỷ Tề. Thần Núi và vị hoàng tử Nước kia đã là hai tình địch một thiên tình sử thoát phạm trong cái mơ hồ vô tận ở tít trên một chòm non xanh, ở tít tận dưới đáy một thủy cung. Hai kẻ tình thù mỗi lúc đánh ghen nhau thì muôn ngàn sinh linh đồ thần. Mỗi một kỳ đánh ghen, nước các vùng lại đổ về như thác và dâng cao mãi lên; đỉnh non Tản muốn cho khỏi ngập dưới làn nước ghen oán, lại có dịp để ngoi lên cao thêm nữa thêm mãi. Trời, bao giờ cho nàng công chúa đẹp kia mất tích hẳn đi để Nước ấy và Núi kia được trở lại với sự yên nghỉ muôn thuở. Chứ thỉnh thoảng

mà hai cái Thần ấy còn cướp phá nhau và cố chống giữ nhau thì nước còn dâng lên muôn trượng và nghìn nhà vùng xứ Đoài còn mãi mãi bị nạn lụt nước. Chính cái hạnh phúc trên non Tản và lòng ghen của một ông hoàng tử Nước kia đã thành câu hát của người xứ Đoài:

Núi cao sông hãy còn dài

Năm năm báo oán đời đời đánh ghen.

Trẻ con tỉnh Đoài, đến bây giờ vẫn còn hay hát. Vừa hát vừa nghe hát vừa trông lên cái chòm non Tản: trông xa như hình một cái tán đá, non kia vôi vọi đã là cả một thế giới bí mật, của huyền ảo.

Mỗi lần đi chủ tế lễ quốc tế xuân thu hai kỳ trong một năm ở đền Thánh Tản Viên, không có quan địa phương nào là

không tò mò hỏi thăm đến cái bí mật của rừng cao cả.

Người ta truyền lại rằng đền thờ Thánh Tản có đủ ba ngôi. Đền Hạ và đền Trung thì nhiều người đã leo lên tới rồi. Nhưng vượt được cái vách đá trái núi thắt quả bông để lên cho được trên đền Thượng, chưa từng thấy có ai thuật lại việc đó. Hình như có một lần, đầu có ông phủ Quốc Oai nói chuyện một cách sợ sệt về đền Thượng với quan Đốc học Sơn Tây. Ông phủ Quốc Oai chỉ nói có mấy câu: “Đứng ở mái Nam đền Thượng mà nhìn xuống, trông được cả khói ở Kinh thành Thăng Long. Thấy rõ cả cái Chợ Giời ở núi Sài. Có đứng ở đền Thượng nhòm thẳng xuống thì mới biết cái dải Đà giang là có thể hiểm. Tôi có mang trộm về được ít đá cuội và một mẫu gỗ chò. Đây Quan Lớn ngài xem”, thế rồi là

lăn đùng ra chết. Cái viên đá cuội mà ông phủ Quốc Oai còn nắm chắc trong bàn tay giá lạnh cứng đờ, khi đập ra có một cái nhân nhỏ màu trắng nhờ nhờ tiết ra một mùi hương đượm của quả men rượu ủ trấu. Cái nhân đó vụt biến đi đâu mất. Vỏ cuội đá còn lại, đem thả vào bát nước mưa kinh niên, lấy thìa múc uống thấy say ngát vô cùng. Mảnh đá cuội vỡ, quan Đốc Sơn Tây giữ lấy, đi đâu cũng giắt trong mình. Thỉnh thoảng vắng người, quan Đốc lại thả nó vào bát nước mưa, uống có nhạt hơn trước, nhưng vẫn say và thơm. Đôi mảnh cuội về sau, vì quan Đốc phải đi theo gia quyến chạy loạn, thành ra thất lạc mất. Muốn cho được an ủi lòng mình, quan Đốc Sơn Tây tin rằng mảnh đá hẵn là đã trở về với chủ nhân trên non Tản. Ngài lại càng lấy làm sợ hãi và không dám kể lại với ai cái việc Thần núi Tản đòi lại hòn cuội cho mượn

đó. Sợ lại có cái vạ miệng phải chết tươi như ông phủ Quốc Oai ngày nọ chẳng.

Chuyện kỳ dị về hòn cuội có nhân không biết vì đâu mà đồn về đến tận dân làng Chàng Thôn chuyên làm nghề thợ mộc. Bên bếp lửa, giữa những mối thuốc Lào châm nùn rơm hút đến tụt nỏ điều cày, những bác phó mộc trẻ tráng luôn miệng nói đến hòn cuội trên non cao, hỏi nhau xem ở trên cái ngôi đền Thượng núi Tản Viên có những cái gì. Họ muốn được hiểu biết. Có một điều lạ là mỗi lúc câu chuyện có đả động đến ngôi đền Thượng huyền bí thì những ông phó mộc có tuổi đều đánh trống lảng ra chuyện khác, nếu họ không lảng xa ra chỗ khác. Bọn thợ trẻ để ý đến những cái nhìn ý tứ của đám phó mộc lớn tuổi đưa đẩy với nhau bằng mắt khi bọn đàn em nhao nhao bàn tán đoán già đoán non về những việc trên

đền đức Thánh Tản. Những bức đàn anh này có biết một cái gì trên ấy chẳng? Sao những người tuổi tác này có vẻ khiếp sợ kín kín hờ hờ giấu diếm như thế?

Thái độ ông cụ phó Sần thì lại càng đáng nghi lắm. Ngày trước ông cụ phó Sần vui tính hay bép xép. Chỉ từ dạo cách đây đâu mười năm, ông cụ phó Sần tự nhiên bỏ làng Chàng Thôn mất đến hơn một tháng, vợ con không rõ là đi đâu. Lúc ông cụ Sần đi có mang theo đủ bào, đục, tràng, cửa, dây mực, ống mực, dây quả dọi, và chỉ nói là đi nhận làm khoán ở nơi xa lắm. Khi về thấy có rất nhiều tiền và mỗi lúc tiêu đến thì lại mang tiền thả vào vại nước, có nhiều đồng nổi lênh; ông cụ nhặt những đồng chìm tiêu dần và cất những đồng nổi vào một chỗ rất kỹ rất kín. Từ ngày ấy, vợ con và cả người mấy xóm ở làng thấy ông đổi tính

đổi nết một cách mau chóng. Trước ông hay ngồi lê đôi mách, bép xép hết chuyện người rồi mang nốt cả chuyện nhà ra mà nói. Giờ thì ông dè dặt từng câu, lắm ngày vẫn vợ như bị ma ám và nhiều hôm không cậ mồm ra mà nói lấy nửa nhời. Và thêm thêm tậ khạc nhổ, thăm khám nước bọt vừa nhổ và tay luôn luôn rờ lên cái cổ vốn lộ hầu. Ông phó Sần xưa điếm đạ thì giờ hốt hoảng. Người ấy có một điều gì ngập ngừng nửa muốn nói, nửa lại thôi dám. Bà cụ phó Sần buồn lắm. Những cháu rể hỏi trộm nhau rằng hay là lúc có tuổi, ông ngoại giờ chúng lúc sắp nằm xuống?

Cụ phó Sần là người không bao giờ biết những mơ mộng ở đời là gì cả. Thế mà từ hồi đi làm ăn một chuyến xa ấy về, ông cụ có cái phong thái một kẻ lãng mạn vào lúc cuối đời. Ông cụ giờ chơi

cây cảnh. Và bất cứ là nơi nào, hễ ai đánh tiếng cho ông biết một vườn quả nào đẹp và lạ, là ông lần mò tìm đến cho được. Có được bao nhiêu chất vui sướng còn lại trong lòng là ông cụ Sần cho nó hiện hết cả lên trên nét mặt, để rồi lúc ở vườn quả trở ra về, ông cụ lại cho mọi người được đọc về thất vọng trên bộ mặt khô héo. Không, những thú hoa và quả ở mấy thửa vườn quý báu ông vừa tới thăm không có chút gì là quý lạ cả. Cũng chỉ tầm thường như mọi thú tầm thường ở cuộc đời này. Những thú cỏ suối hoa ngàn và quả nơi rừng cấm, có lẽ ông chỉ thấy được một lần ấy thôi. Đã lâu lắm, từ cái ngày ông cụ Sần bị bắt đi mất hơn một tháng để trùng tu lại ngôi đền Thượng trên đỉnh núi Tản Viên.

Ở trên ấy đẹp lắm. Ngày tháng thì dài, mà không thấy sốt ruột. Hoa quả lành

ngọt và thơm như hết thảy những cái gì không phải là trần hủ sống gửi ở mặt đất cõi trần. Những cái êm, dịu, trong, sáng, thơm, lành trên non tiên, nếu được đem thuật lại với người làng, ông cụ Sần tin rằng sẽ có khối người đoạn tuyệt với cố hương, tìm vào ngàn cao cho được thỏa cái tai và cái mắt. Nhưng, ác cái những chuyện rừng lại không được thuật lại. Hôm hoàn thành công việc sửa đền, lúc sắp xuống núi, Thân non Tản đã gọi cả hai hiệp thợ mộc và thợ ngỗ lại, đưa mỗi người nuốt một lá trúc xe điều và dặn tất cả bấy nhiêu người: “Thôi nhá, chuyện chi để đó. Các người về làm ăn dưới ấy cho yên ổn”. Cái lá trúc xe điều ấy là một con dao găm, một con trúc dao có phép thuật kết quả đời kẻ nào bép xép lỗ mồm tiết lộ đến thiên cơ thần cơ. Mỗi người thợ hạ sơn là đem theo trong mình một

lời đe loi của Thần Non Cao và cả một cái bí mật của ngàn xanh.

Hiệp thợ ngỗ là người xa lạ các nơi tụ hợp lại, một lúc xuống núi là họ phân tán ngay. Còn hiệp thợ mộc bảy người toàn là người làng Chàng Thôn. Ông cụ Sần cùng trở về làng với tất cả anh em đi chữa đền Thánh Tản. Những lúc tắt lửa tối đèn hoặc họp chè họp rượu ở nơi chiếu hương ẩm, hoặc là làm mùa màng, bảy người thợ mộc đều gặp nhau luôn. Nhưng tịnh không ai hé răng cậ miệng ra nói lấy nửa lời về câu chuyện hơn một tháng trên non xanh. Họ nhìn nhau trừng trừng mà biết vậy, rồi lo sợ đều bằng con mắt cả. Họ đều đem nhỡn tuyến ra mà chung viết lại với nhau một tập ký ức cam về hơn một tháng trùng tu ngôi đền Thượng.

Trong bọn, có Nhiều Tầm, người xóm dưới, không biết đại mồm đại miệng thế nào hay là lúc say sưa, không rõ từ nhập ngôn xuất ra làm sao mà lăn đùng ra chết. Cả làng thấy Nhiều Tầm khoẻ mạnh như thế, đang vui cười mà lăn ra chết, không ai hiểu ra sao cả. Chỉ có ông cụ Sần và năm người thợ mộc rõ thôi.

Ông cụ Sần và năm bác phó mộc đã tìm đến nhà đám đòi xem mặt cho được người bất hạnh. Nói là xem cái cổ Nhiều Tầm thì đúng hơn. Thì ra ở phía bên trái cổ, có một cái nhọt bọc mã đao đang nung. Nặn phọt ra, có một cái ngòi xanh lè, dài vừa đúng một cái lá trúc con. Ông cụ Sần và năm bác phó mộc xanh mắt nhìn nhau im lặng. Con trúc đao! Sự trùng phạt của thần non Tản!

Ông cụ Sần bèn xin lấy cái ngòi mã đao ấy, nói dối là đem về khảo về một

môn thuốc ung thư ngoại khoa. Cụ Sần đem cắm ngòi mã đao đó vào chiếc chậu sứ chỉ có một đêm thôi mà ngày hôm sau, chiếc chậu sứ đã có một cây trúc nhỏ bé khẳng khiu như trúc non bộ, cành và đốt rất nhiều, nhưng chỉ có mỗi một lá thôi. Một cái lá nhọn hoắt. Muốn giữ mồm giữ miệng cho quen đi, sau ngày đưa ma Nhiều Tầm, cụ phó Sần thường họp mấy người thợ bạn đàn em kia lại đánh chén ở nhà mình. Bữa chén không có đồ nhắm.

Họ uống rượu rất nhiều, ngời im lặng ngắm cái lá trúc cô độc trên khóm trúc tí hon bày trước thềm nhà. Trong những ngày nồm nớp của đám thợ mộc này vừa hụi đi mất một người, những bữa rượu này là những bữa không ngon lành nhất trong đời một đám người sống nơi thôn ổ với cái vui thú được thỉnh thoảng nâng chén.

Cái lá trúc non bộ ấy vẫn xanh ngắt trên khóm trúc đã khô giòn như bó que đóm nỏ. Đây là một lời cảnh cáo dai dẳng.

Ngày tháng cứ thế mà vội dần trên lũy tre làng Chàng Thôn.

Bỗng một buổi chiều năm ấy – không nhớ rõ là năm nào, chỉ biết là cùng một năm có trận lụt rất lớn làm sạt cả kỳ đài thành Đoài và cuốn phăng mất đến gần tám mươi trượng đá tổ ong phía tường Tây thành tỉnh – buổi chiều năm ấy, vào lúc nhá nhem người ta đang đánh trâu cày vào các ngõ duối, một ông cụ già râu tóc, lông mi trắng xộp như bông, chống một cây gậy trúc đuôi gà vàng óng, khoan thai tiến vào cổng trước làng Chàng Thôn.

Trông ông cụ đỉnh đạc, cổ kính, đội cái nón cỏ giống kiểu nón tu lờ người tu hành, dân làng không hỏi căn vặn và chỉ nhìn theo ông cụ đi khuất vào ngõ nhà ông cụ Sần, bước đi có đủ cái vững vàng của một người quắc thước thuộc lòng con đường đi của mình.

Ông phó Sần đang ngồi quấy nồi kê. Thấy có người tiến vào đến giữa sân nhà mình và lạ quá, sao ba con chó mực không sủa và lại còn quẩn quýt lấy chân người lạ, ông phó Sần bỏ cả nồi kê chưa chín, vội chạy ra. Ông già đẹp quá. Ở làng, thực các cổ lão thường ngự ở chiếu trên cạp điều ngoài đình, thật là chưa có cổ nào đẹp lão đến như thế.

– Dạ thưa trượng nhân, chúng tôi xin chờ những điều trượng nhân dạy bảo.

Ông cụ già gỡ nón tu lờ, cốt để ông Sần nhận rõ mặt mình. Nhưng ánh sáng chiều tàn đã yếu quá rồi. Ông Sần càng thêm ngợ. Ông cụ già chợt nhìn thấy cái khóm trúc non bộ có một chiếc lá bày ở thêm kia, bèn tiến lại, cúi xuống, lấy tay đỡ lấy và mân mê cái lá nhọn hoắt. Ông cụ già ngẩng đầu lên, vừa gập bộ mặt ông Sần đang chăm chú nhìn xuống. Ông già khẽ mỉm cười. Ông phó Sần tái hân mặt đi và sụp xuống đất sắp lạy. Thần Non Tản! Thần Non Tản bèn đỡ ông Sần dậy:

– Chỗ này không phải là nơi bày vẽ ra những nghi vệ nơi cung điện. Người đứng thẳng mình lên, ta dặn điều này. Là họp ngay lại trong đêm nay mấy người thợ bạn ngày năm nọ. Ta có việc cần đến.

– Dạ.

– Cuối trống canh tư, các người đợi ở bến Gòn. Thấy chiếc thoi nào tới thì cứ xuống. Ngồi một không hết thì san ra làm hai con lườn.

– Dạ.

– Đây ta để lại cho ít bạc cốm. Hề thả vào nước, những hạt mẩn nào chìm thì quân phân ra cho khắp vợ con trong anh em các người. Những hạt mẩn nào nổi thì gói lại đem theo, hôm sau sẽ có người đổi lại cho. Tính theo ngày tháng của các người dưới này, thì cũng phải đi vắng mất chừng một tháng. Giữ sao cho không ai biết đi đâu, vợ con cũng vậy.

Nói xong câu này, Thần Non Tản, chỉ vào cái lá trúc vẫn xanh tươi như bao giờ, một tay ngăn không cho ông cụ phó Sần sắp súp lạy.

Thế rồi ông cụ già đội nón tu lờ phất mạnh cửa tay áo rộng, ra đi; mấy con chó mực vẫn không sủa lấy một tiếng nào.

Bến Gòn. Đầu trống canh tư. Sáu người thợ mộc ăn uống ở nhà no nê rồi như lũ thợ cày, đang ngồi bó gối chờ đợi trên những tảng đá sống trâu trơn lạnh. Bến đò bỏ hoang đã đến mấy năm. Mấy năm nay, người hai làng bên bờ đều lấy bến trên hoặc bến dưới mỗi lúc sang ngang trẩy chợ huyện bên này và chợ phủ bên kia. Đã lâu lắm, không có một con đò nào ghé bến này. Đến cả một cái bè nửa chở muối rừng, đến cả một con đò độc mộc cũng không ngừng lại. Bến Gòn im vắng đến nỗi dòng nước chảy xuôi cũng không chịu lên tiếng. Lâu lâu mới có một tiếng tồm, dội cái tiếng vang ngược lên mãi khóm lau già mọc nơi chỗ khuỷu sông bị vắn queo. Tồm. Tồm.

Những trái sung nẫu lìa ngành cổ thụ. Dưới cái lơ mờ của đêm thăm, vài ba trái cây gợn vẽ lên mặt nước đặc sệt như dầu bông ít vòng tròn cùng chung một điểm trung tâm.

Chim thủ thủ thù thì đi gần mãi lại nhau. Chả còn mấy nổi nữa, đêm sẽ tan canh. Bởi vì tiếng kêu con chim thủ thủ đục đã gần mãi lại chỗ có tiếng trả lời của con chim thù thì cái.

Ông cụ Sần và năm người phó mọc bạn, ngồi chờ đã oải cả xương sống, chốc lại trở vai. Những bào, cán chàng, cán đục va vào nhau, tiếng động rất khô rất gọn.

Nước lừ dù dịch vài bãi nước bọt mà đám phó mọc nhỏ xuống dòng nước bệnh lúc muốn đánh lừa đợi chờ.

Đêm tờ mờ đen rầm hắt lại, rồi đen ngòm, rồi đen kịt. Ở một điểm huyện cũ, trống bắt đầu chuyển canh.

Bỗng, ông cụ Sần cảm thấy một cái gì vừa loáng qua rồi vòng trở lại, rồi đứng sững hắt lại trước mặt bấy nhiêu người. Nhìn gần lại, dí sát hắt mắt vào, thì là chiếc thuyền thoi và một... chiếc thuyền thoi nữa. Mũi hai chiếc lườn có cặp luồng hai bên mạn ghé sát vào gờ đá. Bọn ông cụ Sần lảng lạng bước chân xuống lườn. Lườn nhỏ quá, mỗi lườn chỉ chứa được đến bốn người là nhiều lắm. Những hai lườn, mà chỉ có một người đẩy. Người chở lườn không nói chuyện, không nhìn bọn vừa xuống lườn, chỉ hướng thẳng vào cái thăm thăm của đêm sông vắng đang thốc mạnh vào đầu mũi con sào. Lườn đi vút vút.

Bọn ông cụ Sần nắm tay nhau. Lườn đi trên sông, song song hai chiếc, gì mà lại như đi trong cái rỗng tuếch của không gian. Lườn đi êm như trườn xuống một cái dốc ngọn thác mà lòng thác đều lót một lớp đầy rêu tơ nõn. Ban nãy, lườn áp bến không có một tiếng động róc rách, như là khẽ lách mặt nước mà ngoi từ dưới lên. Bây giờ hai con thuyền thoi đi trong một giấc mơ thần. Gió sớm nổi lên. Mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái của cỏ bông ải rũ, phả mạnh vào mũi thuyền thoi xuyên như cắm sâu mãi vào cái đông đặc của sương núi rạng mai.

Đến chân núi Tản Viên, thì rõ mặt người. Ô hay, người đẩy lườn lại là một người con gái. Một cô con gái mắt sắc như dao cau và lạnh như chất kim, lạnh hơn cái gầy gầy của rừng buổi sớm mai

dày đặc sương mù. Tiếng đồng vọng cú rúc hết canh vắng vào vách đá, rồi vật lại một nơi thung lũng nào đang gửi trả về rất dài một tiếng vượn kêu rầu.

Cô lái và hiệp thợ đã đổ bộ được một thoi đường. Con đường núi lót bằng đá tảng màu gan gà viền rêu xanh. Người ta đã phải lấy các đầu ngón chân bám xuống mặt đá trên lối độc đạo cho vững bước đi.

Đây đã khỏi xóm Đá Chông.

Rừng Tản thấm hút không hết làn sương núi. Sương càn trên động gieo xuống càn dưới. Chỉ có một điệu chìm chìm tẻ tẻ. Rừng vắng và ẩm và mốc. Ngực đã bắt đầu tức tức. Càng lên cao, bọn người thấy mình càng rời lìa cái nguồn sống quen thuộc của mọi ngày. Ở đây bắt đầu một nguồn sống mới lạ.

Nguồn sống của dây mơ rợ móc và cỏ và đá vào lúc mới có Cầu Tạo.

Đền Hạ. Rồi Đền Trung. Không có gì lạ cả. Ông cụ Sần cho nơi này là tầm thường. Người xứ Đoài, ai chả từng có dịp để dấu bàn chân lên đây một lần rồi. Nếu có những gì đáng mở mắt cho to mà xem kia, thì phải là lên nữa, lên trên nữa, trên đền Thượng. Thành đá đổ mồ hôi lạnh trước soai soải, giờ đã đứng thẳng mãi lên rồi dựng ngược. Vách đá đứng sững trước mặt bọn người đặng sơn. Thế này thì leo lên làm sao, hiệp thợ tự hỏi. Ông cụ Sần vốn có biết truyện Tam Quốc, thấy cái thế của núi đứng rất hiểm nghèo, bèn nghĩ đến cái nước non xứ Ba Thục mà có những lúc người làm tướng biết dùng binh thì lợi hại vô cùng. Ở cái yết hầu con đường đèo trên kia mà xếp sẵn gỗ cửa ngăn từng đoạn và đá tảng,

mỗi lúc lăn xuống, gỗ đá lao xuống như nước thác, thì chỉ một người cũng đủ địch với cả một binh đoàn cảm tử.

Cô lái đồ hương đạo quay lại. Cả hiệp thợ mộc lấy gân kìm bước lại, đứng thẳng lên, rồi uốn người hơi ngả về phía sau. Họ ngắm kỹ, không có một phút dám nghĩ đến lơ lả. Có ông cụ Sần là nhớ đến cái Bèo ở nhà: đứa con gái út cụ, cũng thon thon như cô lái. Cái vẻ ổng dảng của cô lái bây giờ không còn nữa. Cái người đoan trang ấy giờ là người đứng ra để truyền một cái lệnh.

Cô cầm sẵn trong tay một nắm lá trông sắc đỏ như là mẩn đình hồng, phân phát cho mỗi người một lá, bảo ngậm lấy, lấy sức mà lên cao, mà chống lại khí núi. Đường đi từ đây lên đấy, tính thời gian theo cái phép đo lường của hạ giới thì cũng phải mất đến nửa ngày.

Người con gái đưa đường lên tiên bảo thế. Cô lái dẫn sáu người phó mộc nên buộc vào lưng cho kỹ những đồ làm đem theo và nhắm mắt lại. Thế rồi cả đoàn người cứ thấy bay lên, cứ chọc thủng các lớp mây. Từ dưới bay vụt thẳng lên cao lắm, hiệp thợ ấy chỉ là những hạt mẫn sắt bị một khối đá nam châm xa cao tí tấp hút ngược lên. Bên tai hiệp thợ phi hành, chỉ có gió vù vù. Cái lá thắm mẩn đình hồng ngậm trong miệng làm nóng ấm cơ thể bọn thợ mộc đang băng mình qua cái miết lạnh của sơn cước mỗi lúc một cao, một dầy, một tức thở. Cả bọn thợ không ai lấy làm sợ hãi cả. Bởi vì, mấy năm trước, họ cũng đã phi hành như thế này rồi. Người cũ lại lên cảnh cũ non tiên, giá chuyến trước được mở mắt xem lược qua và chuyến này cũng được mở mắt mà xem kỹ lại cảnh xưa!

Cả bọn bỗng rớt đánh bịch một cái trên một vật cứng và mát. Tiếng người con gái bảo họ mở mắt ra. Đây là một khu đá bằng mặt rộng độ một mẫu mà chung quanh là những vách đá cao, trên mỗi chòm nhọn màu xanh cánh chả lại có mây trắng mây vàng đánh đai lấy. Ông cụ Sần sực nhớ lại những lúc ở dưới quê hương thấy núi và mây như thế, người ta thường gọi là núi đội mũ. Cây và cỏ trên này vẫn nhiều cái lạ lắm. Chuyến trước, họ cũng đã thấy phong cảnh trên đầu non, nhưng từ khi hạ sơn, ăn phải lại cái cơm hạ giới, họ chỉ còn phảng phất mà thôi. Đã mười năm rồi còn gì nữa. Thành thử ra lên tiên chuyến này nữa, tái kiến mà vẫn như là lần đầu. Người ta càng ngơ ngẩn với non xanh. Mà thêm tần ngần.

Sau một lúc đi khuất vào nẻo đá, người con gái lại từ nẻo đá hiện ra, truyền ra cho hiệp thợ những lời của Chủ Non Xanh:

Sơn chủ hôm nay bận sang núi bên phó hội cờ thạch bàn. Các bác nghỉ ngơi nốt ngày nay. Ngày mai Sơn chủ về, sẽ có điều bảo ban sau về công việc. Theo lệnh Nữ sơn chủ, tôi đã xếp cho các bác một lều cỏ ở cạnh suối Tịch Mịch. Trong khu vực suối, các bác được phép bắn chim bắt cá và hái quả. Ngoài chỗ suối Tịch Mịch, các bác nhớ rằng không được đụng chạm đến từ một tắc cỏ, một cái lá. Thói phép trên sơn thượng này nghiêm lắm. Nhớ lấy kéo lỗ ra mà khốn đó.

Người nữ tỳ – đây là người nữ tỳ hầu cận Nữ sơn chủ – ngoắt ngón tay bảo hiệp thợ theo mình đi ra phía sau nẻo đá, rẽ ngoặt phía tay trái rồi đi xuống.

Tiếng nước róc rách lưng đèo nghe gần mãi lại. Lúc đến bờ suối có lều cỏ bỗng dựng sẵn thì dòng nước suối Tịch Mịch nín bật. Nó lững lơ trôi ồm yếu và lững lơ. Nó trong như pha lê gọt. Nó hiền lành. Cụ phó Sần vục hai bàn tay xuống nước Tịch Mịch làm ngay mấy ngụm.

Sáu người phó mộc cất đồ làm vào dưới lều. Tính cũng mất nhiều thời giờ lắm rồi, mà ngày vẫn chưa hết. Cả hiệp thợ đi dạo cảnh non cao. Cảnh non cao trong cái khu vực khe Tịch Mịch.

Loài cây ăn quả, nhiều nhất hai bên suối là một giống hồ đào, trông như quả roi ở dưới ta. Giống đào rợ Hồ màu vàng nhạt và xanh hay chín, trái nào cũng có má hồng. Hiệp thợ, trừ ông phó Sần, thi nhau mà bứt. Trái đào rợ Hồ, nhân hột có dáng cái thai đứa trẻ gục đầu ngủ quên. Rót xuống thắm cỏ, hột Hồ đào hóa

thành luống cúc tần có bảy lá mốc. Cả bọn thợ, vẫn trừ ông phó Sần, cười như phá. Chim ngàn giạt mình, bay bổng.

Người nữ tỳ đã đứng trước lều cỏ. Ông cụ Sần chờ đợi một lời quả mắng. Nhưng không. Người con gái trao cho ông một cánh cung sừng sơn dương đen, hai vòng ngọc đỏ như hổ phách và hai mũi tên, một mũi bằng vàng, một mũi bằng bạc.

– Thức ăn bốn mùa trên sơn thượng là giống đào rợ Hồ. Nếu các bác không chịu được, muốn đổi bữa thì đã sẵn chim trên cành và cá dưới lòng khe. Cứ bắn lấy mà ăn. Cái tên vàng, dùng bắn chim. Bắn cá thì dùng cây tên bạc này. Cứ bắn ra, rồi mũi tên sẽ vòng quay lại, không bao giờ hết tên.

Ông cụ Sần cầm hai mũi tên, ngập ngừng mãi rồi mới dám hỏi khê:

– Thế còn ngũ cốc?

Người con gái tủm tỉm cười, chỉ ra dĩa suối:

– Cứ những hòn cuội kia đập vỡ ra là lúa gạo. Cuội xanh là lúa tẻ, cuội vàng là lúa nếp. Còn thứ cuội trắng là, là... Các bác muốn uống rượu thì đập vỡ cuội trắng ra, lấy nhân đá trắng hòa vào với nước suối mà uống. Hôm nay còn nghỉ ngơi, cũng nên nếm cho biết. Nhưng lúc nào đã bắt tay vào việc, mỗi lúc muốn uống rượu, các bác nên trình qua Sơn chủ đã.

Mấy bác phó mộc trẻ trở mắt nhìn nhau, lấy làm ngờ vực. Người con gái đã xoay lưng đi, lại còn trở lại, dặn thêm:

– Phía dưới lều cỏ, khe Tịch Mịch xoáy sâu vào chân đá thành một cái hầm nước rộng. Những rễ cái các cây trầm hương cổ thụ đều ăn cả về đáy và cá suối thường tụ ở hầm hàng đàn, ăn những bọt dầu trầm nổi lên mặt nước. Nên năng tìm đến đấy, bắt cá ngư hương mà ăn. Còn như những việc khác, ở trên này có khác với dưới chân núi, các bác chớ lấy làm lạ mà kinh động vô ích.

Thế rồi người con gái đi khuất. Thế rồi, được lời như mở tấm lòng tục, bọn thợ mộc khuôn rất nhiều đá cuội, cứ từng đống có ngọn một, mang về trước lều làm gạo nấu cơm và chế rượu uống. Họ đập đá bừa bộn, không cần để riêng hòn xanh hòn vàng. Mà có cái lạ, là không cần phải nấu nướng gì, những nhân đá xanh vàng kia, cứ đập rời ra, bốc bỏ mồm là đủ hương vị một hạt cơm, một hạt xôi

rồi. Nhân đá trắng, thả vào những gióng tre Đằng Ngà khổng lồ đựng nước suối, đem uống với nhau, thấy ngà ngà mà say, lâng lâng mà khuây vợi lòng tha hương.

Trong khi ấy, ông cụ Sần xách cung sừng và hai cái tên vàng bạc lần xuống chỗ Bạch đàn đàm, bắt được sáu con cá ngư hương. Lúc trở về đi qua dưới cây đại cổ kính đầu cành chàng nặng nhặn như những cặp nhung hươu, thấy có chim, ông phó Sần bèn phóng một mũi tên vàng, dây cung kêu đánh phụt một tiếng. Rồi mũi tên lướt rơi qua lùm cây tóc tiên và rớt xuống cỏ thạch sương bồ bóng loáng nước sơn then. Lại cũng đủ sáu con chim xiên vào mũi tên như một que chả chim nướng cả con. Mà thực là một xiên chả. Mùi thơm ở sáu con chim sẻ đồng bị tên vàng cắm suốt, thơm phưng phức. Ông cụ Sần tháo vòng ngọc

đỡ ngón tay, đeo cung lên vai, trở về lều với xâu chim chín và xâu cá cũng đã chín sẵn chung quanh cây ngân tiền.

Sau một bữa ăn có rượu nhân đá, có chả chim ngàn, có chả cá suối, cả hiệp thợ mộc say sưa, gối đầu lên tràng đục, đánh một giấc không biết trời đất là gì nữa. Mở mắt dậy, thì cũng như hôm qua, cái ánh sáng trên này lúc nào cũng nhờ nhờ như nước gạo loãng, không kể sớm, không kể trưa, không kể tối.

Ba bốn con voi lông toàn trắng, chung vùi lại, đỡ mấy cây gỗ đi qua lều, chân nặng bước rất nhanh, để lại sau đuôi nào là gió, là đá rậm, đá cuội bắn tung hạt lại.

Một chốc, thấy người con gái hôm qua tới bảo cả bọn lên hết cho Sơn chủ dặn bảo. Đi đến cổng ngôi đền gần sứt

mái, người nữ tỳ lảng ra một bên. Thần Non Tản phe phẩy cây phất trần, ngắm mấy con bạch tượng cắm ngà xuống sân đền, sau mười cây gỗ dài rất thẳng. Thần Non Tản truyền cho voi trắng và hiệp thợ mộc đứng cả dậy. Bọn thợ theo Thần vào đền.

Mấy hàng cột con, cột hàng ba, cột quyết không đủ sức chống cái mái đền lợp ngói vai bộ tráng men ngũ sắc. Ở nền đền, mất nhiều chân cột và thiếu nhiều miếng gạch lát. Bọn thợ xem qua một lượt. Họ ngờ rằng một dãy cột mẹ và những tảng đá chân cột và lát nền kia là do vua Thuỷ dâng nước lên lấy mất. Ngoài vua Thuỷ ra, còn ai dám động đến đền Thượng? Đích cột đền là gỗ chò vẩy và đá bị mất luôn kia là đá hoa. Có lẽ trận lụt cách đây mấy tháng là vua Thuỷ dâng nước lên đỡ gỗ chò vẩy và đá hoa

đền Thượng. Bây giờ Sơn chủ gọi họ lên chữa.

– Tàu Chúa Ngàn cao cả, cứ như kiểu đền này, kể ra giờ thiếu hàng cột mẹ, thì bắt mấy cái quá giang rồi xoay ra kiểu thượng thực hạ hư cũng được.

Thần Non Tản, đi lại trên những lỗ gạch đá thêm đình trống hồng, hỏi tại sao lại phải xoay kiểu và dựng đền thành ra thượng thực hạ hư.

– Dạ cúi thưa Chúa Ngàn cao cả, đó là cung cách của chúng tôi thường làm, mỗi khi không đủ gỗ cột mẹ. Tất cả phải mất mười sáu cây cột mẹ. Ngoài sân chỉ có chín cây gỗ chò. Nếu phải làm hàng cột này bằng hai thứ gỗ khác nhau, chúng tôi e không đẹp. Tàu xin Ngài phán xuống để anh em chúng tôi khởi công.

Thần Non Tản liền phán:

– Đền dựng trước như thế nào, cứ thế mà trùng tu. Không phải thượng thực hạ hư gì cả. Ở sơn gian này, có thiếu gì gỗ chò vẩy và đá hoa. Ta dám chấp kẻ kia cứ dâng mãi được nước lên đây mà đỡ cho hết được gỗ quý và đá báu của ta. Còn thiếu bảy cây gỗ chò nữa, chiều nay lũ voi trắng của ta sẽ đem về đủ. Còn đá cẩm thạch lúc nào lột cột và lát nền, sẽ có lần lần cho thợ ngỗa làm.

Hiệp thợ mộc vẫn tuân tị tiến hành công việc. Ngày tháng trên này không biết lấy gì mà đo tính, bởi vì chỗ sơn thượng không có đêm không có ngày. Đây là nơi của ánh sáng vĩnh viễn nhờ như màu ngọc liệu, như chất nước quế trắng chính sơn pha loãng. Những buổi trời tái hản lại vì khí núi âm u, thì



một vài hòn ngói trên lòng trần đèn hình mai luyện lại sáng rực hắt lên như một nguồn lửa. Ở những hòn ngói phát hào quang ấy, đọc rõ được bốn chữ Tản Viên đài ngõa. Vào những phút này, mấy thân cây cột gỗ chò vẩy mới tỏ rõ cái đẹp cái quý của một thứ gỗ đặc biệt. Dưới ánh

lửa ngói sáng choang, cột gỗ chò nhấp nhánh lộng lẫy chớp chớp lên như vẩy rồng vàng cồm chạm nổi.

Những đầu kèo vai và câu đầu, đều chạm tứ quý tứ linh. Bức trần gỗ thì chạm bát bửu cổ đồ. Nét chạm tỉ mỉ công phu gấp mấy lần công thợ điêu khắc ở các đền đài khác ở khối dưới núi. Họ chia nhau ra mà chạm, người thì tĩa hình thư kiếm, quạt và phất trần, kẻ thì gọt dáng tù và với túi roi hoặc là túi thơ cùng bầu rượu, cái nọ ghép vào với cái kia thành một bộ đôi bằng những sợi cạm đới nét dẻo như tung bay được.

Đến hôm chạm đến tám cánh cửa bức bàn theo hình Bát tiên hóa thì trời xám quá, ánh sáng ngói đèn không đủ để làm việc. Sơn chủ phải cho nổi hiệu khánh đá gọi đôi tê giác xanh tới đền. Người thợ nào cần thêm ánh sáng thì con

tê giác xanh lại ghé đến bên cạnh, lấy cái sừng âm rọi sáng cho đường chạm. Sừng tê giác là những vệt lân hỏa sáng xanh và dịu. Nhiều con anh tước lắng tai nghe những tiếng đục đánh xuống tràng kêu lách cách cóc cách gieo những âm thanh thô lạ và gắt vào cái êm ả của ngàn mề. Nhiều buổi Sơn chủ hài lòng cho phép cả hiệp thợ ngâm đá cuội mà say. Có một lần, ông cụ Sần tỉnh rượu thấy mình gối vào vôi con bạch tượng mà ngủ và vượn trắng đang bút hồ đào đùa ném vào các người thợ bạn còn ngủ li bì. Bên hàng lệ liễu màu phấn hồng, có đến linh trăm con chim quỳên mỏ và lông đều tím hoa sim đang rìa vỡ những màng hoa mấy khóm phong lan đen như gỗ mun.

Hôm nay, bọn thợ mộc làng Chàng Thôn đã làm đến cái diềm gỗ hàng hiên phải chạm thủng đường sòi. Nghĩa là

công việc chữa đền Thượng gần xong. Ông cụ phó Sần buồn buồn nghĩ đến ngày sắp phải xuống núi. Cứ ở trên này, thì bọn thợ còn được tha hồ bàn tán đến những cái lạ của Ngàn thăm thăm kín mật, mỗi lìa rời xuống khỏi, là không tìm lại được đường lên, là không dám hở hang tí chút lại với người đời về cái thần bí trên đây xanh tươi đến ngày tận thế.

Ông cụ phó Sần rầu rầu nghĩ đến một hôm nào đây, cũng không còn xa gì đâu, Chúa Ngàn Thiêng lại đưa cho người về một cái lá trúc nhọn đầu.

[Đã đăng tạp chí Tao đàn số 13 (16-10-1939) lấy tên: Trên đỉnh núi Tản.]

12

Khoa thi cuối cùng

Ở cuốn lịch niên hiệu Duy Tân năm thứ mười, bìa vàng nhòe nét son dấu kim ấn tòa Khâm Thiên Giám, thấy tiết thu phân và ngày lập thu qua đã lâu rồi.

Mùa mưa dầm tháng chín chỉ là những giọt than vãn triền miên của kỳ Ngâu còn kéo dài mãi đến bây giờ. Xứ đồng chiêm Sơn Nam hạ đã biến thành

một vùng nước rộng nhấp nhô những con đò đồng li ti. Sóng đồng hỗn loạn vỗ vào mép những con đường đất thó nhuyển và những bờ lũy tre già ướt át. Làng mạc vùng quê Nam Định nhoi lên khỏi làn nước trắng lạnh như những quần đảo xanh một màu hoang vu.

Nước mùa mưa hợp các xứ đồng chiêm lại thành một khối lớn và trên nước đồng mông quạnh, những con thuyền thúng đi về nhiều như tre rụng lá mùa thu. Đêm mưa gió, mặt nước bình rộng âm hưởng rất xa cái tiếng kêu đánh cướp nhóm lên từ những làng cù lao lẻ loi.

Bên bờ đường cái quan, hoa hòe nở vàng ối. Dậm hòe đất Sơn Nam hạ trở bông đã từ lâu. Hòe đã rầu cánh, vàng úa tối mãi xuống.

“Hòe hoa hoàng, cử tử mang”. Thấy dậm hòe ngả màu vàng, lòng những người có chữ bắt đầu bận bịu. Dưới mảnh trời sục sùi, hòe vàng nở đều, làm ấm lại lòng người sĩ tử tưởng đến sự hiển đạt về sau này. Màu vàng của sắc hoa nơi dậm hòe dài đã nhắc bao nhiêu học trò vùng Sơn Nam hạ nghĩ đến cái màu vàng một tấm giấy cáo trực phong tặng hoặc là phần hoàng mai sau cho hai đấng sinh thành.

Một hôm kinh truyện sùng ướt nước mưa, ôm khư khư mà ngồi trong lòng một chiếc đò đầy đang tìm lại bến cũ, ông Đầu Xứ Em nghĩ xem giờ xuống tỉnh, nên trọ nhà ai cho tiện trong suốt một kỳ thi. Cái nhà bà Phùng quen kia thì đã chật hết chỗ rồi.

Hoa hòe lả tả đánh rớt những cánh vàng nâu cuối cùng lên bả vai bao nhiêu học trò các vùng đổ về tỉnh Nam. Năm

nay Nhà nước lại mở khoa thi. Một khoa thi cuối cùng. Có những ông đồ già tóc râu đã ngả màu vì sự đùa nhả của công danh đánh lừa suốt mấy phen, chuyến này cũng cố chen ra hồ vớt lấy một chút phấn hương cuối châu của triều đình.

Trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ có ông Đâu Xứ Em dự, còn nhộn nhịp gấp mấy khoa Ất Mão trước.

Khoa Ất Mão trước, ông Đâu Xứ Anh bị loại ngay vòng đầu, bay kỳ kinh nghĩa. Khoa Mậu Ngọ này, ông Đâu Xứ Anh nhất định không đi nữa, mặc dầu đây là khoa cuối cùng, rồi đây bãi hẳn sự thi cử. Ở vào buổi giao thời, nếu người ta còn cái lòng công danh thì khoa thi Mậu Ngọ là một chuyến thuyền vượt biển cuối cùng. Từ Mậu Ngọ trở về sau, sẽ mở một thời khắc, chữ Hán chỉ còn là một thứ xa xỉ phẩm trong học vấn của một lớp

người. Từ sau khoa này, cái lều cái chõng chỉ là những vật cổ tích mỗi khi nhắc tới lại gợi lại một chút nhớ tiếc trong lòng một đám người còn sống thêm một ngày là càng chỉ thêm một ngày bờ ngõ với phong hội mới.

Ông Đâu Xứ Anh nhất định không nộp quyển khoa này, tuy bao nhiêu người, từ Quan Đốc tỉnh cho đến anh em đồng song, thầy đều gởi hy vọng vào ông. Thơ phú làm rất nhanh; sách nhớ có thể vạch ra từng chương từng tiết một. Tính người lại điềm đạm hồn hậu; ai nấy đều khen nhà ông có đất học. Khen rồi lại lấy làm lạ cho ông. Có một ông tam trường khoa trước lại ngờ hay là khoa này, tại Nhà nước bắt đám sĩ tử phải chụp ảnh dán vào quyển nộp mà ông Đâu Xứ Anh không đi chăng? Có một hôm, đang cùng mấy người dạo chơi ở phố Hàng Thao,

nhận được tin này, chính ông Đầu Xứ Anh đã kêu:

– Từ trước tới nay, có bao giờ như thế. Nhà nước Bảo hộ, đãi đám sĩ phu trong nước, thật không ra quái gì. Chụp hết ảnh ông Thám, ông Đề, chụp đến nhà pha, nay lại chụp nốt học trò.

Hôm người em là ông Đầu Xứ Em xuôi tỉnh để soạn sửa đi thi; ông Đầu Xứ Anh đưa ra khỏi cái dốc đầu làng và lúc ông Đầu Xứ Em đã ngồi gọn trong lòng đò đồng ông dặn:

Xuống tỉnh, nhà bà Phùng đã đông người ở trọ rồi, có phải ở chỗ khác, chú có ở đâu, cũng cứ tạt lại đây mà nhắn hộ cho tôi. Đến hôm các quan tiến trường, cứ hạ tuần tháng này, thế nào tôi cũng có mặt dưới tỉnh.

Người em đứng dậy, nói với lại, làm chiêng con đò đây.

– Cô Trinh, con gái út bà Phùng, hình như vẫn chưa lấy chồng phải không anh? Khoa Tý năm trước anh cũng trọ ở đây phải không?

Người em cũng muốn tiết nổi vui ra ngoài một cách quá đáng để trấn tĩnh cái rối reng trong bụng một người đi thi. Ông Đầu Xứ Anh nói lảng ra ngoài câu hỏi:

– Cứ quanh quẩn ở phố Cửa Trường ấy thôi nhé. Đi về nó tiện hơn. Ở đây dễ gặp anh em các nơi về thi.

Mấy đám hàng xáo người làng trên qua đây ghé đò xuôi chợ, không nhao nhao lên nữa như lúc mới nghiêng mạn đò vừa rồi. Họ ra vẻ nề nang, ngồi thu

hình lại, quơ lại một góc mấy lũ tay nải và bì cỏi, cốt để dọn cho cái người học trò xuống tỉnh đi thi kia một chỗ ngồi rộng rãi. Đẩy con đò, dính chắc vào đất sét lòng bến nông. Cô hàng gạo, buộc lại múi khăn mỏ quạ, nhìn cậu Khóa không mỗi mắt, mỗi lúc ngượng ngịu lại nhổ cốt trầu xuống đồng nước. Gió đồng hôm nay không thổi. Bãi quét trầu đỏ lạng im giữa làn nước nhợt nhạt, rồi chậm chạp tan hòa vào nước cánh đồng chiêm, mỗi khi nhìn rộng ra, chỉ rặt một màu bao la nhờ nhờ. Người lái đò mặc áo tơ kín phủ thân hình, chụp nón mê lấp cả mặt, đã rút đầu sào khỏi mặt nước. Con đò đẩy cửa quây, bốc nhẹ, rồi trườn mình ra xa. Trời bắt đầu nổi gió rét. Mưa thu lộp độp gõ xuống áo tơ nón lá của một chuyến đò đồng. Dưới gốc cây hòe già chỗ dốc đê làng, ông Đầu Xứ Anh vẫn đứng nhìn theo.

Tinh mơ ngày hai mươi năm tháng chín, tại khu trường thi Nam Định, các quan làm lễ tiến trường. Hai chiếc long vàng nghiêng phủ xuống lá cờ và tấm biển có chữ “phụng chỉ”, “khâm sai”, bốn cây long xanh ghé thấp tịt xuống một cái đầu bạc đại khoa. Mùi nghi vệ mới phảng phất ít hôm trước thì sớm nay đã nổi dậy trên khắp một khoảnh đất mà mọi khi chỉ có gió chạy trên hoa cỏ may hiu hắt từng cơn.

Ánh sáng ban ngày vắng đi mãi đến những đầu mà đến bây giờ vẫn chưa thấy trở về. Từ hôm có gió vàng pha mùi cơn bắc đến nay, chưa bao giờ thấy cái âm u tê lạnh đến nhường ấy. Gần giữa giờ thìn rồi mà tối và sáng chưa phân tách hẳn được ra. Người đứng bao quanh đàn cúng, vẫn chỉ thấy ánh sáng mấy chục ngọn nến bạch lập rọi vào đàn tế, trên

đàn phủ phục ba cỗ tam sinh cùng queo: một con trâu và một con dê đen thui kèm con lợn cạo trắng mỡ to cặp mắt chết.

Mặt đất sáng hơn nền trời. Cuộc tế tiến trường như đang lắng chờ một sự biến gì. Gió cũng không muốn thổi. Mấy ngọn sáp không lung lay, vệt khói xám nơi bình hương bốc lên thẳng thắn trên bàn tam sinh. Nền trời phương Đông đáng lẽ đã phải hừng lên rồi. Thế mà ở đây chỉ rớt một thứ mây đục đùn lên những hình quỷ Đông. Phía Tây, một cái cầu vồng cụt một chân, tô lên tạo vật những màu xanh đỏ đại đại và nghịch mắt. Trong cảnh âm dương không chia biệt rõ, quan Chánh Chủ khảo trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ, đang tế cáo giới, đất, vua, thần và thánh; xuyết xoa khai xong tên, tuổi, quê, quán, ngài khẩn to:

“...Báo oán giả, tiên nhập; báo ân giả, thứ nhập...”

Có lẽ đoạn khẩn này là khoản chú trọng nhất của lễ tam sinh và đã được quỷ thần chứng giám. Người lính tuần mặc áo nẹp đỏ vừa được lệnh đổ chén rượu cúng xuống tàn lửa đồng vàng đang hóa dở thì những đầu ngọn cỏ may im lìm nơi bãi trường thi đều rung lên một nhịp và rung theo một chiều. Người ta, hồi nãy sống một cơn mơ giữa khoảng ban ngày u uất, bây giờ trông thấy một cơn mơ đang tàn dần. Một thứ gió u hiển thổi thốc vào bãi trường, nghe ào ào như có tiếng các hồn oan hồn lành chen chúc và ùa vào choán chỗ. Những cây nến cháy vạt ngọn bỗng tắt phụt hết. Không gì xa vắng bằng cái động dậy trong điều hiu của muôn loài.

Trời đất trong sáng lại dần dần.

Hai anh em ông Đầu Xứ Ngọt – lấy tên tục của làng nguyên quán Cổ Nguyệt – lững thững ra về. Ông Đầu Xứ Anh bụng buồn lắm mà không dám nói ra.

Ba năm trước, cũng ngày tế tiến trường, năm Tý, cảnh trời đất cũng âm thầm giông giống như ngày này. Quan Chánh Chủ khảo khoa ấy, theo tục lệ quen của mỗi khoa thi, cũng cúng tam sinh khấn mời những oan hồn nên nhập vào trường trước hết để mà báo oan trả thù. Rồi ông Đầu Xứ vào trường, rồi oan hồn hiện lên, ngay ở kỳ đệ nhất. Một người đàn bà trẻ, xõa tóc, ẵm con, hiện ngay lên dưới lều, ngay chỗ đầu chõng, kêu khóc giữ rịt lấy tay không cho viết quyển nữa. Gào khóc chán, người đàn bà ấy lấy móng tóc xõa quất vào mặt ông cứ bồng rít lên. Lại cười sằng sặc, lấy ng-hiên mực hắt vào quyển của ông. Lần ấy

ông xin đổi quyển đến hai ba lần. Vẫn người đàn bà ấy quấy nhiễu không tha để quyển ông cứ tỳ ố mãi. Lúc gần chiều, ông nổi một cơn đau bụng hoắc loạn, phải bỏ dở kỳ thi, nhờ người dìu về nhà trọ. Thế là ông bay ngay kỳ kinh nghĩa. Một người đầu xứ hay chữ và được quan Đốc khen ngợi luôn mà hỏng ngay nhất trường thì có thảm thương không. Cũng may mà còn có người lấy được cái bản thảo nháp bài của ông đem về, ông còn giữ được đến giờ, nếu không thì nhục cho gia sáo biết là chừng nào. Ông cụ thân sinh ra ông, cụ Huấn là người nổi tiếng một vùng, đem xem lại bản nháp và đưa cho các bạn đọc, ai cũng lấy làm tiếc. Hơi văn đi mạnh như thế, có vào đến kỳ hội thi cũng cứ lọt. Mọi người đều chắc lưỡi tiếc rẻ. Cái người bạn cùng ngồi một vi với ông, sau khi đem trả ông cái bản nháp đó, đã tìm đến phòng trọ

đưa tạ ông ba chục quan tiền kẽm:

– Đại huynh lúc không may lâm bệnh rời bãi trường, phải bỏ lại trên cỏ bản nháp bài kinh nghĩa. Là một người tự biết là bất tài, tiểu đệ đã mạn phép hiến huynh điền vào quyển của đệ những lời gấm hoa đánh thép bị bỏ phí kia. Nay được vào kỳ đệ nhị, gọi là có món quà mọn gửi lại, xin đại huynh nhận cho.

Biết là có oan hồn hiện lên cổ phá không cho mình mở mặt với thiên hạ, ông Đâu Xứ Anh để tâm tra cứu lại chuyện nhà. Thì ra, lúc sinh thời, cụ Huấn để ra ông đã phạm vào một việc thất đức. Hồi còn mồ ma cụ Huấn, cụ đã mang lấy trách nhiệm tinh thần về cái chết của một người nàng hầu tài hoa nổi tiếng một thời. Người thiếp đó, lúc tự ải, có mang được sáu bảy tháng. Cái âm oán ấy còn theo đuổi ông mãi, nếu ông cứ

còn lều chiếu ở cửa trường thi. Đây là lời người thiếp đó lúc ộp vào con đồng khi phụ lên. Nàng xưng là cô và gọi ông Đâu Xứ Anh là nó, cười sặc sụa và giọng nói the thé.

– Nó còn đi thi, cô còn báo mãi. Các người hỏi cô muốn những gì ấy à! Cô muốn, cô muốn nó phạm húy, cho nó bị tội cả nhà kia. Nhưng nhà nó cũng có một ông mãnh thiêng lắm, cô không tàn hại nó được như lòng cô muốn. Nên nó chưa viết phạm đến tên các vua.

Con đồng lắc lư nói có thể. Có gắng hỏi thêm thì chỉ khóc hu hu rồi lại lăn ra mà cười như bị ma ếm. Ông Đâu Xứ thấy lạnh đến tủy xương sống. Và đâm ra lo nghĩ từ ấy.

Khoa thi này, ông đành nhẽ không ra nữa, để ông Đâu Xứ Em nộp quyển

thôi, thử xem hồn oan có còn đòi báo nữa không. Ông tin ở học lực người em ruột, sao cũng lấy về cho làng Ngoạt, có hèn ra cũng được cái Cử nhân. Khoa cuối cùng, thêm phần luận quốc ngữ và phép đo lường tính theo lối học mới, nhưng chú nó thông minh vốn thiên bẩm và gần đây tâm thư và toán pháp đọc cũng nhiều, cũng không lấy gì làm ngại lắm. Nhưng mà phúc phận con người ta, ở một người thi chữ Hán, biết sao mà định trước được.

Còn năm hôm nữa mới nhập trường. Mãi đến ngày sóc tháng mạnh đông mới gọi tên bốn năm ngàn người vào kỳ đệ nhất. Cơm nhà trọ, luôn mấy ngày nay, bữa nào cũng hết một bình rượu. Hai anh em ông Đầu Xứ, những lúc trời ngớt hột mưa, vào mấy ngày mong chờ, thường nhẩn nha ở phố Hàng Giấy, chọn một

thoi mực, thử lông một cây bút thỏ hay là soi một tờ giấy bản lên ánh sáng. Ông Đầu Xứ Anh cố quên chuyện cũ, hết sức vui vẻ trong khi đi lục lợi giấy bút cho em ở các cửa hàng sách phố Hàng Giấy. Những người văn nhân lượn lên lượn xuống nơi phố này nhiều đến nỗi không thể nào mà nhớ được mặt, ví có gặp lại ngay đó một lần thứ nhì.

Cái cửa hàng sách gọn ghẽ xinh xắn được nhiều thầy Khóa lui tới nhất là cửa hàng cô Phương. Đám học trò vào cửa hàng cô để mua hàng, và để nghỉ chân và giải trí cũng có. Cô Phương ở phố Hàng Giấy, ngày trước là một người đánh đá chua ngoa có tiếng. Có một lần, một câu học trò vào hàng cô chọn bút. Cô đưa bút Song Lan. Thanh Chi, Nhất Chi, rồi Kiều Lan, rồi đến Trúc Lan; người thư sinh mặt trắng rút tháp bút, cho bút vào

miệng, ấn tòi đầu bút vào lòng bàn tay xoè, để thử soi lông bút lên ánh sáng có đến mấy mươi lần rồi mà cứ lắc đầu hoài, chê xấu. Anh chàng nhất định hỏi cho được cái thứ bút Tảo Thiên Quân mới chịu lấy. Thấy thầy Khóa ăn mặc đồ vải xuềnh xoàng, cô Phương ra giọng bĩ thử:

– Có Tảo Thiên Quân lông trắng nhưng mà những hai quan một chiếc.

Tiếp cái nguýt dài của cô hàng sách cànng ngồi dãi thẻ thêm ra, người thư sinh mặt trắng chỉ tay lên tí trên đầu tú:

– Phải, Tảo Thiên Quân lông trắng; có còn thứ nào những năm sáu quan một quẻ, cô lấy cho tôi chọn.

Lúc nói câu này, thầy Khóa cố dẫn giọng vào chữ những, có ý bảo thăm cho nhà hàng biết rằng nên khinh người

vừa vừa chứ. Cô Phương bẽn lễn, nhưng cũng cố đứng dậy lấy thứ bút quý cất mãi trên cùng tốt lớp tủ, đưa cho thầy Khóa, chỉ đợi nếu anh chàng không mua nổi chiếc nào thì sẽ mắng một trận như tát nước vào mặt cho bõ ghét.

Lấy luôn một lúc bốn chiếc Tảo Thiên Quân, trả tiền xong xuôi, người thư sinh mặt trắng dúng một ngòi bút mới vào nghiên mực, vờ thử ngòi bút vào một mảnh giấy nơi mặt hàng. Những dòng chữ viết rất tốt kia, sự thật, chỉ là một bài thơ chữ nói mát mẻ cô hàng có tính chông lỏn. Từ đấy, cô Phương đâm ra gờm những thầy Khóa có tính ỡm ờ và trở nên rất ngoan ngoãn đối với bạn hàng, bất cứ là ai. Sau cô hỏi thêm, mới biết người thư sinh rất khó tính trong sự lựa bút và tác giả bài thơ bóng gió ấy là cậu Đầu Xứ Ngọt. Năm Mão, phong thanh người

thiếu niên tài hoa ấy thụ bệnh trong trường và bỏ dở khoa thi, cô Phương đã ra mặt ái ngại tiếc than với những người chung quanh. Trong tâm một cô hàng sách nhỏ phố Hàng Giấy, đang nhú lên cái mầm sơ đầu của yêu thương gần bó và đợi chờ.

Cho đến mãi năm Ngọ năm nay, ông Đầu Xứ Ngoạt mới trở lại cửa hàng cô Phương. Ông Đầu Xứ Em còn lần lữa ngoài mặt hàng, chưa bước vào nhà. Trên mấy tấm cửa lùa ngả xuống hai cái mề gõ nhô hẳn ra vỉ hè, một cuốn Chinh phụ ngâm diễn nôm đã ghì bước ông Đầu Xứ Em lại. Thấy có bóng khách vào hàng, cô Phương đặt cuốn truyện Lục Vân Tiên xuống, lấy móng tay đánh dấu vào cái đoạn nàng Kim Liên đang “đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê”, sắp cất tiếng chào khách, bỗng cô ngờ ngợ, tùm tùm muốn

bật như cười, cô nhìn không chớp mắt, đôi má lúm đồng tiền phơn phớt nhuộm đào – cái màu đào một ngày năm nọ.

Ông Đầu Xứ Anh hơi luống cuống, chưa biết hỏi món hàng gì thì may mắn quá, ông Đầu Xứ Em đã tiến theo vào phá hộ cái yên lặng:

– Này anh, lấy một cuốn Chinh phụ bản nôm, về nhà trọ, ta ngâm nga chơi cho nó hết mấy ngày đợi bảng nhập trường.

– Ờ thích được ngâm nga thì cứ lấy về. Có gì mà phải bàn.

Cô Phương hết nhìn người anh, lại nhìn sang người em. Cô đoán họ phải là anh em ruột thì mới giống nhau như tạc đến thế. Vả chẳng hồi gần đây, cô có nghe đồn ông Đầu Xứ Anh cũng có

một người em đỗ Đầu Xứ và tài hoa đã làm trội cả một vùng tỉnh Nam. Chắc là người mua truyện này đây. Chưa biết câu chuyện ông Đầu Xứ Anh không nộp quyền thi khoa này, cô Phương tự nói với mình: “Huynh đệ đồng khoa! Cái làng Cổ Nguyệt chuyển này tha hồ mà rước xách. Trong hai anh em, chả biết ai sẽ Tú tài, ai Cử nhân. Mọi năm hai trường Hà Nội và Nam Định hợp lại, lấy sáu mươi tư Cử nhân. Năm nay khoa tốt, Nhà nước đặc cách lấy những chín mươi Cử nhân và cũng như mấy lần thi trước, cứ một Cử nhân thì ba Tú tài. Lọt sao được tay hai cậu Đầu Xứ này”. Cô kéo cái ấm giở trong bọc trong ra, giở nắp ấm thăm cái nóng chiếc ấm sứ, rót hai chén, cô hạ thấp vôi ấm xuống để nước không nổi bọt.

– Mời hai thầy quá bộ vào trong này xơi nước. Nước trà nụ ướp sỏi vừa pha đây, nên mới dám mời hai ngài tân khoa.

Cô Phương đưa tay che miệng cười, tự cho câu chúc sớm sủa đó là có duyên lắm, hẳn là phải hay và anh em ông Đầu Xứ Cổ Nguyệt phải thưởng thức. Thấy họ cứ đứng trân trân ra đây, cô Phương thu dần nét mặt xởi lởi lại và ngồi ngẫm, càng nhận thấy cái vô duyên và vô lý của câu nói vừa rồi. Ai người ta đã thi cử được một kỳ nào, mà đã chúc với tưng. Cho đỡ ngượng, cô lại mời:

– Hai thầy xơi chén nước.

Ông Đầu Xứ Em chẳng biết cái gì cả, cầm chén, uống luôn, tưởng hễ cứ vào mua hàng người ta là mình có quyền xơi ngay nước mời. Khốn nạn, nào từ trước tới giờ anh mình có bao giờ nói cho nghe

cái đoạn tình duyên thâm kín đã mấy năm nay giữa anh với cô hàng sách đầu mà biết. Ông Đầu Xứ Em thấy anh còn tròng trĩnh chưa chịu ngồi xuống cầm lấy một chén nước mà đầu lưỡi rất tinh của ông phải nhận là thơm ngon, ông càng chèo kéo ồn mãi lên.

Cô Phương, cũng phải phì cười và làm cho ông Đầu Xứ Anh cười luôn thể. Con người nào đã biết e dè với cuộc sống, những lúc cảnh ngộ tinh thần sớm không cho mình phỉ sức hưởng thụ khi ở vào một cái tuổi ăn và ngủ đáng lẽ phải nhiều mỗi lần được vui cười trên mặt, thì cái cười ấy thật là thỏa đáng, thật là đầy đủ và lại xinh đẹp là khác nữa. Nhân một cái vui tươi thể chỗ nét mặt trang nghiêm luôn luôn của ông Đầu Xứ Anh, cô Phương nói một câu mà sự thân mật riêng tây đã không cần thâm kín nữa:

– Khoa Ngộ này là khoa cuối cùng, ông Đầu Xứ nên giữ mình làm trọng, chớ có đau bụng như kỳ năm Mão mà để thiệt thòi nhiều cho vùng Sơn Nam hạ lắm đấy, ông ạ.

Đến chữ “ông ạ” ở cuối một câu nói, giọng rất thành thật và cảm động, cô hàng sách cố làm ra giọng bông lơn cho nó nhẹ bớt sự tha thiết của một câu nói đã lỡ nhời, đã thốt ra từ đáy một tấm lòng để đi sâu vào một tấm lòng khác bấy nay cũng vẫn chờ lúc được đãi đằng. Sự rất hữu tình mà cô làm ra vô tình bằng một cái giọng cố gò lấy, làm sao cho tránh khỏi sự nhận xét thông minh của ông Đầu Xứ Anh được. Ông biết lắm. Ông hiểu cô Phương để ý đến ông lắm. Không cần các bạn nói cho hay, không cần gặp gỡ, không cần âm tín tiêu hao, ba năm nay rồi, linh tính báo cho ông biết thế.

Nhưng từ ngày vấp ngay khoa thi đầu tiên, ở một kỳ đệ nhất, ông buồn uất vô hạn khi nhận thấy mình ra có còn lều chõng nữa cũng là chỉ để làm sống dậy, trong vòng oan trái, một cái oán cừu xưa cũ của ông cha di lại. Một cái oan hồn đã hiện lên, đã ộp đồng vào miệng người sống mà thốt ra toàn những lời hằn học, cái oan hồn ấy hằn không chịu buông tha ông nữa rồi. Hóa cho nên, rớt khoa Ất Mão ngay kỳ kinh nghĩa, ông nhận luôn cho nó là khoa cuối cùng, chẳng cần phải đợi đến khoa Mậu Ngọ cuối cùng này. Ngay dạo ấy, ông đã tuyên bố rất to rằng ông là thí sinh của một khoa thi thôi. Cô hàng sách không rõ, vẫn tưởng ông còn có bụng với sự lều chõng.

Ngắm kỹ cô Phương, ông thấy cái đẹp của cô già dặn hơn ngày năm trước. Còn muốn nói thêm vài ý nghĩ vui tươi

nữa vào việc đánh giá cái đẹp, nhưng ông Đầu Xứ Anh bỗng ngừng lại. Bởi vì – quái, sao mãi đến giờ, ông mới nhớ nhận ra – khuôn mặt cô Phương đã hao hao tợ như diện mạo người đàn bà ẵm con xõa tóc ngồi rú than khóc nơi đầu chiếc chõng tre trong trường thi khoa nọ. Tự nhiên ông thấy cô Phương không hiền hậu nữa. Ông nghĩ đến những cái ghê sợ mà một cái sắc đẹp có thể giấu dưới nụ cười. Ông nghĩ đến những truyện ma quái lúc thay hình biến thể khi muốn hăm hại học trò. Ông nhớ lại cái cười gằn của oan hồn khi hiện thành người, quất đuôi tóc trần vào mặt ông cho ông hôn mê đi và cầm nghiên mực đổ chan hòa xuống quyển thi. Cái oan hồn ấy đã lên tiếng nói, thể quyết làm cho người sống phải lụn bại mới nghe. Biết đến lúc nào cái người nàng hầu cụ Huấn mới nguôi giận và cái âm oán kia hết theo ông? Chuyện

cũ của cha, hồi sinh thời đi lại với người ta thật ông cũng chưa rõ hẳn đầu đuôi như thế nào.

– Vàng, nhà có thứ mực Kiều Kỳ đấy Ạ – Cô Phương nhanh nhẩu trả lời ông Đầu Xứ Em.

Choàng tỉnh cơn suy nghĩ, ông đã vội bắt lấy việc mua mực, khuyên em không nên lấy mực Kiều Kỳ:

– Đi thi không ai dùng mực Kiều Kỳ. Mực của xã Kiều Kỳ chế rất tốt, chỉ hiềm mỗi khi viết xuống giấy, nó cắn xuống giấy chắc quá khó tẩy đi lắm. Cô lấy cho mấy thỏi Hoàng tam xương – vàng, nếu hết thứ chữ vàng rồi, cô có thứ chữ bạc cũng được. Cái thứ mực hiệu Diệu tự, “nhà ta” bán có được chạy lắm không hả cô?

Chà, người ăn nói sao mà xuôi tai, dễ nghe đến thế. Cô Phương nhìn ông Đầu Xứ Anh, nhắm trong óc mấy chữ “nhà ta”, tưởng đến cái lạc thú ngây thơ của một đôi vợ chồng son kia trong lúc đầu gối tay ấp ngửa mặt lên trần giời cao mà bảo nhau rằng trước khi làm bạn với nhau, mỗi người có một ông giảng, và nay thì mảnh giảng của cả thiên hạ kia cũng chỉ là văng giảng của riêng của “nhà ta”, cô vui lòng quá, suýt quên cả việc soạn thoi mực cho khách.

– Luôn thể cô cho tôi ít chục tờ giấy lịch nữa.

– Mấy chục tờ Ạ?

– Cô đợi cho tôi tính xem dùng hết độ ngân nào thì không là thừa phí.

Làm ra bộ thông thạo thì ít, mà muốn tỏ sự thân mật thì nhiều – bao giờ được nên thân tình nữa nhỉ! – cô Phương co tay tính nhẩm những cái gì gì, rồi cô ngắc đầu, vuốt mái tóc, nói với ông Đầu Xứ Em, giọng nhẹ nhót mà tự nhiên:

– Nộp ba quyển: kỳ đệ nhất, kinh nghĩa một quyển bảy tờ, kỳ đệ nhị, thơ phú, một quyển sáu tờ và kỳ đệ tam, văn sách một quyển mười hai tờ nữa, có dày lắm cũng chỉ đến mười bốn tờ là cùng, ông định mua trữ giấy mang vào trường để phòng những lúc phải cánh quyển hoặc đổi những trang hư hỏng, chỉ nên trữ lấy từng kỳ một.

Ông Đầu Xứ Anh, vừa soi giấy lịch, vừa hỏi:

– Tại sao thế hở cô?

– Thưa, tại... tại là giấy chuyển này, thú thật với hai ông rằng không được mịn mặt lắm. Chuyển sau, có thuyền hàng phường neo về, thế nào cũng có giấy tốt hơn nhiều. Có lẽ kịp kỳ đệ nhị của các ông đấy. Để tôi xem nào.

Cô hàng sách, bán giấy bút cho học trò trường Nam đã mười năm có lẽ, đã không phụ cái tiếng là một người thông thuộc những phong tục nơi trường ốc. Cô Phương lại co tay tính nhẩm một hồi.

– Được rồi. Mừng một tháng mười là ngày vào kỳ đệ nhất. Có chóng lắm thì cũng phải hết cử thượng tuần tháng mười mới có bảng vào kỳ đệ nhị. Phường giấy của tôi thế nào cũng có thuyền về bên trên mom sông trước ngày mừng mười. Đúng hôm tết trùng thập cúng cơm mới, các ông lại đây mua mở hàng cho kiện giấy lịch Bưởi. Giờ các ông lấy

tạm ít chục tờ dùng đỡ trong kỳ đệ nhất vậy.

Cô đếm giấy, thối những tờ giấy chập đôi, nâng tờ giấy lên với cái nâng niu nhẹ nhàng của một người chị cả sẵn sóc em thơ lúc mẹ già đi chợ xa. Chỉ có những người đàn bà đẹp và phúc hậu thì mới thối được giấy như thế thôi. Cô đếm thành hai xấp, mỗi xấp đầu hai chục tờ, đùn một xấp vào phía ông Đầu Xứ Em, còn cái xấp thứ nhì là lấy sau ở trong ruột đẹp khác, cô trao tận tay ông Đầu Xứ Anh, cặp mắt tình tứ linh động như muốn nhắc thăm ông rằng cái xấp sau đây tốt hơn xấp trước, và sự đối xử chênh lệch này trong lúc soạn giấy không phải là do ngẫu nhiên. Ra chiều tin chắc vào cái tài và cái may của hai anh em ông Đầu Xứ thi khoa này, cô hàng sách vẫn lấy cái cười duyên dọn đường cho một câu nói

mà ở một cái miệng khác thì không khỏi thành ra thiếu lễ phép:

– Cánh quyển mà dùng bấy nhiêu giấy là nhiều quá lắm rồi. Phải thay quyển, đổi quyển đến quá ngữ giấy này, thì chỉ còn có ngồi mà lắng ba hồi chín tiếng trống ngoại hạn...

Lúc ra về, ông Đầu Xứ Anh, trong một phút sầu hận, đã muốn trả lại cô Phương tập giấy, để thăm bảo cô hay rằng cô đã làm một việc thừa, riêng đối với ông Khoa Ngọ này, ông có đi thi đâu.

... Mấy bữa nay mưa to gió nặng. Nước trên trút xuống, nước ở dưới dâng lên, người thiêu và cảnh ướt át sống trong một bầu không khí nồm ê ẩm và lo lắng. Trăm nhà vùng Sơn Nam hạ lại mới nhận được thêm cái tin đê vỡ đường trên vùng Kinh Bắc.

Nằm nghe mưa rơi trên quán trọ xóm Cửa Trường, một đêm nguyệt tận năm Ngọ, ông Đầu Xứ Anh, những hết lo xa rồi lại nghĩ gần. “Mình không đi. Chú nó đi khoa này, hay dở sao đây...”. Trong một lúc mơ hoảng, ông lại trông thấy bóng người đàn bà mặc đồ trắng, xoa tóc, kiễng gót, thu một đứa trẻ con vào tà áo sổ gấu, đi tuột vào phía nhà ngang. Ông ú ớ như người bị ma mộc đè, cố gắng mà không quấy mình dậy được. Cái người đàn bà mặc đồ trắng, chân không sát đất, lại lén trở ra, và, khi lướt qua mặt ông, cười gần mà không nghe thấy tiếng, tà áo quất vào má ông, nhức nhối và buốt lạnh như chưa bao giờ cảm thấy.

– Anh nói mê những gì thế?

Ông Đầu Xứ Em lắc mãi, ông mới hoàn hồn, nhìn em một lúc lâu rồi hỏi:

– Chú đã soạn sửa lều chõng đủ cả rồi?

Trống đêm cuối thu và đông non điểm bốn tiếng giục. Uống hết một nai rượu để chống lạnh và trừ gió mà nhà trọ đã dọn sẵn từ khuya, ông Đầu Xứ Anh bỏ thêm một đỉnh vàng lá vào tráp của em.

Khi nào thấy “khang khác” trong trường thi, chú đốt vàng cho nhiều vào. Thôi ta đi đi. Anh đưa chú vào đến cửa trường. Đưa tôi cái bộ gọng lều và chõng. Chú đeo lấy ống quyển và tráp. Đi đôi tất vào cho nó ấm.

Đêm mưa dầm vẫn tối như bưng lầy mắt. Hai cái tài hoa anh em kia, cộng lại không được bốn mươi năm tuổi đầu, bì bõm dắt nhau đi về phía cửa trường thi. Có tấm mưa gió và đi đêm như thế

này, người ta mới thấy bước công danh là một con đường chật vật, nên xét lại xem có nên tiếp tục đi nốt không! Giá cô Phương Hàng Giấy có đứng đây mà nhìn này! Ông Đầu Xứ Anh cắn vào môi mà bước. Trong tối tăm, tiếng hơi thở người anh dẫn lối cho người em lặng thinh từng bước một.

Bãi trường thi thấp hơn mặt nền tỉnh. Nước mưa lụt dồn về, cỏ may chôn ngập lút cả ngọn. Đứng xa trông những cây đình liệu rọi trên bãi cỏ xâm xấp nước, người không có chữ tưởng đâu như dân cả một làng chài nào đang đốt đuốc làm nghề trên bãi nước. Càng tiến gần lại trường, người ta có những cảm tưởng rùng rợn như khi chịu bó tay đứng nhìn một đám cướp lớn bật lửa hồng phá nhà lấy của trên xóm trên, trong những ngày lụt lội ở xứ bị thủy tai, quân cướp toàn

đi bằng thuyền. Cái tiếng mắt nửa nổ to ở cây đình liệu cháy sáng, có khác gì cái tiếng quân hồi vô lệnh đốt ống lệnh bật hồng của phường đạo tặc.

... Ông Đề Diệu đã leo lên ghế chéo. Một người lính thể sát bắc ống loa, lia ống loa qua lại. Giọng loa hô:

“Bán oán giả tiên nhập; Báo ân giả thứ nhập;

Sĩ tử thứ thứ nhâ...ập”

(“Những hồn báo oán vào trước; Những hồn báo ân vào sau; Các thầy Khóa vào sau rốt”.)

Tiếng loa đồng xoáy sâu vào màn mưa lạnh. Trời còn tối đất. Ông Đầu Xứ Anh nghe tiếng hô, mặt nhợt nhạt, luôn luôn nhìn trộm em. Người em bây giờ chỉ là một thân cột cứng đờ mà sự thi cử đã

mắc vào đây biết đến bao nhiêu thứ mùi dây lòng thông: dây lều, dây chông, dây buộc bộ gọng, ống quyển, v.v... Cùng với ngàn ngàn người khác, hai anh em đứng nghênh mãi cổ lên, kiểng mãi người lên như muốn nhìn rõ mặt người lại phòng xước danh. Đã lâu chôn chân xuống bãi sũng nước, lòng dạ người người đều bàng hoàng. Bỗng ông Đầu Xứ Anh dun mạnh người em:

– Kìa... làng Cổ Nguyệt! Tên chú! Vào đi.

Trời sáng tỏ đã từ lâu. Cái hàng rào sĩ tử có đủ các hạng tuổi từ một cái đầu xanh mặt trắng cho đến một chòm tóc bạc, một lớp da môi, đã bị xé thủng. Ông Đầu Xứ Em lách mình qua rồi, nhưng lều chông còn vương mắc lại sau lưng, gỡ mãi mới ra. Nhốn nháo một lúc lâu, cái bề người, đã lấp được chỗ trống của một

con sóng người tràn đi, lại bằng phẳng như cũ để chờ đợi một cái đổi đời khác. Ông Đầu Xứ Anh ra về, chỉ hận rằng, lúc tới tấp, quên không dặn lại em nên đốt một lúc cho hết đình vàng lá trong tráp nếu ở trong trường có thấy “cái gì khang khác”. Dọc đường, ông gặp một toán lính khố xanh đội nón đĩa, nai nịt súng ống gọn ghẽ. Người ta bảo đấy là bọn lính Nhà nước phải thêm vào trường giữ trật tự.

... Ông Đầu Xứ Em dựng lều, dọn chỗ ngồi thi giữa sự giằng dỗi của trời đất. Mưa to gió lớn trên một trường thi. Cứ thế mãi mãi, cho đến qua giờ Ngọ, cho đến quá giờ Mùi. Vậy mà xưa nay người ta vẫn bảo mưa không qua Ngọ gió không qua Mùi. Sĩ tử khắp bốn vi giáp ất tả hũu, co ro trong lều đột, thật đã coi tính mạng mình không quý bằng một quyển

thi chỉ luôn luôn muốn những chuyện tì ố. Chốc chốc cái loa đồng ngoài cửa trường lại kêu inh ỏi gọi các tư gia ai có thùng gỗ hay thùng sắt tây thì cho đem vào trường bán cho học trò kê quyển viết và độn thêm lên chõng ngồi.



Cái bản nháp bài viết xong lâu rồi mà quái lạ, hễ cứ động ngòi bút lên mặt

quyển là ông Đầu Xứ Em lại thấy đau bụng, đau quặn quại tựa chứng hoắc loạn cứ như dùi vào từng miếng tì vị. Ông cựa quậy nhiều lắm, vừa ôm bụng, vừa giữ ống quyển. Cái chõng tre đặt trên bãi cỏ ngấp, lún xuống lần lần. Giữa hai cơn đau bụng, những lúc trời ngớt mưa, từ khu nhà thập đạo, vẳng về lều ông những tiếng sĩ tử kêu nài: “Lạy các quan, còn chỉ có một khoa thi này, xin các quan thương cho anh em được đổi quyển. Trời mưa ướt lắm, anh em có muốn như thế làm gì...”

Thấy ở một vài lều chung quanh có khói lửa và tàn vàng bay ra, ông Đầu Xứ Em sức nhớ đến đỉnh vàng cất trong tráp, bèn lấy ra gỗ từng tờ một, xếp ngay ở đầu mép chõng, một tay chặn cơn đau nơi bụng dưới, một tay châm mỗi lửa bùi nhùi. Gió thổi vào đồng lửa vàng hóa

bùng bùng, lửa kêu vù vù. Trong tiếng ngọn lửa reo, lại như có tiếng người nói cười lạnh lạnh. Khói bốc lên, khói trút tủa xuống soai soải, như những vệt nước thời gian trượt từ đầu ngọn tường xuống vách gạch những đền chùa xưa cũ có mốc vẽ hình có rêu phong dấu. Những vòn khói nhẹ đổ xuống nhanh, đổi màu rất nhanh chóng. Trước mắt ông Đầu Xứ Em mê mệt và hoảng hốt, những vòn khói – thoảng mùi gậy gậy, khen khét, và tanh lợm – bỗng sầm hẳn lại thành một mớ tóc xõa u hiển đóng khung lấy một khuôn mặt người. Lửa vàng gần lụn, vệt bùng lên. Trời đất tối sầm xuống. Ông Đầu Xứ Em thấy bãi trường thi hình như nó rộng lớn hơn cả cái kiếp người. Trường thi âm u và không quạnh. Gió thổi bay quyển thi xuống làn cỏ dầm nước. Ông Đầu Xứ Em gắng nhoài người ra, muốn

vớ lấy quyển bị gió vừa thổi bốc khỏi mặt tráp.

Ông hệt tay, chỉ đủ giữ mình khỏi ngã. Cơn đau bụng nổi lên dữ dội. Ông gục xuống tráp, thiếp dần. Ông Đầu Xứ Em tỉnh giấc, thấy trong người nhẹ hẫng, tưởng chừng như cơn đau dữ dội ban nãy chỉ là một cơn ác mộng. Ông bờ ngõ, mất hết cả ý thức về thời gian và không gian. Ông ngơ ngác trước hoàng hôn như một người còn ngái ngủ ngày. Từ một chòi cao, người ta đã điểm mau hồi trống ngoại hạn.

Ông Đầu Xứ Anh đã đón ở cửa trường. Bỏ lại cả lều và chõng, cầm chỉ vền vền có một bản nháp, ông Đầu Xứ Em đã rời bước trong một giấc thần thờ. Hai anh em gặp nhau không nói một câu nào suốt từ cửa trường về đến nhà trọ.

Tại nhà trọ bà Phùng, ở mâm cơm tay đôi ấy, có một người hồng thi khoa thi chữ Hán cuối cùng đã uống cạn ba bình rượu cúc, vào một đêm dài nhất trong một đời người.

[Vốn có tên là Báo oán đăng trên tạp chí Tao đàn số 12 (16-9-1939).]

Hà Nội, tháng Giêng – tháng Mười
1939

13

Xác ngọc lam

Ở làng Hồ Khẩu có nhà họ Chu làm giấy nổi tiếng đã đến mấy mươi đời liền. Ông tổ bốn đời của nhà họ Chu, đầu suýt nữa có lần ra làm quan. Thời ấy, nhà vua xuống chiếu cho quan địa phương phải làm sổ đệ dâng về những môn bách nghệ trong nước và tên họ những người có tài thủ công trong các môn ấy. Về các phường làm giấy bán

giấy, một hạt Hà Đông, nhà họ Chu được đứng đầu vào sổ kê khai bách nghệ. Ý chừng quan địa phương đã cho giấy là có mật thiết với văn chương khoa bảng của một nước sùng thượng kẻ sĩ nên đã liệt họ Chu lên đầu sổ. Chẳng rõ như thế có phải không, nhưng cứ cái chất giấy dó của nhà họ Chu đem ra xét thì đến giấy trúc của Tàu cũng xê ra lui chứ đừng nói là giấy dó của bất cứ lò nào xứ ta nữa.

Nhà họ Chu vốn không làm giấy moi bao giờ. Chỉ toàn làm giấy lụa và giấy lệnh hội để viết bằng viết sắc. Và vào khoảng đầu năm Tí Mão Ngọ Dậu có khoa thi, thì nhà ấy mới làm đến thứ giấy để học trò đóng quyển gọi là giấy thi. Giấy của họ Chu chế ra, bao giờ soi lên cũng có hai chữ Chu Hồ in lồi thủy ấn. Hai chữ thương tiêu viết theo lối triện cổ trước đời Tần nhắc cho người dùng giấy

biết rằng đây là giấy của họ Chu làng Hồ Khẩu. Trông đến tờ giấy dó của nhà này là ai cũng biết ngay, chẳng cần phải soi lên mà tìm dấu thương tiêu thủy ấn nữa.

Cái đám đàn bà con gái buôn tạp hóa họ đã dỡ nhau là xếp ra trước mặt rất nhiều loại giấy của rất nhiều nhà làm giấy bán ra, rồi người bị đổ sẽ nhắm mắt lại, chỉ được lấy tay sờ mà phải gọi được tên giấy của lò nhà nào ra. Chẳng bao giờ các bác các cô ấy gọi sai các loại giấy của nhà họ Chu cả. Thì ra gồng gánh ăn phở ăn hàng mãi khắp chợ thôn quê, họ đã hiểu hết những đức tính của giấy nhà họ Chu. Nó nhẵn mặt mà không cứng mình mà chất lại dai và lắm tờ khổng lồ mình dầy thế mà bắc đồng cân lên thì nặng chỉ như cái lông ngỗng. Mặt giấy xốp, nghiêng giấy ra ánh sáng mà nhìn chất cát đó thì nó như làn da má

trình nữ phảng đợm chất tuyết của lớp lông măng. Vuốt vào mặt giấy, người ta có cái cảm tưởng được sống là một điều dễ chịu; mùa nực, sờ vào giấy thấy mát cả lòng bàn tay và về tiết đông áp tay vào giấy nhà Chu, thấy nó ấm ấm như có sinh khí. Đưa lên mũi, tờ giấy đợm hơi thơm của một thứ mùi thảo mộc còn tươi sống, thật là một vật quý trên thế gian. Tờ giấy dó từ nhà Chu họ đưa ra thị trường, ai nhìn thấy cũng lấy làm sung sướng. Nó đẹp đến nỗi mọi người đều yên trí rằng dầu đứa thất phu có cầm bút vẽ bậy vào đấy thì những nét lếu láo ấy vẫn cứ thành được hình chữ.

Nhưng hồi ấy người ta còn trọng nho phong và chúng nhân đều là người trí sĩ cả, nên tờ giấy nhà họ Chu còn được may hơn là phận những vách đá giờ mình ra cho người dốt thích thơ vào. Người có

chữ nhưng mà văn xoàng và chữ xấu thì đều không nhận tâm đề giấy họ Chu ra mà viết. Người dốt thì biết kiêng sợ và chỉ trông thấy giấy có thủy ấn Chu Hồ là đã chạy xa rồi. Thành ra, kẻ sĩ ở vào cái thời ấy thấy ai dùng đến giấy Chu Hồ là họ tìm đến; vì chẳng được văn đại khoa thì âu chữ cũng phải có nét bút thiếp – Mà sự dùng giấy dó nhà họ Chu Hồ đã thành một lối biểu dương riêng của một phái quý tộc trong làng văn mặc.

Cái lần ấy được triệu vô kinh và được hầu lạy quan thượng thư bộ Lễ để tỏ bày những đức tính của giấy dó lò nhà, ông cụ họ Chu đã làm cho bậc lão thần và tất cả thuộc nha một bộ phải kinh ngạc và trầm trồ. Ông cụ đã bày các thứ giấy các loại án thư và bắt những con gián con nhậy con dài đuôi thả vào đám giấy ấy. Thì lạ quá, cả một lũ côn trùng kẻ thù

truyền kiếp của sách và giấy đều chạy lảng xa rất nhanh khỏi chồng giấy và lẫn trốn đi đâu hết cả. Bộ Lễ bèn làm giấy dâng lên chỗ chín bệ và nhà vua bèn xuống chỉ cho ông cụ già họ Chu sung vào một chân trong Cần Tín Viện để ở luôn nơi Thành Vàng sớm tối chế giấy cung cho cả một hoàng tộc và cả một triều đình.

Bộ Công đã có chỉ phải xây hai lò giấy dó bên sông Hương và ông già họ Chu sẽ là vị quan trọng dụng lần thứ nhất để coi mấy lò giấy mới mở đó. Nhưng ông già họ Chu lấy làm sợ hãi mà tâu lên rằng hiện trong mình đang mang cái tang mẹ và xin được lộn về bắc, cứ ở nơi Tây Hồ nguyên quán mà chế giấy Ngự Chỉ và thường niên đệ vào kinh do quan địa phương săn sóc việc đưa đi theo những kì hạn nhất định. Triều đình thấy

việc ông già họ Chu cũng thuộc về một trường hợp đình gián nên cũng ứng và không nghị tội.

Vậy từ ấy, giấy Chu Hồ tiếng lại càng bay rộng ra. Thường niên gặp kỳ vạn thọ hoặc khánh đản triều đình vẫn nhớ đến công người làm giấy, ban cho nhà Chu hết Tưởng lục này đến Tưởng lục nọ và ân tứ cho vô khối là vàng lụa. Đời một người thôn dã lái buôn mà được đặc sủng đến dường ấy, thực cũng là một sự đáng ghi lại nơi ngoại sử của một thời trong một nước chỉ biết quý yêu có kẻ sĩ. Và cổng lò giấy nhà họ Chu làng Hồ còn nhiều ngày lại vui nhộn quá cửa hầu quyền. Lót xe vệt móng trước nhà người thường nhân, hân hỷ lắm mới chịu ăn rêu đậu có. Những bậc cao sang tài huấn của một thành đô vẫn thường lấy chỗ

ông già Chu là một nơi hẹn hò với hạnh phúc.

Được cái nhà họ Chu có cái đức làm người bình dị rất vững, nên vẫn cố giữ mực thường, không vì thế mà thành kiêu lộng và lại càng vui với cần lao và nghề nhà ngày một càng tinh xảo. Vào nhà ấy người ta không thấy có gì là lộ ra cái lối phú quý chơi trèo. Giá vào kẻ khác thì ít ra ở đây cũng đã điểm những vệt vàng lớp son - mà và cũng chính đáng lắm chứ sao. Nhưng không. Ở đây vẫn chỉ có cái tàu dó gỗ xù xì, tảng đá ép ấy vẫn nhẵn lạng và hòn đá nghề giấy rất khiêm tốn nằm trên giữa nền đất trệt. Từ đời ấy đến đời khác vẫn chỉ có bấy nhiêu. Rất cổ điển, cổ kính và đơn bạc. Cái gì mà cả dòng nhà ấy biết quý yêu thì vẫn lại là cái tờ giấy do mình chế ra cho người có chữ dùng.

Cho đến bây giờ.

Cái tảng đá xanh màu núi mùa thu và vuông mỗi chiều hai thước ta, dùng để nghề giấy cho nhẵn mặt, vẫn chỉ là một vật rất thành thuộc ở với nhà họ Chu đã đến sáu bảy đời. Nó câm lặng mà phụng sự như không biết có mình nữa. Và người ta quý nể nó như là nường nhẹ một người lão bộc.

Ít khi người nhà họ Chu nỗ nặng tay gieo đầu chày xuống miếng đá của tổ phụ lưu lại, những khi nghề mặt đó giấy. Mà người ngoài cùng làm nghề này thì cũng chỉ thấy viên đá là một viên đá, đánh cho nó cái giá của một viên đá thôi. Cả đến nhà họ Chu cũng nghĩ vậy.

Nhưng... hòn đá ấy vốn có một đời sống thuộc về tâm hồn. Kể cũng hơi lạ...

Rừng Hoành Bồ có một nường dó. Rộng sâu lắm. Cũng gần thành một cánh rừng riêng. Gió thung lũng thổi vạt vào nường dó, mỗi đợt muốn đi gấp qua hết lòng nường thì cũng phải tàn mất nửa điệu thuốc quẩn. Trong cái lỗ cùng tịt của rừng dó, có một cây dó không rõ mọc từ đời nào mà cao vút, cành lá vênh vào át cả những cây Thiên niên tụng gần đó. Loài dó vốn là một loại cây trung bình, thường chỉ cao hơn đầu người, mấy khi đã có được chút bóng dài. Vậy mà cây dó cổ thụ này mình to như mình lim, mỗi lúc mặt trời chỉ lệch quá ngọ một phần nén nhang là bóng nó đã rợp cả một khoảng lòng suốt xa kia để làm vui cho một đàn cá hương ngư.

Người trung châu mình vốn hay kh-iếp lánh những cái gì to quá, không dám nhận những cái cao to là hẳn vật riêng

của thế giới mình bèn gọi cây đại thụ đó là Gốc Dó Thần, phải nhắc đến thì chỉ dám nói thầm và lần gặp mùa bóc dó, họ đều lảng xa khỏi gốc dó thần. Góc nương dó có gốc cây thần, chả mấy mà đã thành hoang vu và trở nên bí mật như một rừng cấm, gió ngàn có lách qua được kể cũng còn mệt. Chỉ có bọn thổ dân sơn cước muốn mở một lối đi tắt là còn dám lần vào đó chứ đến bọn người Kinh đi bóc dó thuê là đều lùi cả.

Nhiều buổi rừng dó lặng gió quang mây, từ góc rừng cấm nổi lên những tiếng hát, giọng không ra bắc không ra nam mà hơi hát thì toàn bắt chành đi cả; lúc xa lúc gần, cái thứ tiếng nói không ai hiểu là tiếng gì đó đi khắp cả nương dó. Tiếng nói, đôi khi lại có chen vào ít tiếng trúc. Bọn người Kinh đi lên rừng Hoàn Bồ bóc dó, nghe thấy tiếng hát giữa nơi

mênh mông điều hiu, giá đừng có những cái lỗi khiếp đảm tâm thường, thấy bất cứ cái gì không quen thuộc như là cơm áo và tiền là y như đã sợ - thì vào những ngày gió tạnh mây quang nơi nương dó ấy, là họ đã có dịp gần nghệ thuật và tai nghe được cái tiếng thuần túy của nghệ thuật rồi đấy. Họ nghe tiếng hát lần lần vắng lên thì cái lòng kinh hãi nơi lòng họ cũng tăng lên dần dần. Thậm chí có người ngất đi và cấm khẩu, phải đốt đến hàng đồng là khô mới tỉnh lại. Mới hay tiếng hát u hiễn và tiếng trúc tuyệt vời có khi lại cũng làm tội đến cả những kẻ đi làm thuê ăn công nhật. Rồi có bao nhiêu người Kinh đi bóc dó thuê kia đều lấm lét bỏ cả việc, quây quần lại sát thít vào nhau bên đồng lửa cho đỡ sợ. Tiếng hát tắt đã lâu lắm bọn họ mới lại dám lò dò ra làm nốt buổi. Nhưng người thổ dân

cùng đi bóc dó chung với họ, lấy thế làm cười và bảo họ:

– Không việc gì mà thất đảm đến như thế. Cô Dó hát đấy. Cô Dó không có làm hại ai bao giờ.

– Các bác bảo cô Dó hát? Ai là cô Dó?

Đám thổ dân sơn cước vui vẻ chỉ đúngn cái cây Gốc Dó Thần ở phía xa:

– Cô Dó ấy đấy. Cô ở cái cây đấy. Cô là hồn sống của cái cây ấy. Chúng tôi vẫn thấy luôn. Hôm nào đi làm về, gặp cô thì y như về đến nhà, ở mãi trên kia – bọn tôi cũng đều vui và quên mệt. Cô lúc nào cũng mặc một cái áo màu chàm.

Họ còn nói bọn thợ Kinh nghe rằng cứ năm nào cô Dó hát trong nương thì giấy dưới vùng xuôi làm ra rất nhiều.

“Chắc dưới vùng xuôi lại có khoa thi khoa thiếc gì, nên năm nay cô Dó lại hát”. Bọn thợ Kinh tính ra thì năm họ đang bóc dó vụ chiêm đây là một năm Mão. Và nghe thấy đám người núi nói chuyện giọng thành thực, nên bọn Kinh cũng đỡ sợ và từ đấy một vài người lại còn sinh ra tò mò nữa. Họ rình cô Dó ra hát – Bọn thổ dân nói đúng đấy. Cô Dó mặc áo xanh màu lam và cứ đi đến gốc Dó Thần thì vụt mất. Nhiều lần thấy thái độ bọn thợ Kinh là suồng sã lộ liễu quá, cô Dó giận dữ mất hàng mấy hôm. Bấy giờ thấy nương vắng tiếng cô Dó, bọn thợ Kinh phần đông mới thấy nhớ và thấy hình như ngày làm của họ thiếu mất một cái gì. Nhưng sau đấy ít ngày, rừng dó lại vang tiếng sáo tiếng hát. Bởi vì vui hát là bản tính của cô Dó và cô vốn không phải là một sinh vật trong nhân loại nên lòng tha thứ ở người cô rất quảng đại.

Chuyện này đồn về đến vùng xuôi.

Có cậu Năm nhà họ Chu ở ven hồ Lãng Bạc nghe chuyện lấy làm mê lắm. Vụ bóc dó mùa năm sau cậu Năm bèn dặn dò lại công việc làm ăn cho người nhà trông đờ lấy lò giấy làng Hồ Khẩu rồi theo luôn bọn thợ bóc dó lên rừng Hoành Bồ. Cậu tìm vào nương dó đánh gianh làm nẹp nhà bên suối, ngày ngày ăn cơm lam chấm với tro giang tàn nửa đốt ra làm muối. Cậu Năm nhất định chờ cô Dó. Đôi khi cậu Năm bắt chợt được tiếng hát tiếng trúc, nhưng đến bóng người áo chàm thì từ ngày vào nương, cậu chưa được thoáng một lần nào. Thì ra cái giống tình xưa nay vẫn là thế, lúc không thì chẳng sao, khi mà một bên đã hơi hiểu đến tình ý thì y như e lệ thẹn lánh rồi là bày ra cái trò bất diệt đi trốn đi tìm. Biết có người trai đẹp dưới Kinh

tìm đến chỗ có cây muôn năm xanh tươi để chí tình cầu đến cái thanh cái sắc của mình, cô Dó trở nên mất hết tự nhiên rồi lãng hết lối mọi ngày tung tăng trong nương. Và giờ, có cao hứng lắm thì cô Dó chỉ ngồi trong Gốc Dó Thần mà hát cho đủ thành điệu thôi.

Thế mà cậu Năm đã chờ bên gốc cổ thụ hôm nào không rõ. Cậu Năm là người có chữ nên cậu ngờ rằng điệu hát cô Dó mang máng như lối trong giáo phường đọc phú và nhiều khúc thì lại có cái âm luật xốc vác của thơ cổ phong năm chữ ngâm bằng một giọng bi tráng khô nồng của người khách hiệp gặp đường cùng. Đến đoạn sau thì dài hơn, trong trẻo như pha lê và vui như tiếng thông reo giữa giờ nổi gió. Có dòn dợn chẳng thì là cái đoạn chót của bài hát. Nó lơ lơ ảm ể ôi a như lối ma hời đưa vông ru con. Đút

câu hát, lại có tiếng cười gằn và tiếng thở dài. Buồn cho hoang vu và cảm thấy lẻ loi, tay dò dẫm Năm ta bấm móng tay vào vỏ dó thì thấy từ ruột cây tuôn rơi xuống hai dòng lệ đặc. Trời, như vậy thì đến phải lấy nhau mới xong. Cậu Năm bèn khẩn xin cô Dó cho thấy mặt. Bóng dương đã ba lần chếch bên cây to mà cậu Năm vẫn một niềm chôn chân đứng chờ giữa trời. Cây to vẫn im lặng, gió rừng chiều gõ một cái lá, thả từ chòm cây vào lòng cậu Năm như trao cho nhau một bức thư không lời. Ngày thứ tư, mặt trời vừa vươn lên khỏi ngàn trước mặt là đã thấy cậu Năm đứng dưới gốc dó tay cầm một cây rìu lưỡi sáng quắc. Người tình nhân ấy bữa nay trông quả quyết như một người sơn tràng sắp ngã một cây gỗ rừng rồi tay đề rồi đèo sẹ rồi cốn nốt và thả đà. Cậu Năm vỗ vào thân cây, tiếng nói thất thanh, kêu rằng cậu không đợi

được lâu hơn nữa – trong người cậu thấy rề rề mẫm bệnh sốt rét rừng và nếu hôm nay cô Dó còn lánh mặt nữa, thì phải phá nhà cô nghĩa là chém cây cổ thụ mà “còn tình chỉ nữa là thù đẩy thôi” rồi cậu xuôi luôn về Kinh đây này cho mà biết.

Đến nước này thì cô Dó phải ra. Dưới gốc, kẻ khóc người cười. Cả hai cùng e ấp rồi cùng khẩu đầu tạ lỗi. Sóng vai trên cỏ sương hai người bàn đến chuyện đưa nhau về Kinh. Chợt nhìn đến lưỡi tầm sét sáng như nước nằm dưới chân, hai người cười liếc nhau và cậu Năm cầm liệng luôn xuống dưới lòng con suối bạc. Sợ người ta ngượng vì mình và yêu nhau kém tự nhiên đi, mấy con bướm phấn đậu ra những ngọn lau xa. Đàn chim – má cũng ứng hồng lên vì chút then lây – bay đải lạc đậu lên chòm xanh, chừng cũng cho thế là phải, bèn rủ nhau đi sang

rừng khác, sau khi gáy lên mấy dịp tươi nhanh để tỏ mừng. Mấy bụi sim quanh quất gần đều cho mở một loạt cánh tím, mặc dầu mùa hoa tím đã hết từ ngày hạ.

Cô Dó sụt sùi hỏi cậu Năm rằng:

– Trên này tôi đã quen với thảo mộc. Về dưới Kinh anh cây cỏ cần vắng, chất xanh nghèo nàn sẽ biết gửi mình nơi nao và ở vào đâu?

– Em sẽ ở với đá với nước. Lấy cái xanh của nước thay tạm cho cái xanh của lá, lấy cái lành vững của đá thay cái mềm lạnh của cây, anh tưởng cũng tiềm tiệp được.

– Đá nào? Nước nào?

– Nước Hồ Tây. Và phiến đá làng Hồ Khẩu. Nhà anh làm giấy ở kẹt vào giữa một con sông và một cái hồ rộng.

Có hòn đá ghè giấy, mỗi chiều bằng vai em, tưởng em cũng không đến nổi chật quá. Vả em vốn sinh trưởng bằng nhựa dó và dưới ấy là nhà anh làm giấy, sự sống hàng ngày có thêm em nữa, cũng không phiền thêm chút nào. Thế giờ liệu đã xuống núi được chưa?

Cô Dó gật gật. Rồi cô xin phép cậu Năm cho cô khóc một lúc để tỏ chút nghĩa với Rừng Cao Cả. Cô quỳ xuống lạy Ngàn Xanh hai lạy, giọt dài không khác người con gái lạy sống cha mẹ để lúc bước chân về nhà chồng. Cậu Năm mắt cũng róm lệ. Con suối bạc cảm động quá ngừng hẳn lại, không chịu chảy xuôi nữa. Lòng suối im ả như gương tàu phản chiếu không nhòe lấy một đường viền nào, cái bóng hai người đang lấy tà áo chùi lẫn cho nhau những châu lệ hạnh phúc sớm mờ. Hai người say sữa và mệt

mỏi, đi trên một cái lối mòn ăn ra dốc đèo.

Chúa rừng cho nổi một cơn gió nóng tiễn đưa cô Dó ra cửa ngàn. Có một con hươu đực đang vươn cổ cao nhìn cô Dó xuống đồng bằng, mỗi lúc một bé dần. Nó quật sừng nó vào cái cây đại có những cành ngang và lá to làm bận tâm mắt nó.

Cái bóng áo chàm người sơn thần nữ vu quy đã tan lẫn vào cái xanh lớn lao của ngàn già. Bữa ăn chiều ấy, hươu đực ngốn tắc cỏ thấy chát đắng.

Nương dó mất tiếng hát từ đây. Sớm ngày sau rừng dó bỗng kêu một tiếng ầm như ngọn núi nào lở thụt ngã xuống vực. Gốc đó thân đổ vật. Người giai nhân đã đi. Đất này trở lại những lá úa rầu.

Nhưng mà từ nay ven hồ Tây và trên dòng sông Tô Lịch lại có tiếng cô Dó bây giờ xuống hát ở dưới đồng bằng.

Hát riêng cho cậu Năm nhà họ Chu nghe thôi.

Hôm về tới làng Hồ Khẩu, trời đã canh hai, cả nhà đều đã ngủ say. Cậu Năm đưa cô Dó về nhà mà không ai biết tí gì cả.

Trông thấy viên đá xanh nghè giấy đặt chìm xuống nền đất trệ, cô Dó cười hỏi chồng:

– Đấy phải không?

Cậu Năm đang dở tay đốt đèn quay lại gật gật. Thế là cô Dó lần mình ngay vào tấm đá, sau khi ăn hết hương thơm của mấy trăm tờ sắc vừa seo xong còn ướm để ở ngoài hiên – Một ngày đi đường, cô

đói quá. Lại vừa mệt nữa. Nên chỉ kịp chào cậu Năm và nói có một câu:

– Đầu canh tư, anh đánh thức em dậy với.

là cô đã ngủ ngay trong lòng đá.

Riêng cậu Năm thì không ngủ được. Ngồi uống rượu một mình cho đỡ lạnh, Năm thấy phải độc ẩm có ý buồn buồn, bèn thành kính rót một chén xuống mặt phiến đá và tuy mới sang canh ba được có một lúc, cậu cũng đánh thức vợ dậy để cùng nhấp một chén tân hôn.

– Này em này, đã sang canh tư rồi. Sao tua đua tháng mười đã gần tụt hết xuống phía dưới rồi đấy. Em ngồi dậy uống một chén mừng cho đỡ lạnh

– Anh lấy một ít bột đá chưa seo đắp lên mặt đá cho em kéo trong này lạnh

lắm. Ngày thường, anh bắt đầu làm việc từ lúc nào?

– Cứ trời gần hừng sáng thì anh đã trở dậy nghe giấy. Đứng ngọ, ngừng tay một lát ăn cơm. Mặt trời lặn thì anh nghỉ hẳn tay chầy.

– Từ nay có em về ở cùng, anh nên đổi thời khắc biểu cũ đi. Em thuộc chất âm, ít chịu được cái nóng sáng của mặt trời. Em muốn từ bây giờ, anh thay giờ làm việc, lấy đêm ra mà làm ngày. Như thế nó tiện cho em những lúc phải đỡ đần anh một tay. Vả chăng, cái việc em về làm bạn với anh, cũng không nên cho người khác biết cả đến người nhà nữa. Muốn giữ bền được hạnh phúc, chúng ta nên mai ẩn ít nhiều tung tích của mình đi để tránh những việc dòm giở của chung quanh. Lại còn thể này nữa: là thỉnh thoảng em có muốn lách mình ra

khỏi đá để hát cho anh nghe hoặc đánh bóng mặt giấy cho anh, mà phải lộ tấm hình hài cho người ngoài thấy thì thực là một điều không những là bất tiện mà lại còn nguy hiểm cho hai mình nữa. Nào, anh đổ xuống mặt đá cho em một chén rượu nữa, người em vẫn còn mệt lắm, nhưng đã là ngày vui nhất trong cuộc đời thì phải say và phải hát chứ. Em sẽ hát bài ngắn thôi rồi đi nằm. Lúc nào gà gáy canh một đêm nay, em sẽ dậy. Anh cũng đi ngủ; để tối hãy làm giấy.

Cậu Năm nghe theo lời vợ hiền. Và từ bấy giờ cả nhà đều phải để ý đến những giấc ngủ ngày triền miên của cậu Năm. Hỏi, cậu bảo rằng cậu vừa tìm được một phương pháp mới để chế giấy cho tốt hơn: giấy nghe vào lúc đêm hôm thì mặt bóng hơn, chất chắc hơn vì... vì nó có hơi sương và tia trắng tia sao! Cậu nói thế

mà cũng có khối người trong nhà nghe được đấy.

Ở ven hồ Tây, giờ canh đêm đông không còn lạnh lạnh như mọi khi nữa. Trong sương, dùng đục những dịp tiếng chầy nhà cậu năm giã dó và lằm buổi lại còn lẫn một thứ tiếng hát, âm thanh lơ lửng và nhịp, lúc mau như tiếng khổ dụng trong nhà Tơ và lúc thua thì giống hệt lối ngâm thơ Thiên Thai rồi ngân dần lên và lại dần dần ngân mà xuống đúng như hơi hát cung bậc hay lúc đổ con kiến. Đêm đêm, cậu Năm làm giấy và cô Dó cũng lách mình ra khỏi đá giúp chồng. Cả ngày chỉ ngủ không ăn, giờ, bữa cơm chính của cậu Năm thường lại là một bữa siu-để có điểm mấy chén rượu.

Vợ chồng vui vẻ, nói khôn nên lời. Ái tình và cần lao. Lắm khi ngà ngà mà say, phát phơ mà đi, nhìn đêm lạnh giăng

suông, nhớ rừng cũ, cô Dó lại càng hát nhiều nhiều. Khuya im một mầu sương muối, cỏ cây dùng đục vẫn trong sữa giăng loăng, giới đất trông ra như lúc hỗn mang. Cô Dó đánh bạo ra ngoài. Đêm đông trường chỉ có tiếng hát của cô dó chập chờn đi từ giới hạn một bờ Tây Hồ đến bờ một khúc sông Tô Lịch. Tiếng huyền diệu và mờ mù bao la.

Từ đấy lò chế giấy nhà cậu Năm họ Chu làng Hồ Khẩu biết một kỷ nguyên mới – giấy tự nhiên thơm đẹp lên và bỏ xa sự cạnh tranh của nghìn vạn người sống bằng vỏ dó. Loại giấy Chu Hồ có từ bấy giờ. Ấp tờ giấy đẹp vào lòng, biết nó là cái công ơn của người vợ hiền nhiều đêm đã cần cù vì mình, cậu Năm mê mê vì chân hạnh phúc và thú cần lao nhiều phút ban ngày sương quá, ngắt đi và tỉnh cơn cuồng lại vỗ mái vào phiến đá nghe

có ý đánh thức vợ dậy mà xem mình đang khóc vì... hoan lạc.

Có một lần, cô Dó dở giới khó ở mất đến một tuần, giấy Chu Hồ tự nhiên xuống hẳn mặt. Đã có bao đêm liền, cậu Năm bó gối gác chầy bên phiến đá, nghiêm và rầu như kẻ sắp gieo mình xuống dòng. Dưới lòng đá, có tiếng phào phào đưa lên:

– Em đã rõ chứng bệnh em rồi anh ạ. Ra em không chịu được cái mùi hoa hòe nhà ta vẫn mua về để nhuộm giấy sắc. Đổ cái chất vàng ấy lên mình em, em ăn phải cho nên đây và cứ phù dần người ra. Anh thử bỏ vứt bột hoa hòe đi em xem.

Có như thế. Sau khi cậu Năm cho đổ hết hòe xuống hồ - làm vàng ố cả một vùng xanh trong - thì cô Dó cất cơn ngay.

Lò giấy nhà họ Chu, thôi hẳn việc chế giấy sắc vàng lại cũng từ đây. Ngày tháng. Hai người càng yêu nhau trong ca vui và cần lao; trăm năm cũng già. Không, cô Dó vẫn trẻ. Chỉ có cậu Năm là già đi vì cậu vốn thuộc chất dương và vốn thời gian chi phối. Cậu Năm chính là ông cụ tổ ba đời của ông cụ họ Chu được nhà vua cho quan bộ Lễ vời vào kinh để sung một chức ở Cẩn Tín viện đấy.

Cậu Năm trăm tuổi đi rồi, cô Dó đêm đêm ra ngồi ở ven Hồ Tây và ven sông Tô có mấy tháng liền, sự nhớ thương lại biến thành nhiều khúc hát buồn và những bài ca điệu ấy, cô có chép vào một tập để là “Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc” giữ luôn dưới lòng đá và nét chữ cô Dó lờm chờm nhọn hoắt và so le như ngọn cỏ bông. (Mấy mươi đời sau, đâu có một người tài về môn cách vật trí tri bảo đấy

là thứ chữ không phải của loài người chế lấy mà dùng; nó là thứ chữ Sơn Hoàng của Chúa Rừng truyền dạy cho các hồn cây hồn quả hiển viết lúc dâng bài Chúc Thọ và chỉ những người nào có số hỏ vô là đọc thông được thôi).

Phiến đá xanh nghè giấy, từ cụ Năm về giờ, bỗng trắng toát ra. Phiến bạch thạch lẫn vãi bố góc bàn thờ mới. Sau ba năm, cô Dó rất có thể lộn về rừng-cái quê hương cũ vốn muôn năm xanh vui của mình. Nhưng không, cô vẫn còn thương cậu Năm nhiều lắm và thể ở lại giúp và dựng cho lũ con lũ cháu và lũ chắt nhà chồng, có cái định kiến là đến bao giờ dân trung châu hạ bạn tuyệt nghề làm giấy bản thì cô mới bỏ nhà chồng và lộn về rừng. Từ ngày theo chồng về Hồ Khẩu cho đến quá vế sau cái thời chồng chết, người quả phụ ấy chỉ

có một lần tìm đường qui ninh về rừng thăm lại Mẹ Ngàn. (Cô Dó quy ninh đầu vào cái khoảng người cháu bốn đời nhà cậu Năm)

Từ cậu Năm mất đi, con cháu nhà họ Chu lại trở lại tập quán cũ, nghĩa là nghề giấy vào lúc ban ngày. Dưới đá trắng cư tang, nghe những âm chầy non dại đổ xuống dó ướn, cô Dó mỉm cười. Thương trẻ, đêm đêm Cô lại hiện ra, hà ít hơi mình vào giấy và lấy tay vuốt từng tờ giấy một. Giấy Chu Hồ vì thế vẫn giữ được vẻ quý mà riêng lũ con cháu nhà cậu Năm thì vẫn không biết lấy mảy may về sự hiển linh nhà mình. Đời ấy và đời khác...

Năm 1925 vào cuối đời Hoàng Tôn Tuyên Hoàng Đế, đất Nam Kỳ, trấn Gia

Định... có một ông huyện... tên là Khỏe. Ông huyện Khỏe là một người phú quý tốt bụng, hay gây ra nhiều điều thất đức. Lúc trẻ tráng, cái lối ngông lối hợm của ông huyện Khỏe lại... vô địch nữa. Điền địa của cha mẹ để lại cho thì là bờ xôi ruộng mật, đều là nhất đẳng điền cả. Thủa ấy ông thực là công tử số một, chơi vàng cả một giới và đến ngay đám công tử Bạc Liêu nghe đến danh ông thấy đều xanh cả mắt... Khoảng thời thiếu niên của ông huyện Khỏe, thật lúc nào cũng là vui như hội Tây. Giờ ông đã có tuổi vẫn giàu có như xưa nhưng đã trở nên phải chăng trong cử chỉ hăng ngày. Ông chỉ còn đi xe hơi hai mươi bốn ngựa thăm ruộng xa như một đất phong cường và các nhà máy xà phòng, gạo và dầu cù là của ông rải rác ở khắp lục tỉnh. Người thương nhân này lúc về già còn buộc thêm vào cái đời con toán của mình một

cái thị hiếu chơi những vật hiếm trên đời. Những đồ vật không cứ là cổ và đẹp nếu là độc nhất vô nhị trên trần thì bao nhiêu ông cũng mua. Và những bức có tài xem đồ cổ ông đều giữ luôn trong nhà, lấy thứ lễ hạng nhất ra mà đãi.

Trong đám thực khách nhà ông huyện Khỏe có một người tên là Chiêu Hiện được chủ nhân tin trọng lắm, coi gần như quản gia. Ông Chiêu Hiện quê vùng phủ Quốc, bỏ xứ Bắc vào trong Nam đã lâu, lúc bỏ nhà đi, có chỉ vào cái cầu Phụng mà thề độc rằng “bất thừa xa mã bất quá thử kiều”. Ở Sài Gòn được ít năm, ông Chiêu Hiện bị vướng vào một vụ cướp có án mạng tại Chợ Lớn... Chiêu Hiện thụ cái ơn ấy canh cánh để bên lòng và tự nhủ trong suốt một đời thể nào cũng phải tìm lấy dịp để trả ơn lại ông huyện nghĩa là lúc nào cũng nghĩ

đến việc đi tìm báu vật cho ân nhân. Xứ Bắc Kỳ cũng như về mặt nhân vật, về đường bảo vật vẫn còn nhiều cái lạ lắm. Đôi ba năm, Chiêu Hiện lại lộn về một lần để sục xem có được cái gì không. Lần ấy lộn về Hà Nội, không rõ dùng chước thuật gì mà đánh tráo ngay phiến bạch thạch đỏ, đem về cho ông huyện Khỏe.

Thâu ngày thâu đêm, đá đã qua hết gang khẩu và những con đèo rất hiểm nghèo. Về đến biệt thự ông huyện Khỏe, đá bỏ ngõ với thời tiết ở đây quanh năm nóng như lò nung vôi, đá bỗng đổ mồ hôi. Cầm chén rượu rũ bụi, lúc đã thông dong, ông Chiêu Hiện mới đứng lên kể lai lịch đá cho người ân nhân mình nghe. Và quả như lời ông Chiêu Hiện nói, đêm ấy lúc canh đã dịu lạnh, trong phiến đá có tiếng hát giọng buồn. Không rõ lời nhưng nghe cái âm tiêu sái ấy, đến như

ông huyện Khỏe mà cũng sụt sùi. Chiêu Hiện bèn dẫn giảng rằng đây là một trong những bài thương ở tập “Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc” của hồn đá làm ra từ lúc thiếu chồng. Tính hay khoe của, ông huyện Khỏe, ngay ngày hôm sau, gửi luôn thiệp danh đi mời các khách quý đến ăn tiệc và “xem một hòn đá biết sụt sùi trong đêm”. Tàn tiệc rượu có một cuộc dạ vũ. Chiêu Hiện mặc đồ lễ... ra xin với quan khách chỉ nên vui nhộn đến đúng giờ tỵ thôi, nếu có bụng chân thành muốn nghe những tiếng thương xót của hòn đá “nó là cái có đẹp của buổi hợp hoan này”. Trong biệt thự im vắng và tắt hết điện chỉ còn leo lét một ngọn đèn cây. Sau đấy một giờ, lòng đá lại như đêm trước, bật nổi lên những tiếng tương tư thâm trầm. Tân khách thấy đều rơi châu. Tờ mờ sớm, họ ra về và bắt chủ nhân phải hứa là có một ngày gần đấy phải cho họ được xem

đến mặt người sương phụ trong đá kia. Và từ đêm ấy, còn tiếp bao nhiêu dạ hội khác. Mới hay, chẳng cứ là tiếng người mà cái tiếng ly khổ của hồn một phiến đá lương thiện có tình lại còn là cái có vui cho người đứng ngoài nữa.

Muốn đánh lừa cô Dó phải nhâm lẫn về hoàn cảnh mới gắt để thỉnh thoảng hiện hình ra như trước, ông Chiêu Hiện đã xui ông huyện Khỏe cho đào cả hai bên biệt thự lên, một bên giả làm dòng con sông Tô Lịch, một bên giả làm vùng nước ven Tây Hồ, tiền nhân công tính theo lối nhà nước ngăn đắp đập. Ngày lạc thành cái mẫu hồ lộn sòng và cái khúc sông giả vờ đó, lại tiệc yến. Những tân khách của những kỳ dạ hội cũ đã được nghe đá khóc thì bây giờ lại theo ước cũ đến đây uống rượu nữa để xem mặt cái hồn đá sầu. Nửa đêm ấy, cô Dó hiện ra

thật, vẫn mặc tấm áo chàm như ngày ở rừng xa, nhưng dưới gấu đã xé xơ ra cho nó thành tấm áo trảm thôi (áo đại tang) và mớ tóc tang rồi như xo dó vừa ăn vôi. Có bao nhiêu người bùng bùng hơi rượu rải rác núp trong xó tối, khẽ trầm trồ với nhau là đẹp và đoan chính đến bậc ấy là cùng.

Cô Dó chập chờn trên nước sông đào, trên nước hồ đắp, tỉ mỉ rờ vào các lá cây thân cây quanh đó. Cô thấy không phải là cây quen thuộc của xứ Bắc. Đây chỉ là những lá cành của kè, cọ, dừa xiêm, vú sữa, măng cụt, sầu riêng thôi. Ngờ ngợ đến sự nguy hiểm của một trung thổ lạ, cô lại vội lẫn ngay vào trong lòng đá trắng. Từ đấy không ra nữa và cũng ít khi lên tiếng nhớ cậu Năm.

Sau đêm ấy ông Chiêu Hiện bỗng nấc lên mấy tiếng rồi là dần đi. Vực ông

vào buồng bệnh, thấy Chiêu Hiện cứ mở thao láo mắt mà thiếp đi đã một ngày một đêm, ông huyện Khỏe biết là chúng bệnh cũ của người quản gia lại phát lại và chỉ dặn người nhà phải ngày đêm túc trực nơi giường bệnh, ngâm giấy phen vào nước, cứ mỗi giờ lại đổ cho uống, chú tịnh không phải thuốc thầy gì cả.

Mọi khi vẫn thế. Nhưng lần này thì hơi phiền hơn; là đã quá mười ngày rồi mà Chiêu Hiện không thấy tỉnh lại. Mọi lần trước chỉ ba bốn ngày đêm thôi. Bệnh này trong sách Y Dược Đại Toàn gọi là bệnh Miên nhất khí và người nào hay có cái khiếu về hư linh học thì thường hay mắc phải.

Thế mà đến ngày thứ mười hai, ông Chiêu Hiện đã tỉnh lại. Nghe ông huyện Khỏe thuật lại cho hay rằng mình đã ngủ mười hai ngày có dư, Chiêu Hiện đã

bốc đứng người dậy, kêu xong hai tiếng “hông rồi” thì lăn đùng ra giữa nền cẩm thạch, mồ hôi vã ra như tắm. Không hiểu là cái gì “hông rồi”, ông huyện Khỏe mặt như chàm đỏ, sợ sệt nhìn con bệnh bây giờ đang lăn lộn như có ai cấu rốn. Đến lúc tỉnh lại lần thứ hai, hai mắt đại đột Chiêu Hiện chán chường nhìn vào khoảng không và miệng – tiếng đã thất thanh, lại nhắc lại: “Hong rồi”, đầu lắc mãi như từ chối một cái gì. Chiêu Hiện tập tễnh bước lại chỗ đặt viên đá trắng, áp tay vào mặt đá, áp tai vào mặt đá vậy ông huyện Khỏe lại:

– Đến phải đập vỡ đá này thì may ra mới chữa được người trong ấy, cô Dó không khéo chết mất rồi ông Huyện ạ!

– Ông Chiêu nói chuyện cho tôi rõ đầu cuối với.

– Nguyên là thế này. Hòn đá này phải ăn chất vỏ dó. Thiếu nó thì cái người nằm khóc trong đó mọi ngày cho ông nghe sẽ phải chết khô. Ông nhiều việc không hay để ý đến, chứ thực ra từ ngày mang đá về, tôi đã mang theo về bao nhiêu là vỏ dó để ngày ngày áp lên đá cho người trong đó ăn. Gần hết, tôi lại đánh giấy ra Bắc cho người bà con gửi vào. Từ hôm bị bệnh, đột ngột nằm xuống, không kịp dặn ai thay cho việc bón đá, đến nay là quá mười ngày, người trong ấy chết đói rồi chứ còn gì nữa.

– Vậy bây giờ nếu phải đập phiến bạch thạch ra để cứu lấy người trong đá thì ông cứ tùy tiện mà làm.

Một nhát búa. Một tiếng xé rất khô gọn và ít mảnh vỡ bắn tung lên. Hòn đá chẻ ra làm hai theo chiều ngang và phần trên khi đã bật ra thì quỷ thần ơi! Có

một người đàn bà rất xinh bé đang nằm ngủ. Nàng mặc một cái áo lam, xiêm cũng màu lam. Lúc ông Chiêu Hiện đã nhẹ nhàng ẵm nàng ra đặt lên giường thì mảnh phiến đá vỡ vẫn còn in khuôn những nét hình một tấm thân người nhỏ, nhiều khoảng trùng xuống như chỗ đựng nước trong một cái nghiên dùng viết đại tự.

Chiêu Hiện sờ vào ngực cô Dó thấy còn nóng, vội gọi gia đình đem cái bó vỏ dó ông cất trong kho ra ngay mau. Chúng đều trả lời rằng không biết ai đã tưởng là thứ dây dợ gì lấy đi gói buộc hết cả rồi. Cái tia hy vọng cuối cùng đã tắt nốt. Ông Chiêu Hiện dầm chân kêu gào, nước mắt đỏ như máu, tiếng mất hẳn đi. Bèn lấy giấy, bút đàm cùng ông huyện: “Ông phải làm ngay hai việc: nhất diện là cho đánh xe đi lên Sài Gòn về các

miền lục tỉnh, vét lấy hết giấy bản của ta, chú giấy moi và giấy tàu của các Chú chế ra thì vô dụng. Một mặt nữa thì cho đánh ngay dây thép ra Bắc – theo địa chỉ này – bảo phải gửi ngay vào cho đảm kiện vỏ dó theo lối đại tốc”.

Trong lúc chờ giấy bản, vợ được mười quyển chép dỡ những thi ca của mấy chỗ thể gia ngoài Bắc, ông Chiêu Hiện đem xé vò ra, chất thành một đồng to, đốt sưởi cho cô Dó hồi lại. Người đá chết lả đã dần dần tỉnh lại, ngón tay động làm buột rơi một cuốn sách nhỏ ngoài bìa bằng lá cây có nét kim khí vạch sáu chữ “Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc”. Cô Dó mắt vẫn còn nhắm nghiền nhưng môi đã mấp máy được và đang hé cười. Những luồng khói đặc ở luồng giấy bản đã thừa loãng dần. Khói tắt, hương giấy tàn đi, người cô Dó càng lạnh, lạnh thêm

lạnh mãi rồi cứng chắc lại, mồm ngậm kín một khóe cười không kịp nở hết. Cô Dó đã trở nên người thiên cổ. Cô Dó đã thành người của một thế giới khác, của một thế giới ngọc đá muôn năm. Cái màu xanh ở tấm áo đã đậm và bóng hẳn lên thành một thứ ngọc lam trong sáng.

Bên tử thi đá lam, có một người nấc lên mấy tiếng. Ông Chiêu Hiện tưởng còn có thể điên cuồng thêm nữa khi lũ gia nhân sai đi mua giấy bản về đưa trình văn vện được độ ba trăm tờ hoen nhàu với một câu:

– Dạ, chúng con đang cho xe lên Sài Gòn và về cả lục tỉnh mà cũng chỉ vơ vét được có bấy nhiêu. Dạ bẩm trong này ít dùng thứ giấy này. Việc quan và tư thấy đều dùng có giấy tây thôi.

Ngẫm nghĩ một hồi lâu, Chiêu Hiện

trần tỉnh được lòng tiếc và tự nhủ rằng thôi chẳng qua ông huyện Khỏe có cái số không được làm quý nhân nên quý vật nó mới không chịu ở với. Và cô Dó đã nhất định đi, giá có nấn ná lùi lại đến lúc này chờ giấy bản về kịp, thì cái đẹp giấy khốn nạn mỏng và biến lộn kia cũng không đủ để sưởi nóng cô, hồ cầm lấy chút hơi tàn mà chờ vò ở Bắc gửi vào theo lối đại tốc. Sau phút lấy nước ngũ vị tắm cho thi hài đá lạnh, Chiêu Hiện thấy lòng chứa chan hối lỗi vì đã phạm vào tội giết mất một thứ ngọc sống. Vì có biết thế này thì đã không khi nào ông dìu ngọc vào đất Sài Gòn để đến nỗi đắc tội với ngọc đá và đánh hỏng cả cuộc đời một vật báu. Chiêu Hiện lại khóc lên ba tiếng để sau ba tiếng của mình khóc ngọc tị trần vừa dứt thì tiếp theo nghe đến ba tiếng cười của ông huyện Khỏe. Ông huyện Khỏe đã ôm lấy xác cô Dó vui reo ồn ào:

– Trời, té ra là ngọc thạch. Thúy ngọc ông Chiêu ạ. Một khối ngọc toàn bích. Việc gì mà ông buồn khóc. Thì ra trước kia nó là thứ ngọc biết nói. Mất người nhưng chúng ta vẫn còn lành vẹn một phiến ngọc vì bán đi thì có thu về được cơ man là tiền bạc. Hoặc là bán, hoặc là để đem làm vật tạ lễ một vị quan thầy. Người ngọc ví có còn sống để lên tiếng một đôi khi mà làm vui cho đám tửu đồ nhà tôi thì cũng vẫn là một sự đáng quý đấy. Mất đi ai chẳng tiếc. Nhưng mất người mà còn sót lại ngọc, thì cái di hài này có lẽ còn quý giá hơn người lúc sống kia đó vậy. Để tôi đem dâng cho quan thầy tôi...

Thôi, nín đi mà bác Chiêu.

Chiêu Hiện đã nín thật. Nghe giọng lười ông huyện Khỏe, ông Chiêu thấy khắp mình toát ra một thứ mồ hôi dầu.

Trời, thế này thì ra từ bao nhiêu lâu nay ông đã thờ nhăm phải một người có nhân cách đê hạ quá. Đã thấm chưa! Ở vào một trường hợp tang tóc ngập lòng này, lòng người ta phải đau rầu gấp bội lòng người chết vợ trẻ hiền, mà ông huyện Khỏe đã vội tính đến nước bán Xác Ngọc, cũng là cho ngọc đi ở vào cửa hầu nhà khác thì tưởng không còn sự tuyệt tình nào phụ bạc hơn được nữa. Nhóp đến thế là cùng. Một người đã vô sở bất chí đến như thế thì còn cái gì ở thế gian này mà hấn không làm đến. Có khi rồi, nếu không sớm liệu, thì ông ta sẽ bán đến cả mình nữa như bán một tên nô lệ cho chủ khác. Ngọc về ở với ông ta, chẳng may xấu số về giới sớm, ngọc đấy mà ông ta còn đòi bán đi nữa, huống chi là mình. Ở sát cạnh một người thiên về danh lợi quá đến nỗi không còn lấy mảy may tình ý về kỷ niệm, cứ ở gần kẻ

đứa bạo ngược, không sớm liệu thì rồi vạ kéo đến cũng chỉ một sớm một chiều đấy thôi.

Ngay đêm ấy, Chiêu Hiện đã bỏ ông huyện hàm. Lúc bỏ đi, không thềm chào, không thềm đem theo một vật gì là tặng phẩm của ông huyện vẫn đưa từ trước tới giờ. Chỉ để lại có mỗi một lá thư, trong nói là về Bắc chữa cho khỏi ít cổ tật trong người; không dám hứa là có quay trở lại với ân nhân cũ nữa không, nhưng dẫu sao ơn ngày trước tưởng cũng đã đáp lại được chín mười bằng một cái tử thi ngọc xanh đó.

Mười mấy năm bỏ làng đi vào trong làm... cho một tên bạo phú, giờ về quê cũ, một tấm vải đắp lên cái thân dẫu dãi đã cuối châu, ông Chiêu Hiện qua sông Hát Giang lại nhớ lời thề cũ là không có ngựa xe thì không chịu qua cầu Phùng

đây mà lộn về phủ Quốc. Nỗi buồn ấy đã thấm vào đâu khi Chiêu Hiện lộn lại làng Hồ Khẩu hỏi thăm về sự làm ăn của nhà họ Chu. Thì ra, từ ngày bị đánh tráo phiến đá nghè, nhà ấy làm ăn mỗi ngày một xuống và giấy Chu Hồ bây giờ đã là một câu chuyện gần như cổ tích, một câu chuyện chỉ còn thuộc về lịch sử giấy đẹp của nghìn xưa.

Để duy trì cái sống hàng ngày, nhà họ Chu bây giờ cũng làm giấy nhưng là giấy moi...

Lòng nặng về tội ác, ông Chiêu Hiện có chép lại việc này, đủ ngành ngọn vào cuối cuốn gia phả tỏ ý ăn năn nhiều về chỗ đã giết chết mất ngọc biết nói và dặn con cháu từ sau chớ nên xúc phạm vào bất cứ một phiến đá tảng đá hòn nào; mặc dầu nó có là đá bên đường đi nữa.

Sau đấy một tháng, chứng bệnh cũ miên nhất khí bỗng phát lại và lần này thì ông Chiêu Hiện ngủ luôn một giấc để lũ con đưa ra một cánh đồng tỉnh Sơn Tây, huyết đào sâu xuống mới có nửa thước, đã thấy lởm chởm lổn nhổn những đá tổ ong.

14

Vườn xuân lan tạ Chủ

Năm mươi năm về trước, du khách ở vùng Thanh Hóa thường khi đi qua chỗ bến đò Ái Sơn, về hữu ngạn con sông Mã, nhận thấy ở vệ đường tay mặt một khoảnh vườn độ bốn, năm sào, xung quanh trồng toàn một thứ tre đằng ngà.

Đáng chú ý nhất là cái cổng kiến trúc theo lối công bên Phù Tang hải đảo. Nếu

khách biết chữ Hán và đọc được chữ thảo Bát tiên đại chủ đời Thanh, thời khách nhận thấy ba chữ tên biệt thự viết phỏng theo lối chữ Tăng Quốc Phiên. Trên cái nền bằng gỗ lim sơn màu "cẩn rượu", ba chữ thếp vàng "Túy lan trang" như hoạt động trên miếng bạch thạch cẩn vào gỗ đỏ.

Chủ nhân "Túy lan trang", một vị hữu quan, từ ngày được nộp lại triều đình chiếc ấn vàng, lui về chỗ huê viên, thường để hết thời giờ vào việc vun trồng, chăm chút một thứ lan rất quý, tìm tận ở Yên Tử sơn, hồi còn tại chức nơi tỉnh Đông ngoài Bắc. Hoa xưa kia, quen cái khí hậu nơi đỉnh núi cao; nhất đán hoa về nơi đồng bằng, hoa không khỏi một phen rầu rĩ với ngày nắng hạ, đêm sương thu chỗ xú lạ mà lá úa giò gãy. Sớm, chiều hai buổi thăm hoa, chủ nhân

lan viên chỉ lo hoa kia chẳng ở mãi với mình, mà cái công ngàn dặm chọn đất lành bọc có quý quấy về quê hương sẽ lấy chỉ đến chuộc lại. Sau một hồi tàn tạ giữa lan viên, hoa lại bắt đầu cười với gió xuân về. Thoảng mùi lan đượm, ngấm lá lan xanh ròn trên mấy hàng chậu sứ túy lan lớp đất phủ lùn vỏ sò cùng hòn cuội trắng, chủ nhân như sống một cảnh đời mới. Rồi lan kia như cảm tình người tri kỷ, ngày một thêm hoa và chả mấy chốc chủ nhân phải lùi lều trang về một mé huê viên, nhường nơi đất tốt cho có quý nấy ngọn thêm cành.

Chủ nhân lấy luôn tên giống lan đặt làm tên biệt thự, ngụ cái ý yêu hoa và tỏ cho khách qua đường biết vườn nhà đây cỏ lạ.

Nhớ đến lời sư Cụ chùa Quỳnh Lâm vùng tỉnh Đông dặn lại sau khi cho giống

lan, mỗi bận xuân về, sớm sớm, chủ nhân lại phải cho cả vườn Túy lan say với hơi rượu thời cái vương giả hương ấy mới còn ở với người thế gian. Ngày xuân phải bón lan bằng hương rượu, chủ nhân rất lấy làm sung sướng được gần vùng cất rượu ngon có tiếng ở châu Thang là làng Vĩnh Trị. Ái Sơn đổi ngạn Vĩnh Trị và đúng ở Túy lan trang trông rõ đê làng Vĩnh Trị. Những buổi sớm mùa xuân, mặt nước con sông Mã phẳng lặng như tờ, lại lặn tẩn lặn sóng nhỏ do mái chèo đập làn nước của một chiếc thuyền nan bơi từ bến Ái Sơn sang bến làng Vĩnh Trị. Bọn người sinh nhai chỗ duyên giang, dậy sớm đứng trên mạn thuyền để thở cái không khí trong sạch bình minh vui cười bảo nhau:

– Lại thuyền cô chiêu Tần bên Túy lan trang qua Vĩnh Trị lấy rượu cho hoa!

– Phải, cô chiêu Tân - con gái ông chủ vườn Túy lan trang đi lấy rượu về bón huê đấy!

Quan án Trần, vì cái thích chơi hoa, phải giảm những sự chỉ dùng trong nhà để có đủ tiền đặt thứ “rượu khê” cho hoa lan, trị giá hai quan một vò bên làng Vĩnh. Mà mỗi sớm, chèo thuyền đi lấy rượu theo lời cha dặn, cô chiêu Tân đã diễn ra trên dòng nước sông Mã một cái cảnh tượng giống như trong tranh thủy mặc của người Tàu. Một người con gái mà cái dáng điệu dịu dàng đã in theo khuôn nhịp chốn đài trang, tóc búi cánh phượng, áo mặc rộng tay màu thiên thanh, chân đi dép có mà lại thực hành một cái ý nghĩ chan chứa màu thơ - ngày xuân cảnh sớm, bơi thuyền lấy rượu cho hoa - đủ làm cho lãng tử được thấy cái đẹp ấy phải đưa mình vào mộng.

Vườn mình trên con bạch tuấn, cậu ấm Hai nghì cương, xuống yên, buộc ngựa vào gốc thùy dương, rồi đi tản bộ đến một cái quán dựng trên đê. Ngồi trên bệ đắp bằng đất sét, cậu ấm Hai như chờ đợi một người và muốn giết thời giờ, luôn tay phe phẩy cái roi ngựa làm bằng cành liễu khô bẻ ở cổng huyện Đông Sơn là nơi người cha ngồi chức Huyện ủy. Cậu ấm Hai ngồi chờ cô chiêu Tân đi lấy rượu về. Ngồi đợi người yêu lâu quá sức đợi và khi cúi mặt nhìn nền mặt đất chực chỗ quán nước, cành liễu khô đập luôn luôn vào đôi má chiếc giày tàu bằng nhung đen để gai xe tám sợi, không đủ cho người quên hết những ý nghĩ về thời gian một khắc một chầy, cậu ấm Hai lại cất mình lên ngựa cho khuây khỏa nỗi lòng khi vắng bạn. Con bạch tuấn được lỏng cương vẽ, cũng uể oải lê bốn vó trên đường. Vó câu một bước lại dừng, con

bạch tuần còn mê man những đám cỏ non của ngày xuân phủ kín mặt đê dài. Rồi văng tiếng hát nơi đầu sông đưa lại. Cậu ấm Hai nhận thấy được tiếng người quen, gò đôi cương nâng cao đầu ngựa trắng; lòng tay buông tay khấu, lần bước dậm đê, ngựa đã từ từ đi xuống nơi dốc chỗ bến đò. Cậu ấm Hai, cô chiêu Tần cùng nhau thi lễ: người xuống ngựa, khách dừng chèo, nơi giang đầu lại có cái cảnh tượng như hết cảnh tả trong bài thơ của Bạch Lạc Thiên.

– Xin lỗi công tử đã dây công chờ tiện nữ. Dưới Nguyệt viên vào đám, đặt nhiều rượu ở bên Vĩnh Trị, nên hôm nay qua lấy rượu cho lan phải đợi lâu. Vậy công tử sang bản trang từ bao giờ?

– Án từ nơi huyện đã xong nên bữa nay gia nghiêm muốn qua Túy lan trang xem hoa nở. Gốc trầm Quảng Nam buộc

ở đầu ngựa này sẽ dùng để đốt lên trong khi lệnh nghiêm và gia nghiêm cho phép tiêu sinh ngồi trì hồ.

– Quan Lệnh doãn cho công tử mang trầm qua Túy lan trang như mỗi lần hội diện cùng gia nghiêm, thời bên bàn rượu, trước những giò lan nở, tiện nữ lại một phen được nghe lại tiếng đàn thập lục của công tử.

Quan Lệnh doãn huyện Đông Sơn là bạn thân và là khách quý của quan án Trần bên Túy lan trang.

Ngày còn làm kẻ thư sinh, hai ông già ấy, đã cùng thì một trường, thụ giáo một thầy và xuất thân cùng một hội. Sóng nước bể hoạn, tuy không làm chìm đắm nổi khách công danh trong khoảng mấy chục năm trời, nhưng cũng đã làm cho hai người đòi phen tơ tưởng lúc xa nhau.

Hoạn hải từ ngày thuyền buộc bến, quan án Trần về ở Túy lan trang, cho là một cái diễm phúc được vui tuổi già gần người cố hữu. Rồi muốn cho cái tình thân ấy được thân hơn một bọc nữa, đôi bạn già ngỏ ý cho nhau rõ rằng sẽ đi lại với nhau bằng cái tình thông gia gây nên bởi cuộc phối hợp nay mai của hai trẻ. Đều là người hiểu rõ cái lẽ sự vật trên thế gian, hai ông già không chịu uốn mình theo lẽ thói giả dối và thực hành cái luân lý khổ khắc với đôi trẻ thơ. Cho nên còn ở cái thời kỳ vị hôn phu và vị hôn thê mà cậu ấm Hai cùng cô chiêu Tần thường được gặp nhau và trò chuyện. Nếu cuộc đời cứ theo cái nhịp êm đềm mà đưa đôi già, đôi trẻ ấy đi với ngày lụn tháng qua, thời chân hạnh phúc của con người ta, Tạo hóa có lẽ dành riêng cho nhà họ Trần và nhà quan Lệnh doãn Đông Sơn. Lạc thú hai gia đình ấy ví có thời mé lâu

Túy lan trang bày chỉ thiên lệ sử; khách tài tình phòng ngàn năm không để giận thời giống lan kia, còn cột mãi gió xuân về! Nếu hầu hết những hạnh phúc đều giống nhau ở chỗ ấm cúng, êm đềm, đầy đủ thời mỗi nghịch cảnh lại có bộ mặt riêng tùy theo cái đau đớn của người trong cuộc.

Năm ất Dậu, đời vua Đồng Khánh, vùng Hoan Ái phải qua cơn binh lửa gây nên bởi loạn Văn thân. Cũng có người lấy danh nghĩa mà đứng tay vào công cuộc phá hoại; nhưng vút đầu cho hết những kẻ lợi dụng thời cuộc, làm cho thỏa thích lòng dục trong lúc giao thời trắng đen không tỏ rõ. Cái thời loạn! Mà thời loạn thời trai thời loạn chứ sao? Cô chiêu Tần sống vào buổi non sông mờ cát bụi, đã đành trông ngóng cái thời bình. Cậu ấm Hai gặp lúc loạn ly, không những không

có thủ đoạn của kẻ làm trai thời loạn, mà còn tỏ cho người thời ấy biết rằng một kẻ thư sinh chỉ có cái tâm hồn lãng mạn là một người chọn lầm thế kỷ. Chọc trời khuấy nước, trong khi người ta ham chuộng cái sức khỏe mà chỉ biết có ngón đàn, hiểu có hồn hoa, thời ở tâm người tài tử, buồn, túi, cực đến dường nào! Trước những cái tin máu, xương thành sông núi, trăm họ bị làm cỏ, hai trái tim thơ ngây, của cô chiêu Tần và cậu ấm Hai, đều đập chung một điệu hải hùng. Riêng về phần quan án Trần, thời thân già đã không lấy làm quan tâm đến vóc xương khô, còn những lo cho hoa, làm sao ngăn nổi gót chân đám người ô hợp nếu một mai chúng tràn đến.

Quan Lệnh doãn Đông Sơn lo việc tuần tiểu quân nghịch cũng thua đi lại trên quan án Trần. Nơi Túy lan trang,

hoa thường vẫn nở, người thường vẫn không chảnh mảng việc vun xới cho hoa mà chỗ lan viên lần lần như đã thấy cảnh điêu tàn. Không phải tại người, không phải tự hoa; chỉ tại cái không khí nặng nề của thời loạn phảng phất trên chỗ hoa viên.

Một đêm kia, về quăng cuối năm Bính Tuất, mưa tuôn rả rích, gió thổi vù vù, một cái đêm đông đầy những sự bí mật tối đen.

Cô chiêu Tần, kinh động mở mắt dậy. Mẻ lều trang lửa đỏ ngất trời. Tiếng người đi lại nhộn nhịp.

Tiếng người quát tháo dữ dội. Họ nhét giẻ vào miệng cô chiêu Tần, rồi vục đi. Chỗ bến đò ái Sơn, bốn chiếc thuyền từ từ dòi bến. Đứng trên mũi thuyền có tiếng người con gái gào khóc, một người

vạm vỡ mặc quần áo đen, quấn khăn đầu rìu, tay cầm một cây “hồng” đốt bằng giẻ tẩm dầu, soi sáng quắc mặt nước con sông.

Bên Túy lan trang, lửa vẫn đỏ ngòn mà tịnh không ai cứu hỏa. Tre và gỗ chỗ lầu trang thi nhau mà cháy trước những ngọn lửa xanh lè liếm quanh loài thảo mộc. Lúc mà ngọn lửa đám cháy không soi rõ những đám lan xanh rờn trên chậu sứ, thời canh đã sang tử. Đêm tăm tối buông một bức màn bí mật, lạnh lẽo lên trên chỗ hoa viên tàn tạ. Chỗ đầu sông, đàn đóm lập lòe nơi bến nước, gió đêm vi vút bãi lau già!

Sớm hôm sau, các người ở vùng đấy, ngồi triết lý sông, giữa hai ngum nước chè tươi nơi quán:

– Quan án Trần cũng vì bị kinh động, cảm xúc mạnh quá mà chết. Cô chiêu Tân, thuyền cướp mang đi. Cái biệt thự kia bị cháy ra tro. Cho hay sống vào thời loạn, cái phú quý và cái sắc đẹp cũng nhiều khi là cái mầm vạ lớn.

Từ khi lan vắng chủ, từ khi hoa không người nâng giắc, giống có quý kia cũng quyết tạ theo tri kỷ, thể không ở lại với thế gian. Vả chẳng người giai nhân đã đi, cái hào hoa cũng tận. Cái thuật cất “rượu khê” bên làng Vĩnh Trị, cũng không ai truyền lại cho ai nữa, để lại một mối tiếc cho “làng men” mỗi khi nhắc tới cái phong vị hồi cận đại.

Sau cái đêm dữ dội ấy, cây cỏ nơi Túy lan trang đều một loạt ủ rũ như để tang cho người thiên cổ. To liễu khóc mưa, tóc tùng reo gió, bóng tre lia bụi, đều ngậm một cái tình buồn trước cái hương

trời lẫn lóc khoảnh vườn hoang. Lan đã biết tạ chủ, thời cỏ cây kia há kém ai!

Để lại bên sông một khoảnh đất cao hơn mặt ruộng, đứng xa trông như một cái gò phát bằng ngọn, ngày nay, Túy lan trang chỉ còn là một chỗ đi về của đám mục đồng. Tụi trẻ kia không biết kính trọng cái âm phần của giống Túy lan khi yên giấc sau lúc tạ chủ, cho trâu bò giẫm nát cả mồ hoa!

Thiên “thảm sử Túy lan trang” cũng đi theo với thời gian và bị xóa nhòa trong trí nhớ người đồng thời. Ngày nay du khách đi qua vùng ái Sơn đất Thanh Hóa, nghe thấy những danh từ “Gò Lan tạ” và “Quán cậu Hai” phải hỏi mãi mới ra nghĩa cũ. “Gò Lan tạ” là nền tảng Túy lan trang và là cái nơi vui hoa lan; “Quán cậu Hai” là nơi cậu ấm Hai nghỉ ngựa trước khi gặp người ngọc chỗ lầu trang,

vẫn hết sức giơ cái thân tàn chịu lấy cái gió mưa nơi đầu bến. Gò, quán kia đã ghi vào trong tâm trí khách chơi hoa một cái kỷ niệm buồn rầu. Vườn xuân lan tạ chủ; đàn đóm lập lòe nơi bến nước mà gió đêm vi vút bãi lau già...

Tiểu thuyết thứ bảy, 1935

